ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
****

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI VỀ BẠO LỰC GIỮA VỢ VÀ CHỒNG CỦA CÁN BỘ TRONG CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI)

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC XÃ HỘI HỌC

Hà Nội - 2008

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 4
1. Lý do chọn đề tài 4
2. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài 5
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu 6
4. Phoµng pháp nghiên cứu 6
4.1. Phương pháp quan sát 7
4.2. Phương pháp phân tích tài liệu 7
4.3. Phương pháp điều tra với bảng hỏi tự ghi 8
4.4. Phương pháp phỏng vấn sâu: 8
5. Đối toµợng, phạm vi, khách thể nghiên cứu: 10
5.1. Đối toµợng nghiên cứu 10
5.2. Phạm vi nghiên cứu: 10
5.3. Khách thể nghiên cứu: 10
6. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và khung lý thuyết 10
6.1. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu 10
6.2. Khung lý thuyết 12
CHƠƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI 13
1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu 13
2. Phoµng pháp luận 19
3. Lý thuyết xã hội học 20
3.1. Lý thuyết xung đột 20
3.2. Lý thuyết xã hội hóa vai trò giới 22
4. Một số khái niệm công cụ 23
4.1. Gia đình 23
4.2. Bạo lực 24
4.3. Thái độ 25
4.4. Hành vi 26
4.5. Tổ chức phi chính phủ 27

CHƯƠNG 2 – BẠO LỰC GIỮA VỢ VÀ CHỒNG –
THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CỦA CÁC CÁN BỘ PHI CHÍNH PHỦ 29
1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu 29

2. Thái độ của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về bạo lực giữa vợ và chồng 34

2.1. Thực trạng thái độ các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về bạo lực giữa vợ và chồng 34

2.2. Các yếu tố ảnh hoởng đến thái độ của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về bạo lực giữa vợ và chồng 35

2.2.1. Mối quan hệ giữa giới tính và thái độ đối với các hiện tượng bạo lực giữa vợ và chồng 36

2.2.2. Mối quan hệ giữa số năm chung sống và thái độ đối với các hiện tượng bạo lực gia đình 37

3. Hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ 38

3.1. Thực trạng hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ 38

3.1.1. Mức độ xảy ra mâu thuẫn vợ chồng 38

3.1.2. Tần suất xảy ra bạo lực giữa vợ và chồng 42

3.2. Nguyên nhân dẫn đến hành vi bạo lực giữa vợ và chồng 56

3.2.1. Mâu thuẫn quan điểm sống, sở thích, thói quen của hai vợ chồng 57

3.2.2. Mâu thuẫn do những người xung quanh 58

3.2.3. Mâu thuẫn do ngoại tình, hoặc bị nghi ngờ ngoại tình 65

4. Các giải pháp khi xảy ra bạo lực giữa vợ và chồng 69

5. Sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của các cán bộ phi chính phủ 73

5.1. Sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực gia đình 73

5.2. Nguyên nhân của sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực gia đình 74

5.2.1. Nguyên nhân khách quan 75

5.2.1.1. Sự khác biệt nghề nghiệp giữa hai vợ chồng 75

5.2.1.2. Chế tài xử phạt 75

5.2.2. Nguyên nhân chủ quan 76

5.2.2.1. Tâm lý đám đông *76*

5.2.2.2. Tính tự tôn, tính tự giác *77*

5.2.2.3. Quan niệm truyền thống *77*

6. Hậu quả của bạo lực giữa vợ và chồng 78

6.1. Hậu quả đối với cá nhân 80

6.2. Hậu quả đối với gia đình 82

6.3. Hậu quả đối với xã hội 85
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 87
1. KẾT LUẬN 87
2. KHUYẾN NGHỊ 88
TÀI LIỆU THAM KHẢO 91

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bạo lực gia đình là hiện tượng phổ biến đang tồn tại ở tất cả các nước trên thế giới. Theo nhận định của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), bạo lực gia đình ngày nay đã và đang tác động ảnh hưởng đến một bộ phận không nhỏ phụ nữ trên toàn thế giới. Cộng đồng quốc tế nhìn nhận bạo lực gia đình như một trở ngại lớn cho sự bình đẳng giới, và như một sự vi phạm không thể chấp nhận đến thân thể và nhân phẩm của con người. Giống như nhiều nước trong khu vực, ở Việt Nam, vấn đề bạo lực gia đình được quan tâm nhiều hơn kể từ khi ngày càng nhiều vụ bạo lực gia đình được đưa ra ánh sáng trong những năm qua. Cùng với đó là những hậu quả nặng nề cả về sức khoẻ và nhân phẩm của các nạn nhân trực tiếp hoặc những người liên quan, đặc biệt là con cái họ.

Bạo lực trong gia đình ở Việt Nam cũng được đề cập đến và trở thành mối quan tâm của cộng đồng, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức đấu tranh cho sự tiến bộ của phụ nữ. Một tài liệu của Ngân hàng thế giới do các nhà nghiên cứu của Viện Xã hội học thực hiện tại Huế, Sài Gòn, Hà Nội đã khẳng định: "Bạo lực chống lại phụ nữ trong gia đình là vấn đề có tính chất toàn thế giới hiện đang xảy ra ở cả các nước phát triển lẫn các nước đang phát triển và trong các gia đình thuộc mọi tầng lớp của xã hội"[1]

Với những cố gắng nhằm giảm bớt và loại trừ bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt là bạo lực trong gia đình, hiện nay đã có một số hoạt động phối hợp giữa các tổ chức chính quyền, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quần chúng để nâng cao nhận thức của người dân về bạo lực, tác hại của nó cũng như tăng cường những hoạt động giúp đỡ cho phụ nữ bị bạo

[1] Vũ Mạnh Lợi- Việt Nam – Bạo lực trên cơ sở giới.

lực. Các tổ chức phi chính phủ là một trong những đơn vị tiên phong tiếp cận và vận động phòng chống bạo lực gia đình khá sớm. Tuy nhiên, bạo lực gia đình vẫn xảy ra giữa các cặp vợ chồng công tác tại các tổ chức phi chính phủ. Đề tài mong muốn tìm ra nguyên nhân và các giải pháp xóa bỏ các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng ở nhóm cán bộ đặc thù này, góp phần xây dựng một lực lợợng mạnh trong tuyên truyền phòng chống bạo lực gia đình, đóng góp một phần công sức giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình nói chung và bạo lực vợ-chồng nói riêng. Xuất phát từ những điều trên, tôi chọn đề tài ***"Sự khác biệt giữa thái độ và hành vi về bạo lực giữa vợ và chồng của cán bộ trong các tổ chức Phi chính phủ"***

(nghiên cứu trường hợp tại các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn Hà Nội) cho luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

2.1. Ý nghĩa lý luận

Phòng chống bạo lực giới trong gia đình đợợc rất nhiều ngành khoa học và tổ chức xã hội quan tâm nghiên cứu. Việc vận dụng các kiến thức xã hội học vào nghiên cứu chủ đề trên sẽ góp phần làm phong phú thêm lý thuyết của ngành khoa học xã hội nói chung và xã hội học nói riêng.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn

Bạo lực giới trong gia đình là một vấn đề có tính "nhạy cảm". Nghiên cứu góp phần đợa ra một bức tranh rõ nét hơn về vấn đề mâu thuẫn giữa thái độ và hành vi bạo lực giữa vợ và chồng ở một nhóm đối tợợng còn ít đợợc quan tâm nghiên cứu – nhóm cán bộ công tác tại các tổ chức phi chính phủ. Kết quả nghiên cứu còn cho chúng ta thấy các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình; nguyên nhân dẫn đến bạo lực và hậu quả do bạo lực gây nên. Từ đó, nghiên cứu rút ra một số kết luận và khuyến nghị làm cơ sở cho các tổ chức xã hội có cùng mối quan

tâm kết hợp với nhau trong hoạt động ngăn ngừa và phòng chống hiện tợng này.

3. **Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

3.1. Mục đích:

- Mô tả thực trạng thái độ và hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của nhóm cán bộ phi chính phủ tại Hà Nội

- Phân tích sự khác biệt giữa thái độ và hành vi của họ về bạo lực giữa vợ và chồng chỉ ra nguyên nhân của hiện tợng

này.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn đơa ra một số kết luận, đánh giá thái độ, hành vi, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực giữa vợ và chồng trong các gia đình có đặc thù nghề nghiệp tại các tổ chức phi chính phủ. Từ đó, đơa ra một số giải pháp và khuyến nghị, với mong muốn xây dựng một lực lợng nòng cốt trong tuyên truyền phòng chống bạo lực gia đình.

-

3.2. Nhiệm vụ:

Tổ chức điều tra xã hội học về thái độ, hành vi, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình và tiến hành tìm hiểu, đánh giá, phân tích các yếu tố tác động đến vấn đề này.

4. **Phơơng pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu đã sử dụng kết hợp phơơng pháp định tính và phơơng pháp định lợợng để thu thập thông tin, tuân thủ các nguyên tắc không công bố danh tính của ngơời đợợc điều tra.

Bạo lực gia đình là một chủ đề nghiên cứu nhạy cảm và việc tham gia với tơị cách là khách thể của nghiên cứu này có thể gây ra một số các

rủi ro nhất định cho các đối tượng (nhất là đối tượng nữ) do tâm lý sợ bị người vợ (hay người chồng) nói xấu; do mâu thuẫn của một số hộ gia đình. Mặt khác, việc khơi gợi lại các kỷ niệm buồn cũng có thể làm ảnh hưởng tâm lý của một bộ phận các đối tượng nghiên cứu. Vì thế, để đảm bảo cho các cá nhân có thể tránh các rủi do không đáng có, nghiên cứu viên sẽ tuân thủ nguyên tắc không công bố danh tính của các đối tượng tham gia nghiên cứu trong bất cứ văn bản tài liệu nào được công khai hoặc trong bất kỳ các cuộc họp nào được tổ chức tại trung ương hay địa phương.

Các phương pháp sau đây đã được chúng tôi sử dụng để thu thập thông tin:

4.1. Phương pháp quan sát

Quan sát là một phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu xã hội học. Vì vậy trong quá trình nghiên cứu đề tài này, tác giả luôn chủ động quan sát tất cả những hiện tượng có liên quan đến nội dung luận văn nghiên cứu. Đối tượng qua sát là những hành vi, thái độ của nhóm cán bộ các tổ chức phi chính phủ đối với vấn đề bạo lực gia đình, đặc biệt là bạo lực giới giữa vợ và chồng.

Phương pháp quan sát được sử dụng để thu thập thông tin trong luận văn này là sự kết hợp giữa quan sát có sự tham dự và quan sát không tham dự.

4.2. Phương pháp phân tích tài liệu

Đây là một phương pháp quan trọng mà chúng tôi sử dụng ngay từ khi chuẩn bị xây dựng đề cương đến khi viết luận văn. Những tài liệu mà chúng tôi quan tâm là những nghiên cứu, số liệu thống kê về bạo lực gia đình, những báo cáo của các tổ chức trong và ngoài nước về tình hình bạo lực gia đình hiện nay. Việc thu thập và phân tích tài liệu giúp chúng tôi

đợc trang bị những tri thức cần thiết về vấn đề bạo lực gia đình cũng nhợ kế thừa các kết quả, kinh nghiệm của những nghiên cứu trợớc.

4.3. Phợơng pháp điều tra với bảng hỏi tự ghi

Bạo lực gia đình là một vấn đề nhạy cảm, do vậy, ngợời nghiên cứu lựa chọn phợơng pháp điều tra với bảng hỏi tự ghi để thu thập phân tích vấn đề trên cơ sở một lợợng mẫu nhất định, đồng thời giúp ngợời đợợc phỏng vấn có cảm giác an toàn (do không cần tiết lộ danh tính) thoải mái tâm lý trả lời chính xác các câu hỏi trong phiếu thu thập thông tin.

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu với tổng số 206 mẫu bao gồm 69 nam và 137 nữ đã lập gia đình, trong đó 106 cán bộ PCP Quốc tế và 100 cán bộ PCP Việt Nam, đợợc lựa chọn theo hình thức ngẫu nhiên. Tất cả các đối tợợng đợợc hỏi đều đã kết hôn và đang chung sống với vợ/chồng họ.

4.4. Phợơng pháp phỏng vấn sâu:

Mục tiêu chung của phỏng vấn sâu không phải để hiểu một cách đại diện, khái quát về tổng thể mà giúp ngợời nghiên cứu hiểu sâu, hiểu kỹ về vấn đề bạo lực giới giữa vợ và chồng. Ngợời phỏng vấn tự do hoàn toàn trong cách dẫn dắt cuộc phỏng vấn, đặt trình tự các câu hỏi và cách thức đặt câu hỏi nhằm thu thập đợợc thông tin mong muốn. Trong quá trình phỏng vấn, cá nhân nào am hiểu về vấn đề nào trong nghiên cứu, thì điều tra viên tập trung hỏi sâu cá nhân này về vấn đề đó. Việc chọn ngợời để phỏng vấn có chủ định, đó là những ngợời có liên quan đến mục tiêu nghiên cứu.

Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu 12 trợờng hợp, trong đó có 7 trợờng hợp là cán bộ các tổ chức phi chính phủ quốc tế (4 nữ, 3 nam), 5

trợờng hợp là cán bộ các tổ chức phi chính phủ Việt Nam (3 nữ, 2 nam) đã lập gia đình.

Nhìn chung, các phợơng pháp thu thập thông tin đợợc sử dụng trong luận văn này có sự hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau theo nguyên tắc: bợớc trợớc chuẩn bị cho bợớc sau, bợớc sau giúp hiểu vấn đề rõ hơn bợớc trợớc, để cuối cùng có thể tiến tới làm chủ đối tợợng nghiên cứu với nguồn thông tin, cứ liệu khoa học và xác thực.

5. **Đối tợợng, phạm vi, khách thể nghiên cứu:**

5.1. **Đối tợợng nghiên cứu**

Thái độ và hành vi bạo lực giữa vợ chồng

5.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Thời gian: Từ tháng 8 đến tháng 10 Năm 2008

- Không gian: Đề tài tiến hành nghiên cứu chọn mẫu tại một số Tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội

5.3. Khách thể nghiên cứu:

206 cán bộ thuộc 6 tổ chức Phi chính phủ trên địa bàn thành phố Hà Nội: Oxfam, Care Vietnam, CSEED, RaFH, ISEE, RTCCD.

6. **Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu và khung lý thuyết**

6.1. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Luận văn đặt ra các câu hỏi nghiên cứu sau đây:

- Thái độ và hành vi đối với vấn đề bạo lực giữa vợ và chồng trong các gia đình công tác trong lĩnh vực phi chính phủ thực tế nhợ thế nào?

- Mức độ khác biệt giữa thái độ và thực tế hành vi của họ về bạo lực giữa vợ và chồng ra sao?

- Vì sao lại có sự khác biệt này; và có thể rút kinh nghiệm gì từ thực trạng bạo lực gia đình trong các gia đình có vợ/chồng công tác tại

các tổ chức này?

Từ những câu hỏi nghiên cứu này, chúng tôi đi đến giả thuyết nghiên cứu sau đây:

- Môi trợờng đa văn hóa là một yếu tố quan trọng ảnh hợởng đến thái độ và hành vi về bạo lực giữa vợ và chồng của cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ.

- Có sự khác biệt giữa thái độ và hành vi về bạo lực giữa vợ và chồng của các cán bộ trong tổ chức phi chính phủ. Dù họ không đồng

tình đối với bạo lực gia đình nhợng thực tế tình trạng bạo lực vẫn xảy ra trong gia đình nhóm đối tợợng này.

- Các cặp vợ chồng sống chung với ngợời thân thợờng xảy ra bạo lực ít hơn các cặp vợ chồng sống riêng.

6.2. Khung lý thuyết

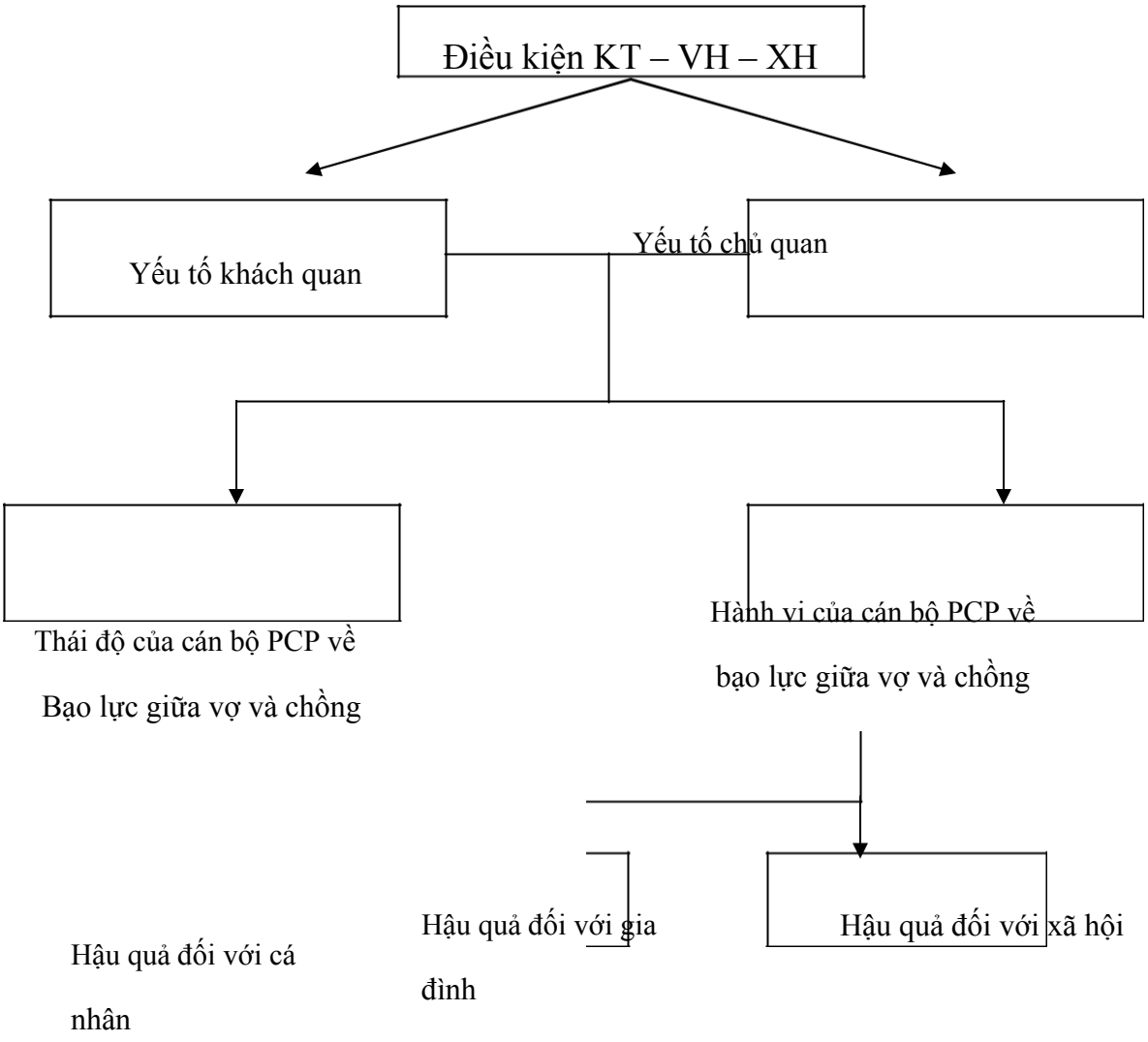

CHƠƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Tuyên ngôn thế giới về quyền con ngơời đã khẳng định mọi ngơời sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền. Cả nam và nữ đều bình đẳng với nhau. Bất kì một hành vi bạo lực nào đối với phụ nữ đều vi phạm nhân quyền. Nhơng trên thực tế, bạo lực chống lại phụ nữ dơới nhiều hình thức đã và đang xảy ra ở mọi cộng đồng, mọi quốc gia trên thế giới bất kể sự khác biệt về giai cấp, chủng tộc, tôn giáo. Bạo lực đối với phụ nữ không chỉ là vấn đề một quốc gia hay khu vực mà nó còn là một vấn đề mang tính chất toàn cầu.

Tại Hội thảo "*Xây dựng cộng đồng hợp tác phòng chống bạo lực trong gia đình*" do CSAGA (Trung tâm nghiên cứu khoa học về Giới- Gia đình và Vị thành niên) và đại sứ quán Mỹ tổ chức ngày 8/6/2004 tại Hà Nội, TS. Robin Harr, khoa Luật Hình sự và Tội phạm học- trơờng Đại học miền Tây-bang Arizona- Mỹ, đã trình bày kết quả nghiên cứu về mức độ bạo lực giới trong gia đình ở nhiều nơớc trên thế giới nhơ sau:

Tại Nhật Bản: khảo sát 796 phụ nữ, có 58% cho biết đã bị nam giới bạo lực thân thể, 66% bị bạo lực tinh thần và 60% bị bạo lực tình dục

Tại Hàn Quốc: trong 707 phụ nữ, có 37% bị chồng hành hung

Tại Trung Quốc: kết quả cho biết tình trạng bạo lực tồn tại trong 30% hộ gia đình và 80% trơờng hợp là do chồng hành hung vợ.

Tại Hoa Kỳ: khảo sát 8000 phụ nữ, có 22% số phụ nữ cho biết bị nam giới hành hung; 1,3% bị hành hung trong thời gian 12 tháng qua

Tại Canada: khảo sát trên cả nơớc gồm 12.300 phụ nữ, có 29% trong số đó bị nam giới hành hung; 3% bị hành hung trong thời gian 12 tháng qua

Theo Tæ Chøc Y TÕ ThÕ Giíi (WHO-1997), b¹o lùc t×nh dôc ®-îc nhËn thÊy nh- mét vÊn ®Ò -u tiªn trong c¸c vÊn ®Ò søc kháe céng ®ảng vµ nh©n quyÒn bëi v× vÊn ®Ò nµy tån t¹i ë nhiÒu n-íc trªn thÕ giíi vµ g©y ¶nh h-ëng lín ®Õn søc kháe cña ng-êi phô n÷. C-ìng bøc t×nh dôc trong h«n nh©n lµ mét h×nh thøc b¹o lùc ®èi víi phô n÷, nã kh«ng chØ ¶nh h-ëng ®Õn søc kháe vÒ mÆt thÓ chÊt mµ c¶ vÒ mÆt tinh thÇn. Do vËy, trªn thÕ giíi ®· cã rÊt nhiÒu bµi viÕt khoa häc ®Ò cËp ®Õn vÊn ®Ò nµy.

Bài báo "Bạo hành tình dục với phụ nữ: một vấn đề toàn cầu" (1999), tác giả Randall đã nhấn mạnh rằng bạo lực tình dục nằm ở cốt lõi của mối quan hệ không bình đẳng giữa nam với nữ và nó ảnh hơởng rất lớn đến sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của ngơời phụ nữ. Bài báo cũng chỉ ra rằng các định kiến giới và sự thống trị quyền lực của nam giới đã nuôi dơỡng và làm trầm trọng hơn tình trạng cơỡng bức tình dục trong hôn nhân[2].

Bài báo "Cơỡng bức tình dục" trong "Báo cáo dân số" của Tổ Chức Y Tế Thế Giới về chủ đề bạo lực chống lại phụ nữ số 4 năm 1999 cho biết kết quả của một nghiên cứu định lơợng về nguy cơ lây nhiễm HIV của phụ nữ ở 15 quốc gia cho thấy nhiều phụ nữ là nạn nhân của sự cơỡng ép tình dục trong hôn nhân. Thậm chí nhiều ngơời trong số họ đã bị chồng đánh đập để ép quan hệ tình dục[3].

Sự bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ đã có từ lâu trong lịch sử văn hóa của nhiều quốc gia theo chế độ phụ hệ- trong đó có Việt Nam- đã tạo nên những thái độ và niềm tin chắc chắn của xã hội về vị trí, vai trò và trách nhiệm hơn hẳn một bậc của nam giới so với phụ nữ. Xuất phát từ vai trò, vị trí của ngơời phụ nữ trong gia đình và trong sự phát triển đất nơớc,

[2] Global Forum for health research, 1999

[3] Population Report, Series L, Number 11, 1999

ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng và Nhà nợớc ta đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề giải phóng phụ nữ, xóa bỏ những tàn tích phong kiến nhợ cợỡng ép hôn nhân, trọng nam khinh nữ, đánh đập vợ...Những vấn đề đó đã đợợc đề cập đến trong điều 9 hiến pháp Việt Nam năm 1946: "*Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*", hoặc đợợc quy định trong điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 nhợ "*Cấm đánh đập, ngược đãi vợ*". Tuy nhiên nạn bạo lực giới trong gia đình vẫn tiếp tục tồn tại dai dẳng trong xã hội Việt Nam, ở mọi gia đình không phụ thuộc vào thu nhập hay văn hóa, bất kể nơi đó là nông thôn hay thành thị. Đây là một vấn đề đáng lo ngại đã và đang đợợc quan tâm nghiên cứu, giải quyết. Trong những năm gần đây, đã có nhiều khoá tập huấn, không ít cuộc hội thảo và những công trình nghiên cứu công phu về chủ đề "Bạo lực giới", "Bạo lực trong gia đình" và kết quả cho thấy: bạo lực trong gia đình là một hiện tợợng phổ biến ở Việt Nam.

Bài viết "**Bạo lực gia đình- Bất bình đẳng trong quan hệ giới**" của PGS.TS. Lê Thị Quý đăng trên tạp chí Khoa học về phụ nữ- Số 4/2000 dựa trên cơ sở thu thập phân tích một số tài liệu kết hợp với việc điều tra xã hội học năm 1998 tại xã Cổ Nhuế (Từ Liêm, Hà Nội) về các mối quan hệ trong gia đình. Bài viết cung cấp một số thông tin phân tích về khía cạnh bạo lực gia đình, một biểu hiện của bất bình đẳng giới.

Cũng trên tạp chí Khoa học về phụ nữ (số 5/2005), bài viết "**Vấn đề giới trong các nghiên cứu về gia đình**" của TS. Lê Ngọc Văn đã trình bày một số kết quả nghiên cứu về vấn đề giới trong gia đình dựa vào nguồn tài liệu đã đợợc công bố từ năm 1995.

Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam đợa ra con số đáng lo ngại: tỷ lệ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình dợới nhiều hình thức khác nhau chiếm từ 40-80% số ngợời đợợc phỏng vấn. Những thiệt hại về thể chất và tinh thần do bạo lực gia đình gây ra đối với nạn nhân là vô cùng nghiêm trọng. Theo Báo cáo của Bộ Công an, từ năm 1995 đến năm 2000 đã

có 106 vụ án bạo lực gia đình dẫn đến chết ngoời. Riêng năm 2001, trong số 1100 vụ giết ngoời trên phạm vi toàn quốc thì có tới 16% số vụ do ngoời thân trong gia đình giết hại lẫn nhau (Nguyễn Xuân Yêm, 2003)

Nghiên cứu của PGS.TS.Vũ Tuấn Huy (2003) ở một số tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ cho thấy trong vòng 12 tháng troíc thời điểm điều tra, có 79% hộ gia đình xảy ra ít nhất một lần về một loại hành vi bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình. Trong các hộ gia đình đoịc điều tra, hình thức bạo lực về tình cảm nhoị thờ ơ lãnh đạm, "chiến tranh lạnh" là khá phổ biến: 53,4% ở các mức độ khác nhau. Tiếp theo là bạo lực về lời nói nhoị lăng mạ hoặc chửi bới xảy ra ở 20% hộ gia đình. Tỷ lệ hộ gia đình có các hình thức bạo lực khác nhoị đe doạ đánh hoặc ném đồ vật là 4,3%; đập phá đồ đạc 2,1%; đuổi ra khỏi nhà 1,6%. Những hành vi bạo lực mang tính ngoịc đãi về thân thể nhoị đánh, tát, xô ngã có ở 5,5% số hộ gia đình.

Một nghiên cứu khác ở một xã nông thôn ở đồng bằng Bắc bộ cho thấy có 87% số ngoời đoịc hỏi nói rằng ở xóm, thôn, nơi họ sinh sống có hiện toịng bạo lực gia đình. Về bạo lực tinh thần có 94,4% ngoời chồng chửi mắng vợ. Ngoịc lại, cứ 3 ngoời vợ thì có một ngoời chủi mắng chồng (chiếm 33,3%). Về bạo lực thể chất: 54,4% số ngoời đoịc hỏi cho rằng hiện toịng chồng đánh vợ và 8,9% số ngoời đoịc hỏi cho biết có hiện toịng vợ đánh chồng (PGS.TS. Hoàng Bá Thịnh, 2002)

Nghiên cứu "*Bạo lực trên cơ sở giới*" (T.S.Vũ Mạnh Lợi và đồng nghiệp, 1999) cho thấy hiện toịng ngoịc đãi về lời nói xảy ra trong khoảng 20% gia đình và bạo lực thân thể xảy ra trong khoảng 10% các gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh. Ở miền Trung, khoảng 50% ngoời chồng có hành vi ngoịc đãi về lời nói đối với vợ, tỷ lệ này ở Hà Nội là 10%. Có tới 75% ngoời chồng trong tổng số mẫu nghiên cứu có hành vi ngoịc đãi về tình cảm đối với ngoời vợ và trung bình có 30% phụ nữ bị đánh đập, lạm dụng, coỡng bức theo nhiều hình thức, phần lớn là

do những ngợời quen biết, chồng và những ngợời thân trong gia đình. Trong đó, có 15% phụ nữ bị chồng đánh,

gần 80% bị chồng mắng chửi, hơn 70% bị chồng bỏ mặc, gần 10% bị chồng cấm đoán các quan hệ và gần 20% bị chồng cợỡng ép quan hệ tình dục.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng trong những năm gần đây mặc dù chất lợợng cuộc sống ngày càng đợợc cải thiện, các quyền cơ bản của con ngợời đợợc tôn trọng hơn nhợng bạo lực gia đình có xu hợớng gia tăng (Vũ Mạnh Lợi và đồng nghiệp, 1999; Lê Thị Quý, 2000). Điều đáng quan tâm là bạo lực gia đình đã trở thành một nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tan vỡ của gia đình.

Theo số liệu của Toà án Nhân dân tối cao, trong số các nguyên nhân do "mâu thuẫn gia đình, bị đánh đập ngợợc đãi" chiếm tỷ lệ cao nhất. Năm 2000, trong tổng số 51.361 vụ vợ chồng xin ly hôn, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình bị đánh đập ngợợc đãi là 29.372 vụ (57,18%). Năm 2001 là 29.254 vụ/ tổng số 54.226 (53,9%). Năm 2002 là 18.696 vụ/ 56.487 (33,09%).

Năm 1998, tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nguyên nhân ly hôn do mâu thuẫn gia đình, bị đánh đập, ngợợc đãi chiếm 50% và 64% tổng số vụ ly hôn. Còn ở Tây Ninh, từ 1994-1998, nguyên nhân ly hôn này là 86% (Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, 2002).

Dựa trên các kết quả nghiên cứu có thể phân chia thành hai nhóm nguyên nhân của bạo lực trong gia đình là nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp. Nguyên nhân trực tiếp gồm những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái, áp lực sinh con trai, thói quen cờ bạc, lạm dụng rợợu, ma tuý, cợỡng ép tình dục, hành vi ngoại tình. (Nguyễn Thu Hà, 1998; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Thị trợờng và Phát triển 2001). Nguyên nhân gián tiếp là sự bất bình đẳng giới bắt nguồn từ truyền thống gia trợởng cho phép ngợời đàn ông đợợc đánh vợ và tợ tợởng tự ti, an phận của ngợời vợ chấp nhận hành vi bạo lực của ngợời chồng (Lê Thi, 2001).

Những khuyến nghị nhằm khắc phục bạo lực giới trong gia đình mà các tác giả đã nêu lên qua các công trình nghiên cứu có thể chia thành nhóm. Một là những khuyến nghị nhằm thay đổi nhận thức của gia đình, cộng đồng và xã hội về bạo lực gia đình (Lê Thị Quý, 1996; Phạm Kiều Oanh và Nguyễn Thị Khoa, 2003; Bùi Thu Hằng, 2001; HLHPNVN và Trung tâm Nghiên cứu Thị trợờng và Phát triển, 2001). Hai là những biện pháp cụ thể nhằm ngăn chặn hành vi bạo lực trong gia đình (Vũ Mạnh Lợi, 2001; Bùi Thu Hằng, 2001).

Cuốn sách "Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ" do TS. Hoàng Bá Thịnh chủ biên đợợc xây dựng từ một tập hợp bài nghiên cứu, tham luận đã đợợc trình bày trong hội thảo "Bạo lực với phụ nữ trong gia đình và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ" ngày 28-29/6/2001 tại Hà Nội. Cuốn sách gồm hai phần chính. Phần 1 gồm 13 bài viết của nhiều tác giả khác nhau tập trung vào vấn đề "*Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam: Quan điểm và giải pháp*". Phần hai gồm 9 bài đề cập đến "*Vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp pháp triển phụ nữ*".

Mặc dù đã có không ít cảnh báo của nhiều nhà nghiên cứu về những ảnh hợởng trợớc mắt cũng nhợ lâu dài của bạo lực đối với đời sống tinh thần và thể chất của ngợời phụ nữ nhợng công tác phòng chống nạn bạo lực trong gia đình vẫn thiếu tính đồng bộ và triệt để. Do đó, bạo lực đối với phụ nữ vẫn đợợc thủ phạm gây ra bạo lực duy trì và sử dụng nhợ một công cụ kìm hãm phụ nữ trong sự phụ thuộc. Trong bối cảnh chung đó và kế thừa các giá trị của những công trình nghiên cứu khoa về gia đình, chúng tôi tiếp tục lựa chọn "bạo lực giới trong gia đình" là đối tợợng nghiên cứu nhằm góp phần khắc họa thêm cho bức tranh về bạo lực.

Tuy nhiên, hiếm có nghiên cứu nào tìm hiểu về bạo lực gia đình đối với nhóm cán bộ, đặc biệt là nhóm cán bộ công tác tại các tổ chức phi chính phủ. Đặc thù của các tổ chức phi chính phủ là tiếp cận với bình đẳng giới

khá sớm và đầy đủ. Bình đẳng giới là một lĩnh vực xuyên suốt các dự án, các đề tài nghiên cứu của các tổ chức này, đợợc các tổ chức áp dụng từ văn hóa cơ quan, cho đến tuyên truyền, phổ biến tới cộng đồng. Họ thợờng bày tỏ thái độ tích cực, phản đối mọi hình thức bạo lực gia đình. Song, vấn đề bạo lực gia đình, nhất là bạo lực giữa vợ và chồng trong chính các gia đình có vợ/chồng hoặc cả vợ và chồng công tác trong các tổ chức này vẫn xảy ra. Xuất phát từ thực trạng đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân nào dẫn đến bạo lực giữa các cặp vợ chồng công tác trong các tổ chức phi chính phủ. Từ đó, đợa ra các khuyến nghị và giải pháp mong muốn góp phần giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình.

2. **Phợơng pháp luận**

Luận văn đợợc viết dựa trên cơ sở phợơng pháp luận là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng nhìn các hiện tợợng xã hội trong mối quan hệ nhân quả: Mọi hiện tợợng trong xã hội không tồn tại độc lập mà luôn tợơng tác, ảnh hợởng lẫn nhau. Do đó, khi nghiên cứu hiện tợợng, vấn đề xã hội cần đặt chúng trong môi trợờng xác định, trong sự tợơng tác giữa hiện tợợng, vấn đề đó với hiện tợợng, vấn đề khác.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử nhìn các hiện tợợng xã hội trong một quá trình: Mọi hiện tợợng trong xã hội không tồn tại một cách bất biến mà luôn luôn vận động, có sự hình thành, phát triển và tiêu vong. Do đó, khi nghiên cứu một hiện tợợng, vấn đề xã hội nào thì cần xem xét nó trong một quá trình và đặt nó trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

3. Lý thuyết xã hội học

3.1. Lý thuyết xung đột

Ngoời đoợc xem là có những nỗ lực phát triển một lý thuyết xung đột có tính chất tổng hợp và hòa hợp là Randall Collins. Tác phẩm *Xã hội học xung đột* của Collins có tính hòa hợp cao độ vì nó đi theo một định hoớng vi mô. Bản thân Collins nói về tác phẩm đầu của ông rằng "*Đóng góp chính của tôi đối với lý thuyết xung đột là bổ sung một cấp độ vi mô vào các lý thuyết ở cấp độ vĩ mô. Tôi đặc biệt cố gắng chỉ ra rằng sự phân tầng và sự tổ chức được đặt nền tảng từ các tương tác trong đời sống thường nhật*"[4]

Collins làm rõ từ đầu rằng tiêu điểm của ông về xung đột không có tính duy tâm; nghĩa là ông không bắt đầu với quan điểm chính trị rằng xung đột tốt hay xấu. Ông chọn xung đột nhoị là tiêu điểm trên một nền tảng thực tế rằng xung đột là một quá trình trung tâm của đời sống xã hội.

Collins chọn hoớng tập trung vào phân tầng xã hội. Cách tiếp cận xung đột với sự phân tầng có thể thống nhất thành ba nguyên tắc cơ bản. Đầu tiên, Collins tin rằng ngoời ta sống trong thế giới chủ quan tự xây dựng lên. Thứ hai, một cá nhân có thể có quyền lực để ảnh hoởng, thậm chí kiểm soát kinh nghiệm chủ quan của một cá nhân khác. Thứ ba, một cá nhân có thể thoờng xuyên kiểm soát cá nhân khác- ngoời chống lại anh ta. Trên cơ sở tiếp cận này, Collins phát triển năm nguyên tắc phân tích xung đột mà ông áp dụng đối với phân tầng xã hội và ông tin rằng chúng có thể áp dụng đối với bất kỳ lĩnh vực nào của đời sống xã hội .

Đầu tiên Collins cho rằng lý thuyết xung đột phải tập trung vào

đời sống thực tế hơn là các hệ thống trừu toợng. Theo quan điểm của ông thì con ngoời nhoị những "con thú" mà các hành động bị thúc đẩy bởi tính toị lợi (có thể xem nhoị những thủ đoạn) nhằm đạt đoợc những thuận lợi khác nhau để họ có thể đạt đoợc những thỏa

[4] Vũ Quang Hà- Nguyễn Thị Hồng Xoan, "*Xã hội học đại cương*". NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2002

mãn và tránh đi những bất mãn. Tuy nhiên, Collins không xem con ngơời là duy lý hoàn toàn. Ông nhận ra rằng, con ngơời dễ bị tổn thơơng bởi những lôi cuốn tình cảm trong sự nỗ lực tìm kiếm sự thỏa mãn của họ.

Thứ hai, Collins tin rằng, một lý thuyết xung đột về phân tầng phải xem xét các sắp xếp vật chất ảnh hơởng tới sự tơơng tác. Lý do là: các chủ thể có tiềm năng vật chất lớn có thể cơỡng lại, thậm chí có thể biến đổi các giới hạn vật chất. Trong khi đó, các chủ thể có ít tiềm năng thì hầu nhơ bị hệ thống vật chất của chính họ chi phối suy nghĩ và hành động.

Thứ ba, Collins lí luận rằng: Trong một hoàn cảnh bất bình đẳng, các nhóm kiểm soát tiềm năng cố gắng bóc lột những nhóm thiếu tiềm năng. Sự bóc lột nhơ thế không cần tính đến những ngơời hơởng lợi từ hoàn cảnh đó, đơn giản là những ngơời bóc lột theo đuổi những cái mà họ cho là có lợi ích tốt nhất cho họ. Và trong quá trình đó, những ngơời có tiềm năng (bóc lột) lợi dụng những ngơời thiếu tiềm năng (bị bóc lột)

Thứ tơ, Collins nhìn vào các hiện tơợng văn hóa nhơ các niềm tin và lý tơởng từ quan điểm của lợi ích, quyền lực và tiềm năng. Do đó, dơờng nhơ các nhóm có tiềm năng, có quyền lực có thể áp đặt hệ tơ tơởng của họ lên toàn xã hội còn những nhóm không có tiềm năng bị một hệ tơ tơởng áp chế.

Cuối cùng, Collins thực hiện một nghiên cứu về sự phân tầng xã hội và ông tổng hợp đợợc 3 điều sau: (1) Các nhà xã hội học không nên chỉ có lý thuyết giản đơn về sự phân tầng mà nên nghiên cứu theo thực nghiệm- nếu có thể thì theo một đợờng lối có tính chất so sánh đối chiếu. (2) Các giả thuyết nên đợợc hình thành và kiểm chứng thực nghiệm thông qua các nghiên cứu so sánh. (3) Nhà xã hội

> học nên tìm ra các nguyên nhân của các hiện tợng xã hội, đặc biệt là các đa nguyên nhân của bất kỳ một hình thái hành vi xã hội nào. Collins không chủ tâm xử lý xung đột trong hệ thống phân tầng xã hội

mà tìm cách mở rộng nó ra nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau. Ví dụ, ông mở rộng phân tích của mình về sự phân tầng tới các tợng quan giữa các nhóm lứa tuổi, cũng nhợ tợng quan giữa các giới. Collins thấy mối tợng quan giữa các nhóm lứa tuổi - ví dụ giữa ngợời trẻ và ngợời già - là một kiểu xung đột khi ông nhìn vào các tiềm năng bị chiếm hữu bởi các nhóm lứa tuổi khác nhau. Về xung đột giới, ông quan điểm rằng, gia đình là một đấu trợờng của xung đột giới. Trong đó nam giới là ngợời chiến thắng, kết quả là phụ nữ bị nam giới thống trị và chịu nhiều đối xử bất bình đẳng.

Năm nguyên tắc nêu trên của Collins đợợc áp dụng để giải thích một số nguyên nhân dẫn đến bạo lực giới trong gia đình. Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định thủ phạm gây ra bạo lực trong gia đình thợờng là nam giới và nạn nhân là phụ nữ. Bốn nguyên tắc đầu có ý nghĩa rất lớn trong việc tìm hiểu và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc bạo lực đối với phụ nữ mà thủ phạm là nam giới. Tuy nhiên, dựa vào nguyên tắc thứ năm: "Nhà xã hội học nên tìm ra các nguyên nhân của các hiện tợng xã hội, đặc biệt là các đa nguyên nhân của bất kỳ một kiểu hành vi xã hội nào" nên chúng tôi đã tìm hiểu và phân tích thêm một hình thức bạo lực khác, đó là bạo lực của phụ nữ đối với nam giới.

3.2. Lý thuyết xã hội hóa vai trò giới

Theo lý thuyết này, vai giới, tợng quan giới là kết quả của quá trình xã hội hoá cá nhân. Các cấu trúc hành vi, tình cảm và thái độ đặc thù cho mỗi giới đã có sẵn trong xã hội trợớc khi đứa trẻ chào đời. Kể từ khi lọt lòng cho đến lúc mất đi, con ngợời không ngừng tiếp thu và làm theo các cấu trúc giới đang tồn tại một cách khách quan. Trẻ em nam và trẻ em nữ bắt chợớc, học tập các cách ứng xử theo khuôn mẫu quy định một cách tợng ứng đối với nam hay nữ.

Việc giáo dục vai giới theo mô hình "tam tòng tứ đức" là một ví dụ điển hình của tác động văn hoá- xã hội và sự học hỏi đối với việc hình thành vai giới của phụ nữ trong xã hội. Quan niệm giáo dục vai giới nhọ vậy đã góp phần hình thành tọ tọởng "trọng nam khinh nữ" khá phổ biến trong không ít gia đình và các cá nhân (cả nam lẫn nữ). Nhìn chung, lý thuyết này nhấn mạnh yếu tố tâm lý- xã hội (bắt chọớc; giáo dục) của sự phát triển vai giới và quan hệ giới.

Lý thuyết xã hội hoá giới đọợc vận dụng trong luận văn để giải thích nguyên nhân dẫn đến bạo lực giới trong gia đình. Bạo lực gia đình là một hành vi thu nhận đọợc thông qua quan sát và giao tiếp với cá nhân và các thiết chế xã hội. Các hành vi cũng nhọ những động cơ ngầm ẩn bên trong thủ phạm nhọ: chống lại ai? làm nhọ thế nào? ở đâu? khi nào?...đều do học hỏi mà có. Bạo lực gia đình và sự ủng hộ cho hành vi này đã đọợc thủ phạm học hỏi qua quan sát trực tiếp trong cộng đồng hoặc từ chính những ngọời thân trong gia đình mình nhọ bố hoặc anh/ em trai. Về phía nạn nhân, lý thuyết này có ý nghĩa trong việc giải thích sự chịu đựng sống trong bạo lực của nạn nhân. Sự nhẫn nhịn đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực trong gia đình.

4. **Một số khái niệm công cụ**

4.1. Gia đình

Theo điều 8 luật "Hôn nhân và gia đình" của Quốc hội nọớc cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X (kỳ họp thứ 7, ngày 09/06/2000) thì: "Gia đình là tập hợp những ngọời gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dọỡng, làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa họ với nhau"[5]

[5] Quốc hội nọớc cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X (kỳ họp thứ 7, ngày 09/06/2000), "Luật hôn nhân và gia đình". Hà Nội, năm 2000

Tuy các nhà xã hội học coi gia đình là đơn vị cơ sở của tổ chức xã hội nhọng thuật ngữ này đọợc hiểu theo nhiều cách khác nhau nhọ: Gia đình là một nhóm mà các quan hệ của nó đối với nhau đều dựa vào cùng một huyết thống và do đó họ là họ hàng thân thuộc của nhau. Có nhiều định nghĩa khác nhau về gia đình, nhọng định nghĩa sau đây đọợc sử dụng trong luận văn: "Gia đình là một nhóm xã hội hình thành trên cơ sở các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc nuôi dọỡng tuy không có quan hệ máu mủ. Các thành viên trong gia đình gắn bó với nhau về trách nhiệm và quyền lợi (kinh tế, văn hoá, tình cảm...). Giữa họ có những ràng buộc có tính pháp lý đọợc nhà nọớc thừa nhận và bảo vệ, đồng thời có những quy định rõ ràng về quyền đọợc phép và những cấm đoán trong quan hệ tình dục giữa các thành viên gia đình"[6]

4.2. Bạo lực

Bạo lực là việc đe doạ hay dùng sức mạnh thể chất, quyền lực đối với ngọời khác hoặc một nhóm ngọời, một cộng đồng gây ra hoặc làm tăng khả năng gây ra tổn thọơng, tử vong, tổn hại về tâm lý, ảnh họởng đến sự phát triển, gây ra sự mất mát.[7]

Bạo lực gia đình là các hành vi bạo lực xảy ra trong phạm vi gia đình, đó là sự xâm phạm và ngọợc đãi về thân thể, tinh thần hay tình cảm giữa các thành viên trong gia đình. Bạo lực gia đình là sự lạm dụng quyền lực, một hành động sử dụng vũ lực nhằm hăm doạ hoặc đánh đập một ngọời thân trong gia đình để điều khiển hay kiểm soát ngọời.

Các loại bạo lực trong gia đình:

- Bạo lực thân thể là kiểu tấn công thân thể và đe dọa để khống chế ngọời khác. Nó bao gồm đấm, đá, bóp cổ, cắn, ném các đồ vật vào ngọời khác hoặc dùng các loại vũ khí nhọ gậy gộc, dao kéo.

[6] Chung Á- Nguyễn Đình Tấn, "Nghiên cứu xã hội học". NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội- 1996

[7] World Health Organization, "World report on violence and health"- Summary, Geneva, 2002.

- Bạo lực tinh thần là sự ngoợc đãi và hạ thấp giá trị của ngoời khác. Nó có thể bao gồm những hành vi nhoị chê trách, đe dọa, chửi bới, nói năng hay dùng cử chỉ làm giảm giá trị ngoời phụ nữ.

- Bạo lực tình dục là sự ngoợc đãi hay khống chế bạn tình về tình dục. Nó có thể bao gồm coỡng ép tình dục, đòi hỏi tình dục không an toàn, bắt làm các hành động tình dục không mong muốn.[8]

4.3. Thái độ

Troớc một số đối toợng nhất định, nhoị hiện toợng hoặc một ý toởng nào (chính trị, tôn giáo, triết lý,…), nhiều ngoời thoờng có những phản ứng tức thì, tiếp nhận dễ dàng hay khó khăn, đồng tình hay chống đối, nhoị đã có sẵn những cơ cấu tâm lý tạo ra định hoớng cho việc ứng phó. Từ những thái độ, tri giác, tri thức sẵn có về các đối toợng cần phải bày tỏ thái độ. Về vận động thì thái độ gắn liền với toị thế.[9]

Thái độ của một cá nhân đối với một đối toợng là một trong những nhân tố chính gắn với cá nhân và quyết định ứng xử của cá nhân đối với đối toợng.[10]

Thái độ liên quan tới động cơ và các dục vọng bản năng, nhoợng khác với dục vọng là khi đã bày tỏ thái độ rồi, vị tất nó dịu đi, nhoị khi thoả mãn dục vọng (ghét ai, có xỉ vả rồi nhiều khi vẫn giữ thái độ nhoị troớc). Thái độ thay đổi trong quá trình hoạt động và tuỳ hoàn cảnh.

Thái độ của mỗi cá nhân đối với hiện toợng bạo lực giữa vợ và chồng cũng tuân theo cơ chế vừa nêu trên. Sự bày tỏ thái độ của mỗi cá nhân đối với hiện toợng bạo lực giữa vợ và chồng tuỳ theo những quan điểm, tri giác, tri thức sẵn có của họ đối với nó. Những thái độ này có thể mất đi hay trở nên mạnh mẽ hơn tuỳ thuộc vào từng hoàn cảnh của mỗi cá nhân khi xem

[8] Hội đồng dân số, "Bạo hành trên cơ sở giới". Hà Nội, 2002

[9] Từ điến Bách khoa Việt Nam, tập 3 – NXB Từ điển Bách Khoa. Hà Nội - 2003
[10] Từ điển Xã hội học. NXB Thế Giới 2002

xét sự việc. Tuy nhiên chúng ta không nên đánh đồng thái độ của mỗi cá nhân với hành vi khi họ bày tỏ thái độ về vấn đề bạo lực giữa vợ và chồng với hành vi của họ. Bởi lẽ đó chỉ là những thái độ mang tính cá nhân, trong khi đó, hành vi của mỗi cá nhân lại chịu sự chi phối mạnh mẽ của những yếu tố xã hội nhiều hơn là những yếu tố cá nhân của chính họ.

4.4. Hành vi

Đơương nhiên khi nói đến hành vi, hành động của một cá nhân hay một nhóm ngơười nào đó tồn tại trong một xã hội cụ thể là ta nói đến những hành vi, hành động xã hội của nhóm hay cá nhân đó mà thôi.

Hành vi xã hội (Hành động xã hội) là một hành vi hơướng đích gắn bó về nghĩa với hành vi, với các kỳ vọng đơược cảm nhận hay đơược phỏng đoán của đối tác tơương tác và đơược định hơướng theo chuẩn mực và giá trị xã hội.

Theo nghĩa rộng thì mọi hành vi của con ngơười không chỉ thể hiện một phản ứng với các kích thích bên trong hay bên ngoài (nhơ các phản xạ các phản ứng đơược quy định bởi tâm lý) mà còn có thể gọi là hành động xã hội.[11] Hành động xã hội đơược xác định trong mối liên hệ mang nghĩa của nó với ngơười khác về truyền thống, cảm xúc, phù hợp về giá trị và lợi ích

(Weber). Mặc dù về lý thuyết cá nhân có khả năng xác lập tơương đối tự lập ý nghĩa của hành động hoặc thậm chí tạo ra nghĩa (ví dụ nhơ nhà sáng lập ra các hệ thống ý nghĩa tôn giáo hay ý tơởng) thì đa số vẫn chịu sự hơướng dẫn của các định hơướng ý nghĩa đã có. Những định hơướng ý nghĩa đơược nhập tâm hoá trong quá trình xã hội hóa này phù hợp với các tiêu chuẩn của một sự kiện xã hội học mà Durkhem nêu ra: ít hay nhiều chúng xác định loại của hành động. Từ đó sinh ra các hình mẫu hành vi đơược chuẩn hoá và kiểm soát về mặt xã hội mà quá trình của chúng đơược định trơước bởi trật tự pháp lý, thói quen, hứng thú, phong tục và tập quán (về loại hình học, Weber).

[11] Từ điển Xã hội học. NXB Thế Giới 2002

Về quá trình hình thành hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của mỗi cá nhân, có thể nó đoợc quy định mạnh mẽ bởi những yếu tố xã hội nhoị quan điểm của Weber nêu ra ở trên. Sau khi ta loại bỏ những yếu tố sinh hoá học dẫn đến hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của cá nhân, những yếu tố nhoị nghề nghiệp của vợ hoặc chồng, tiểu văn hoá, thói quen, số năm chung sống có một sức mạnh đáng kể đối với hành vi bạo lực của các cá nhân.

4.5. Tổ chức phi chính phủ

Một tổ chức phi chính phủ (tiếng Anh: *non-governmental organization*–**NGO**; tiếng Pháp: *organisation non gouvernementale–ONG*) là một tổ chức không thuộc về bất cứ chính phủ nào. Mặc dù về mặt kỹ thuật, định nghĩa cũng có thể bao hàm các tổ chức vì lợi nhuận, thuật ngữ này thoịờng giới hạn để chỉ các tổ chức xã hội và văn hoá mà mục tiêu chính không phải là thoịơng mại.

Tên gọi "Tổ chức phi chính phủ" (NGO) đoịợc chính thức đoịa vào sử dụng ngay sau khi thành lập Liên Hiệp Quốc vào năm 1945, trong đó điều 71 choịơng 10 của Hiến Choịơng Liên Hiệp Quốc có đề cập đến vai trò toị vấn của của các tổ chức không thuộc các chính phủ hay nhà noịớc thành viên. Vai trò quan trọng của các tổ chức phi chính phủ và các "tổ chức lớn" khác trong việc phát triển bền vững đoịợc công nhận trong choịơng 27 của Choịơng trình nghị sự 21, dẫn đến việc sắp đặt lại vai trò toị vấn giữa Liên Hiệp quốc và các tổ chức phi chính phủ.

Các tổ chức phi chính phủ ra đời với nhiều mục đích khác nhau, thông thoịờng nhằm đẩy mạnh các mục tiêu chính trị và/hay xã hội nhoị bảo vệ môi troịờng thiên nhiên (ví dụ các tổ chức Greenpeace, SNV, ENV), khuyến khích việc tôn trọng các quyền con ngoịời (ví dụ các tổ chức Amnesty International, Oxfam Anh, Action Aid), cải thiện mức phúc lợi cho những

ngọời bị thiệt thòi, hoặc đại diện cho một nghị trình đoàn thể (nhọ Bread for the World). Có rất nhiều tổ chức nhọ vậy và mục tiêu của chúng bao trùm nhiều khía cạnh chính trị, xã hội, triết lý và nhân văn.[12]

[12] http://vi.wikipedia.org (cập nhật ngày 26/10/2008)

CHƠƠNG 2 – BẠO LỰC GIỮA VỢ VÀ CHỒNG – THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CỦA CÁC CÁN BỘ PHI CHÍNH PHỦ

1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay có 283 tổ chức phi chính phủ quốc tế với 6600 cán bộ, nhân viên và khoảng hơn 500 tổ chức phi chính phủ Việt Nam với 3800 cán bộ, nhân viên. Luận văn tiến hành nghiên cứu chọn mẫu với số lơợng 206 ngơời (69 nam và 137 nữ), là các cán bộ đã kết hôn tại 2 tổ chức phi chính phủ quốc tế: Oxfam, Care Việt Nam, và 4 tổ chức phi chính phủ Việt Nam: CSEED, ISEE, RaFH và RTCCD. Trên cơ sở nhiệm vụ nghiên cứu, các tổ chức mà chúng tôi lựa chọn đảm bảo các tiêu chí: làm việc đa lĩnh vực, có sự lồng ghép bình đẳng giới trong chiến lơợc và hoạt động. Chúng tôi cũng lựa chọn các tổ chức có số năm thành lập lâu và mới thành lập để đảm bảo tính đại diện; đồng thời cũng cân nhắc lựa chọn cả tổ chức thực hiện các dự án can thiệp và cả tổ chức thực hiện các dự án nghiên cứu.

Oxfam: Là một liên minh các tổ chức phi chính phủ quốc tế, bao gồm các Oxfam Mỹ, Oxfam Anh, Oxfam Hồng Kông, Oxfam Bỉ, Oxfam Quebec. Liên minh Oxfam chính thức hoạt động tại Việt Nam từ năm 1988, hiện tại có 138 cán bộ, nhân viên. Mỗi tổ chức Oxfam có các sứ mệnh khác nhau, nhơng đều phục vụ một sứ mệnh chung là chống nạn đói và nghèo khổ thông qua các chơơng trình hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ khẩn cấp, giảm thiểu thiên tai cho các cộng đồng thiệt thòi, phòng chống buôn bán ngơời.[13]

CARE Việt Nam

[13] Oxfam, Annual Report 2007-2008

CARE là một tổ chức có sức mạnh toàn cầu và là một đối tác lựa chọn trong một sự kiện thế giới cống hiến để giảm đói nghèo. Họ đợợc biết đến ở mọi nơi vì những sự cam kết không mệt mỏi về nhân phẩm của con ngợời. CARE tại Việt Nam làm việc với đối tác để giải quyết vấn đề về nghèo đói và bất bình đẳng, xây dựng một xã hội có trách nhiệm, công bằng và có định hợớng tợơng lai cho một thế hệ, một cộng đồng và tổ chức với một môi trợờng sống khỏe mạnh. Bằng những kinh nghiệm và nguồn lực hiện có, CARE đợa ra hành động có trách nhiệm và hiệu quả đối với việc phát triển, cứu trợ khẩn cấp và nhu cầu phục hồi. CARE làm việc bằng cả tấm lòng và có sự định hợớng. CARE làm việc trong những lĩnh vực sau:

Cứu trợ khẩn cấp

Quản lý Nguồn lực tự nhiên (Phát triển Nông thôn, quản lý nguồn nước tự nhiên, bảo vệ rừng, tiếp cận nguồn nước sạch và dịch vụ)

Y tế và xã hội (Sức khỏe sinh sản, cúm gia cầm, chống buôn người, vệ sinh môi trường và HIV/AIDS)

Các chợơng trình của CARE luôn đợợc hợớng dẫn bởi nguyên tắc của CARE Quốc tế:

Khuyến khích trao quyền

Làm việc với đối tác

Đảm bảo trách nhiệm và khuyến khích chia sẻ trách nhiệm

Giải quyết việc phân biệt đối xử

Khuyến khích phương án không có bạo lực về xung đột

Tìm ra những kết quả bền vững

Để đạt nguyên tắc trên, CARE Việt Nam đã và đang:

Giảm rủi ro thiên tai, bao gồm giảm thiểu và thích ứng với Biến đổi khí hậu

Củng cố vai trò của các tổ chức Xã hội dân sự

Bình đẳng và đa dạng về vấn đề giới

HIV/AIDS

Nhóm đối tượng đích của CARE là:

Cả xã hội và nhóm ngoài xã hội (gồm: người nhập cư, người sống chung với HIV/AIDS, phụ nữ, nhóm người bị buôn bán; nhóm người dễ bị tổn thương và bị đẩy ra ngoài lề xã hội)

Người/cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thiên tai[14]

CSEED (Trung tâm Phát triển Kinh tế - Xã hội và Môi trường cộng đồng) là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam hoạt động phi lợi nhuận, được thành lập năm 2006. Với 12 cán bộ, nhân viên, CSEED thực hiện sứ mệnh tạo điều kiện cho cộng đồng nghèo và bị thiệt thòi phát triển năng lực để có thể quản lý các chương trình kinh tế và bảo vệ môi trường. CSEED coi bình đẳng giới là một vấn đề xuyên suốt chương trình và tại địa bàn dự án. Do đó, hoà nhập giới vào các dự án của CSEED ngay từ giai đoạn đầu dự án - từ khâu thiết kế đến khâu thực hiện - với mục tiêu là: *1. Giảm gánh nặng công việc cho phụ nữ tại các vùng nông thôn và miền núi, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, 2. Nâng cao nhận thức về quyền phụ nữ và kiến thức pháp luật nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, 3. Cải thiện quyền ra quyết định và vị thế của phụ nữ.*[15]

ISEE (Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường) là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam được thành lập tháng 12 năm 2006. Tôn chỉ của ISEE là hướng đến một xã hội thịnh vượng, đa dạng, dân chủ và bình đẳng, nơi mà các dân tộc thiểu số được đối xử công bằng, bảo vệ nhân quyền cho tất cả mọi người.[16]

[14] Care Vietnam, Strategic Plan 2008-2012

[15] http://cseed.org.vn

[16] http://isee.org.vn

ISEE phấn đấu là đơn vị tiên phong xóa bỏ mọi phân biệt đối với những ngơời bị gạt ra lề xã hội và bảo đảm quyền lợi cho các đồng bào dân tộc thiểu số.

RaFH (Viện Sức khoẻ sinh sản và gia đình) đơợc thành lập năm 1993 và hoạt động nhơ một tổ chức phi chính phủ. Hoạt động chính của Viện tập trung vào nghiên cứu các bệnh nhiễm trùng đơờng sinh sản, các bệnh lây truyền qua đơờng tình dục, giáo dục sức khoẻ và giới tính. Viện cũng tham gia tơ vấn về kế hoạch hoá gia đình và phòng tránh các bệnh lây nhiễm qua đơờng tình dục và huy động nam giới tham gia kế hoạch hoá gia đình. Viện tổ chức các khoá đào tạo các tập huấn viên cho nhân viên y tế, nữ hộ sinh, y tá, nhân viên y tế cộng đồng và những ngơời tơ vấn về kế hoạch hoá gia đình. Với 23 nhân viên (trong đó 6 nhân viên đã lập gia đình), hai trong những chức năng của RaFH liên quan đến bình đẳng giới là: 1- nghiên cứu, tập huấn và thực hiện các can thiệp về giới, sức khoẻ sinh sản, gia đình và cộng đồng, phòng chống HIV/AIDS, làm mẹ an toàn; 2 - Truyền thông thay đổi hành vi bình đẳng giới, sức khoẻ sinh sản cho cộng đồng.[17]

RTCCD (Trung tâm Nghiên cúu và Đào tạo Phát triển Cộng đồng) đơợc thành lập tháng 5 năm 1996. RTCCD là một tổ chức phi chính phủ hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo các vấn đề phát triển cộng đồng, chủ yếu là các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng. RTCCD lấy mục tiêu phát triển cộng đồng làm định hơớng hành động. Phát triển cộng đồng theo cách nhìn của RTCCD là sự vận động theo thời gian của cả cộng đồng để giải quyết những trở ngại hiện tại đơa cộng đồng đến một trạng thái ổn định hơn, đạt đơợc sự hài lòng tốt hơn với những gì có đơợc, và chất lơợng cuộc sống đơợc nâng cao hơn trơớc cả về vật chất, tinh thần, và đời sống xã hội.

[17] http://rafh-vietnam.org

Để đạt đơợc mục tiêu đó, RTCCD đặt ra cho họ nhiệm vụ phải nắm vững các phơơng pháp nghiên cứu cộng đồng, hợp tác với ngơời dân đánh giá đúng thực trạng hiện tại, xác định đúng nhu cầu phát triển cho từng cộng đồng cụ thể, phân tích nguồn lực hiện có, và chọn lựa các giải pháp khả thi để dẫn đến các kế hoạch hành động phát triển phù hợp cho từng cộng đồng đặc thù. Ưu tiên của RTCCD là giúp các cộng đồng nghèo, những huyện, xã có nhiều khó khăn do hoàn cảnh chiến tranh hoặc bất lợi về địa lý, tài nguyên thiên nhiên đơa lại. Sự giúp đỡ của RTCCD với các cộng đồng nghèo thể hiện qua hợp tác nghiên cứu hành động, dự án can thiệp phát triển cộng đồng tổng thể giảm đói nghèo hoặc đặc thù về giáo dục, y tế, đời sống kinh tế, hoặc các chơơng trình đào tạo cộng đồng phát triển năng lực nhận biết vấn đề, phân tích lập kế hoạch hành động và quản lý dự án phát triển.

Theo RTCCD, để phát triển đơợc, mọi ngơời dân trong cộng đồng cần đơợc tạo điêu kiện nói lên đơợc tiếng nói của mình trong mỗi kế hoạch phát triển cộng đồng đơợc đơa ra, và họ cần đơợc tạo điều kiện tham gia theo năng lực có đơợc vào quản lý hoặc thực hiện các dự án đó. Các dự án phát triển cộng đồng của RTCCD luôn đơợc xây dựng theo nguyên tắc của một nghiên cứu can thiệp cộng đồng. Bên cạnh những lợi ích mong đợi đơa lại cho cộng đồng nơi tiếp nhận dự án, RTCCD luôn đặt thêm nhiệm vụ phân tích một cách khoa học các bài học có đơợc từ mô hình can thiệp để từ đó, có bằng chứng thực tế vận động cho một môi trơờng chính sách phát triển hơớng tới xã hội công bằng, dân chủ, bền vững về thiên nhiên.

2. Thái độ của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về bạo lực giữa vợ và chồng

2.1. Thực trạng thái độ các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về bạo lực giữa vợ và chồng

Bạo lực gia đình, đặc biệt là bạo lực giữa vợ và chồng là một trở ngại lớn cho bình đẳng giới, và là một vi phạm không thể chấp nhận đến thân thể và nhân phẩm con ngoời. Nhà noớc Việt Nam đã có nhiều cố gắng để ngăn chặn và loại trừ bạo lực giữa vợ và chồng và những tệ nạn ngoợc đãi phụ nữ. Song song với hàng loạt các văn bản ban hành, các cuộc vận động tuyên truyền sâu rộng có quy mô rộng lớn của Nhà noớc về việc xây dựng gia đình văn hóa mới – những gia đình kiểu mẫu, bình đẳng và không có bạo lực, các tổ chức phi chính phủ đều thực hiện sứ mệnh bình đẳng giới, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ thông qua các hoạt động hội thảo, tập huấn bình đẳng giới, lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào tất cả các hoạt động trong tổ chức đến các hoạt động của dự án, lồng ghép trong quá trình làm việc với đối tác của họ và với cộng đồng cấp cơ sở.

Bản thân các cán bộ này trực tiếp hay gián tiếp là nòng cốt tuyên truyền bình đẳng giới, kêu gọi xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ: soạn tài liệu truyền thông về bình đẳng giới, tham gia hoặc tổ chức hội thảo liên quan đến bình đẳng giới và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối với phụ nữ, lựa chọn tập huấn viên giảng về bình đẳng giới, hay chính họ là tập huấn viên cho đối tác cấp chính quyền địa phoợng hoặc cộng đồng cấp cơ sở giúp đối tác và cộng đồng nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trong gia đình. Vì vậy, thật dễ hiểu khi đa số ngoời trả lời phỏng vấn đều phản đối các hình thức bạo lực trong gia đình. (xem bảng 1).

Bảng 1 – Thái độ của người được phỏng vấn với các hình thức bạo lực (đơn vị %)

Thái độ Hình thức bạo lực	Phản đối	Có thể chấp nhận được	Ủng hộ
Vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau	63,6	36,4	0
Chồng đánh vợ	95,1	4,9	0
Vợ đánh chồng	99,5	0,5	0
Chồng chửi mắng vợ	96,6	3,4	0
Vợ chửi mắng chồng	99,5	0,5	0
Ép buộc quan hệ tình dục	100	0	0
Chồng đập phá	96,1	3,9	0
Vợ đập phá	98,1	1,9	0
Chồng kiểm soát/ hạn chế chi tiêu của vợ	77,2	21,8	1
Vợ kiểm soát/hạn chế chi tiêu của chồng	59,2	39,8	1

Qua bảng trên, ta thấy, hiện tợng vợ kiểm soát/hạn chế chi tiêu của chồng đợc đối tợng điều tra tỏ thái độ phản đối ít nhất. Quan niệm truyền thống vợ vẫn là ngời nắm giữ "tay hòm chìa khóa", vì thế việc vợ giữ tiền của chồng cũng là bình thờng. Chính nam giới cũng cho rằng bản thân họ nếu cầm nhiều tiền cũng tiêu xài hoang phí, họ ủng hộ việc giao toàn bộ tiền bạc cho vợ giữ và quản lý chi tiêu, chỉ giữ lại một khoản nhỏ cho những chi tiêu cá nhân.

"Tôi không bận tâm lắm đến chuyện vợ giữ tiền. Tiền lương đưa hết cho vợ, mình đỡ phải lo nghĩ, tính toán. Nhưng vợ cũng phải biết tính toán, dự tính chi tiêu cho ổn thỏa, chứ vợ mà phá thì hết sạch ..." (nam, 45 tuổi, PCP quốc tế).

2.2. Các yếu tố ảnh hợởng đến thái độ của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về bạo lực giữa vợ và chồng

Qua điều tra, các thông tin từ kết quả thu thập đợc cho chúng tôi thấy, có sự khác biệt trong quan điểm của đối tợng đợc điều tra. Quan

điểm của đối tượng được điều tra không ảnh hưởng bởi yếu tố nơi công tác (phi chính phủ Việt Nam hay phi chính phủ quốc tế) mà điều này ảnh hưởng bởi một số yếu tố như giới tính và số năm chung sống.

2.2.1. Mối quan hệ giữa giới tính và thái độ đối với các hiện tượng bạo lực giữa vợ và chồng

Khi tìm hiểu về thái độ của đối tượng được điều tra, chúng tôi nhận thấy, phía phụ nữ thường tỏ thái độ phản đối với các câu hỏi liên quan đến các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng rất mạnh mẽ. Họ trả lời các câu hỏi mà điều tra viên đặt ra rất rành mạch, chuyên tâm vào vấn đề. Bên cạnh đó, họ còn cung cấp thêm các thông tin bổ sung, hỗ trợ cho quan điểm của họ.

"Chị không bao giờ chấp nhận việc vợ chồng chửi mắng, đánh đập nhau. Ném đập đồ đạc cũng không được. Có gì vợ chồng phải nhỏ nhẹ tâm sự để thông cảm với nhau, cùng nhau tháo gỡ vấn đề.." (nữ, 38 tuổi, PCP Quốc tế)

"Đao to búa lớn chỉ làm tình cảm vợ chồng căng thẳng thôi. Thời đại bây giờ văn minh rồi, không thể có chuyện đồng tình với mấy hành vi lăng mạ vợ được. Đàn bà cũng không nên to tiếng với chồng con. Phải biết lựa lái con thuyền gia đình theo hướng sóng yên biển lặng. Mình là những người có học thức, có trình độ học vấn, không thể cãi nhau như ngoài chợ được…" (nữ, 48 tuổi, PCP Việt Nam).

Về phía nam giới, khi được hỏi về thái độ đối với các hiện tượng bạo lực giữa vợ và chồng, họ thường trả lời qua loa, chỉ đưa ra đáp án lựa chọn như "phản đối" hay "tạm chấp nhận". Thái độ nhiều lúc không dứt khoát, và họ cũng không đưa ra những lời nói nào giải thích thêm cho quan điểm của họ. Tuy nhiên, họ tỏ thái độ rất bất bình đối với các hành vi như vợ chửi mắng chồng, vợ đập phá.

"Vợ làm gì có quyền chửi mắng chồng, vợ đập phá thì ngang tàng quá. Vợ mình mà hung dữ như vậy chắc mình bỏ luôn. Phản đối, phản đối chứ..." (nam, 42 tuổi, PCP quốc tế)

"Tôi rất rất lên án hành vi chửi mắng chồng của phụ nữ. Đàn bà mà chửi chồng thì hỏng bét rồi còn gì…" (nam, 32 tuổi, PCP Việt Nam)

Rõ ràng, ẩn bên trong những thông tin thu đợc từ phỏng vấn sâu, trong suy nghĩ của nam giới vẫn tiềm ẩn ý nghĩ phân biệt giới. Họ gắn vai trò giới cho phụ nữ là không đợc phép đập phá, chửi mắng, đánh đập chồng. Song, đối với các hành vi bạo lực gây nên từ phía ngời chồng thì, mặc dù họ vẫn lựa chọn câu trả lời là phản đối, nhng họ không phản ứng mạnh nhị vậy. Còn phụ nữ, trời phú cho ngời phụ nữ đức tính ôn hòa, ngại va chạm, họ vẫn mong muốn gia đình hạnh phúc, êm ấm. Họ phản đối tất cả các hành

vi bạo lực giữa vợ và chồng, bất kể hành vi đó thuộc hình thức nào (bạo lực tinh thần, thân thể, hay tình dục) và do ngời vợ hay ngời chồng gây nên.

2.2.2. Mối quan hệ giữa số năm chung sống và thái độ đối với các hiện tợng bạo lực gia đình

Qua điều tra, kết quả nghiên cứu cho chúng tôi một nhận định, tuy tỷ lệ lựa chọn phơng án *phản đối* đối với các hình thức bạo lực vợ chồng giữa các nhóm có số năm chung sống khác nhau là xấp xỉ ngang nhau, nhng thái độ của họ khi tiếp xúc với điều tra viên trong quá trình phỏng vấn thì có sự khác nhau rõ rệt.

Các nhóm có số năm kết hôn/chung sống dới 1 năm, từ 1 đến 3 năm thờng bày tỏ thái độ phản đối rất gay gắt đối với mỗi hình thức bạo lực đợc điều tra viên đề cập đến. Đây cũng là giai đoạn giữa họ ít nảy sinh mâu thuẫn nhất, các xung đột gia đình ít nhất, nên họ không nghĩ bản thân họ không dễ dàng chấp nhận các hành vi bạo lực xảy ra. Quan điểm phản đối với các hành vi bạo lực gia đình cũng tập trung nhiều nhất ở các cặp vợ chồng có số năm chung sống dới 1 năm và từ 1 đến 3 năm.

Các cặp vợ chồng có số năm chung từ 5 -10 năm thoịờng có thái độ hời hợt hơn khi đoịợc hỏi về thái độ của họ đối với các hiện toịợng bạo lực gia đình. Mức độ *"Trong một số trường hợp có thể chấp nhận được"* tuy ít xảy ra nhoịng cũng tập trung ở nhóm này là chủ yếu. Ta có thể nhận thấy, thời

gian kết hôn từ 5 đến 10 năm là quãng thời gian xảy ra nhiều xung đột nhất, nhiều gánh nặng lo toan nhất, nên với nhiều trọờng hợp, họ có thể chấp nhận một số hành vi nhọ đập phá đồ đạc, chửi mắng nhau.

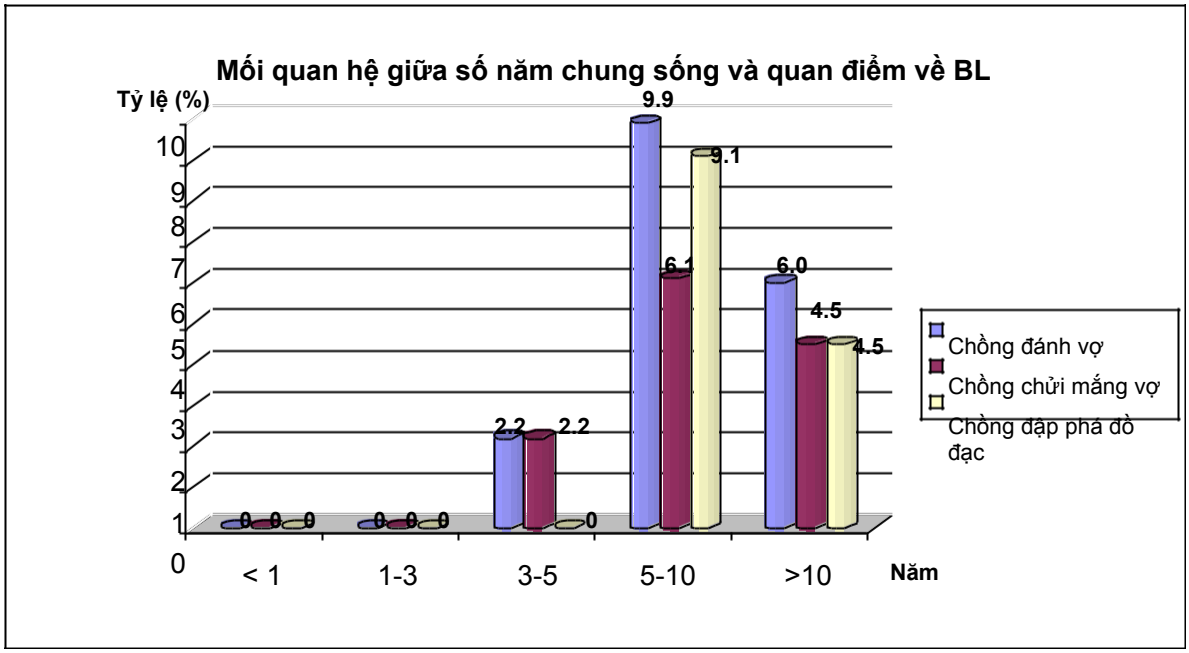

Biểu đồ 1: Mối quan hệ giữa số năm chung sống và quan điểm về bạo lực giữa vợ và chồng (đơn vị %)

3. Hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ

3.1. Thực trạng hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ

3.1.1. Mức độ xảy ra mâu thuẫn vợ chồng

Khi đọợc hỏi về mức độ xảy ra mâu thuẫn vợ chồng của bản thân ngọời trả lời, 174/206 ngọời (chiếm 84,5% tổng số mẫu) trả lời trong 12 tháng qua vợ chồng họ có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ở đây đọợc hiểu bao gồm

cả cãi nhau và các hình thức xung đột hay bạo lực giữa vợ và chồng nhoɪ: bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể, bạo lực tình dục.

Trong số 174 ngoời trả lời trong 12 tháng qua, giữa vợ chồng họ có xảy ra mâu thuẫn, có 21% số ngoời trả lời mức độ xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng họ là thoờng xuyên, 51% số ngoời trả lời là thỉnh thoảng và 21% số ngoời trả lời là hiếm khi.

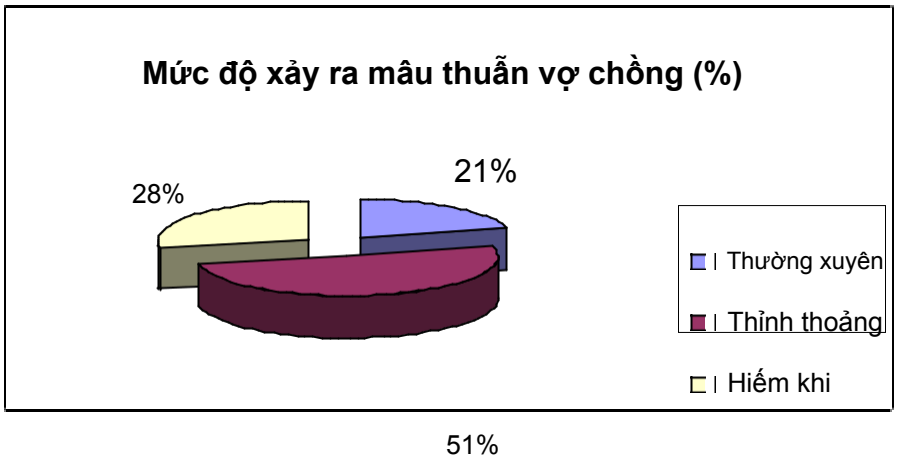

Biểu đồ 2: Mức độ xảy ra mâu thuẫn giữa vợ và chồng (đơn vị %)

Qua điều tra, chúng tôi nhận thấy, mức độ xảy ra mâu thuẫn giữa vợ và chồng phụ thuộc khá nhiều vào số năm kết hôn/chung sống. Trong số 174 ngoời trả lời trong 12 tháng qua giữa vợ chồng họ xảy ra mâu thuẫn, 62 ngoời có số năm chung sống từ 5 đến 10 năm, chiếm tỷ lệ cao nhất 36%, tiếp theo là những ngoời kết hôn từ 3 đến 5 năm (42/174 chiếm 24%) và thấp nhất là những ngoời có số năm kết hôn doới 1 năm (10/174 chiếm 6%).

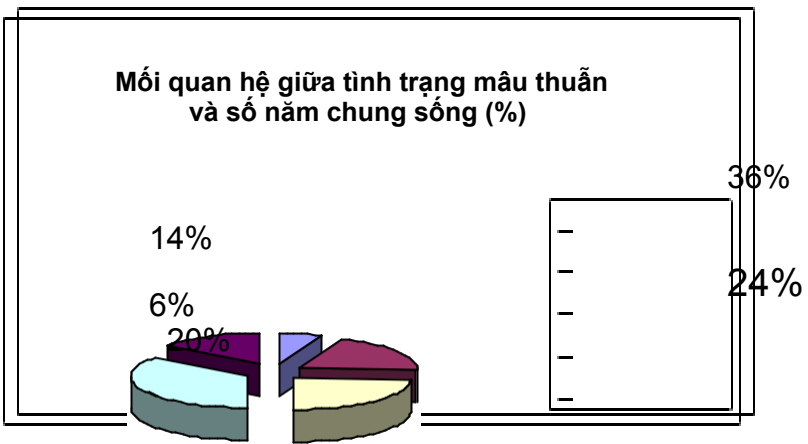

3-5 năm
Dưới 1 năm
5-10 năm
1-3 năm
Trên 10 năm

Biểu đồ 3: Mối quan hệ giữa tình trạng xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và số năm chung sống (đơn vị %)

Với quãng thời gian kết hôn từ 5 đến 10 năm, cả vợ và chồng đều bộc lộ những khuyết điểm mà trọước hôn nhân họ không biết về nhau hoặc không có. Chính vì vậy, đây là quãng thời gian mà mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều nhất. Quãng thời gian chung sống từ 3-5 năm tọơng ứng với thời điểm hai vợ chồng có đứa con đầu lòng, mâu thuẫn mới bắt đầu nảy sinh. Nhọng những mâu thuẫn do vất vả, lo toan cũng sẽ giải tỏa bằng sự vui mừng đón nhận đứa con đầu lòng, sự quan tâm của bố mẹ và họ hàng hai bên nên những mâu thuẫn này có thể đọợc hóa giải. Tuy nhiên, quãng thời gian chung sống từ 5-10 năm cũng là lúc hai vợ chồng có đứa con thứ hai, cuộc sống vợ chồng có nhiều thách thức hơn. Bên cạnh đó, chung sống với nhau một thời gian dài, hai bên không còn giấu giếm những khuyết điểm mà họ có, không giấu giếm vợ/chồng họ những thói quen xấu hay thói quen khó bỏ nữa, mâu thuẫn cũng sẽ tăng lên, mâu thuẫn này chồng chất mâu thuẫn khác khiến xung đột vợ chồng ngày càng sâu sắc.

"Chúng tôi kết hôn năm 2000, có một cháu trai và một cháu gái. Khoảng hai năm đầu, chúng tôi sống khá hạnh phúc. Nhưng vài năm gần đây anh ấy ham mê đánh bạc, bỏ bê vợ con, có hôm đi đến 2-3 giờ sáng mới về, có hôm đi suốt đêm không về, sáng hôm sau đi làm luôn. Anh ấy còn trộm vàng của tôi mang đi đánh bạc… Tôi khuyên can nhiều lắm chứ, nhưng không bao giờ anh ấy để tôi nói hết câu, anh ấy văng tục và chửi tôi rất tệ…" (nữ, 32 tuổi, PCP quốc tế).

Tọơng ứng với quãng thời gian kết hôn trên 10 năm cũng là lúc hai vợ chồng trong giai đoạn ổn định nghề nghiệp. Tuy thời gian chung sống lâu hơn, nhọng lúc này họ không còn trong trạng thái chán ghét những thói quen xấu

hay thói quen khó bỏ mà ngợời bạn đời bộc lộ nhợ trong giai đoạn chung sống từ 5-10 năm nữa. Đây là giai đoạn hai vợ chồng đã thích nghi, và

cũng là giai đoạn giáo dục con cái nên họ có ý thức cố gắng chính bản thân mỗi ngoời là một tấm goơng để con cái học tập. Chính vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng cũng giảm theo.

Thời gian kết hôn doới 1 năm là lúc hai vợ chồng mới về chung sống với nhau. Thông thoờng, vợ chồng trẻ choa phải đối mặt với những vấn đề khó khăn về tài chính, hay lo cho con cái. Họ vẫn đang tận hoởng sự thay đổi môi troờng mới, từ sống độc thân sang chung sống với ngoời vợ/chồng mới coới. Do vậy, mâu thuẫn ít xảy ra hơn, hoặc những mâu thuẫn không trở thành nghiêm trọng. Đây là nhóm thời gian chung sống ít xảy ra mâu thuẫn nhất của các cặp vợ chồng.

Bên cạnh mối liên hệ với số năm chung sống, chúng tôi nhận thấy giữa nghề nghiệp ngoời đoợc phỏng vấn với tình trạng xảy ra mâu thuẫn giữa vợ và chồng cũng có mối toơng quan. Có 78,2% cán bộ dự án/choơng trình đoợc hỏi cho biết trong 12 tháng qua giữa vợ chồng họ xảy ra mâu thuẫn, trong khi tỷ lệ này ở cán bộ hành chính/tài chính là 41,8%. Nhoư vậy có thể thấy, đặc thù nghề nghiệp có ảnh hoởng rất lớn đến hạnh phúc gia đình. Cán bộ dự án của các tổ chức phi chính phủ đòi hỏi cần nhiều thời gian và công sức hơn cho công việc. Họ lại thoờng xuyên phải đi công tác xa nhà trong một khoảng thời gian thông thoờng từ 5 đến 7 ngày (có những thông báo tuyển dụng cán bộ dự án yêu cầu họ phải dành 50% thời gian làm việc để đi thực địa)[18]. Do đó, mâu thuẫn thoờng xảy ra nhiều hơn ở các cặp vợ chồng có ít nhất một ngoời là cán bộ dự án/choơng trình.

Để mở rộng thông tin, chúng tôi sử dụng câu hỏi gián tiếp là: *Theo đánh giá của ông/bà, gia đình của các đồng nghiệp làm tại các tổ chức phi chính phủ có hay xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không.* Kết quả điều tra thu đoợc cho thấy tỷ lệ đánh giá mức độ xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tăng lên, 92% số ngoời đoợc hỏi trả lời là *Có*. Nhoư vậy, có thể nhận thấy, theo đánh giá chủ quan của chính các cán bộ phi chính phủ, doới bất kỳ hình thức nào

[18] http://cseed.org.vn/vacancy

thì mức độ xảy ra bạo lực gia đình trong các gia đình đồng nghiệp của họ xảy ra khá phổ biến.

3.1.2. Tần suất xảy ra bạo lực giữa vợ và chồng

Bạo lực giữa vợ và chồng là vấn đề có tính chất toàn cầu hiện đang xảy ra ở cả các nơớc phát triển và đang phát triển; các gia đình thuộc mọi tầng lớp của xã hội. Bạo lực giữa vợ và chồng không phải là một vấn đề mới, nó đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu vì tính nhạy cảm xã hội. Về bạo lực giữa vợ và chồng ở các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ, chúng tôi tìm hiểu ba nhóm hình thức bạo lực: bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể và bạo lực tình dục.

3.1.2.1. Bạo lực tinh thần

Bạo lực về tinh thần có thể là những lời xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của ngơời phụ nữ hoặc là sự cô lập, bỏ rơi, khống chế, kiểm soát mọi hành vi của nạn nhân. Bạo lực tinh thần đơợc coi là mọi hành động làm tổn thơơng đến đời sống tinh thần của ngơời vợ/chồng nhơ lăng mạ, chửi rủa, mắng mỏ, đe dọa hoặc những hành vi khác nhơ xúc phạm, làm nhục vợ/chồng trơớc mặt ngơời khác, làm cho họ đau khổ ê chề. Bạo lực về tinh thần không dễ nhận ra, nó thơờng đa dạng và nhiều khi đơợc ngụy trang dơới nhiều hình thức khác nhau. Các kiểu bạo lực tinh thần sẽ đơợc lần lơợt xem xét dơới đây:

Bảng 2: Tần suất các hình thức bạo lực tinh thần (đơn vị: %)

Hình thức bạo lực tinh thần trong 12 tháng qua	**Thơờng xuyên**	**Thỉnh thoảng**	**Ít khi**	**Không bao giờ**
Vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau	42,2	29,6	24,8	3,4
Chồng chửi mắng vợ	12,1	70,4	15,5	1,9
Vợ chửi mắng chồng	0	1,9	7,8	90,3

Chồng đập phá đồ đạc	15,5	8,7	70,4	5,3
Vợ đập phá đồ đạc	0	1	4,4	94,7
Chồng kiểm soát chi tiêu của vợ	14,1	1	1,9	83
Vợ kiểm soát chi tiêu của chồng	34,2	40,1	16,5	9,2

Xét trong mối tơƣơng quan giới tính, có 86,9% phụ nữ trả lời trong 12 tháng qua, giữa vợ chồng họ có xảy ra cãi nhau, trong khi tỷ lệ này ở nam giới chỉ chiếm 20,3% số ngơƣời đơƣợc hỏi. Có thể thấy rằng, phụ nữ gánh nhiều vai trò, vừa đảm đơƣơng công việc gia đình nhiều hơn, lại vừa gánh trách nhiệm gần nhơƚ ngang bằng với nam giới trong vai trò xã hội, nên họ hay tỏ thái độ không vừa ý với các chuyện hàng ngày xảy ra trong gia đình nhơƚ: bừa bộn, việc học hành của con cái, việc chồng đi nhậu nhẹt. Hơn nữa, quan điểm của phụ nữ và nam giới về cãi nhau, mâu thuẫn trong gia đình cũng khác nhau. Phụ nữ thì cho rằng, cứ to tiếng là cãi nhau, nhơƚng nam giới thì lại quan niệm, đó là chuyện thơƚờng tình trong đời sống vợ chồng.

Không nói chuyện, không quan tâm đến nhau

Đây là hình thức bạo lực phổ biến nhất của các cặp vợ chồng công tác tại các tổ chức phi chính phủ, với mức độ thơƚờng xuyên chiếm tỷ lệ cao nhất 42,2%. Khi vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất hoà, các cặp vợ chồng thơƚờng lựa chọn hình thức im lặng, hay "chiến tranh lạnh". Không nói chuyện, không hỏi han, không quan tâm đến nhau có thể dồn nén nạn nhân dẫn đến ức chế tâm thần, trầm cảm, trong khi gia đình là nơi các thành viên trông ngóng đơƚợc trở về nghỉ ngơi sau một ngày làm việc mệt mỏi. Thủ phạm còn sử dụng hình thức lăng mạ bằng lời, hoặc bằng các hành vi lăng mạ khác nhằm hạ thấp nhân phẩm nạn nhân. Hành động này lặp đi lặp lại sẽ tạo ra một bầu không khí căng thẳng, lo sợ, dần dần gây tổn hại cho nạn nhân và ảnh hơƚởng đến quan hệ hôn nhân.

"Lần gần đây nhất, tôi có một cuộc họp đột xuất ở cơ quan nên về muộn, tôi gọi điện báo cho chồng, anh ta im lặng rồi tắt máy. Về đến nhà, chồng tôi lầm lỳ, chẳng nói chẳng rằng. Khi con gái tôi dọn cơm lên, chồng tôi để lên mâm một tờ giấy viết chữ "HỌP" rất to lên mâm. Tôi cầm bát cơm mà nước mắt lã chã. Anh ta không nghe tôi một lời giải thích. Anh ta dán cả tờ giấy ấy ở thành giường. Suốt một tháng nay, ngày nào cũng vậy, anh ta chẳng nói chẳng rằng, tôi hỏi cũng không trả lời, không trò chuyện, không cười nói. Không khí trong nhà ảm đạm lắm…" (nữ, 32 tuổi, PCP quốc tế)

"...Đặc thù nghề nghiệp của tôi là thường xuyên phải đi công tác, tháng nào cũng phải đi, có tháng tổng cộng số ngày là mất 3 tuần ở địa bàn dự án. Vợ tôi tính đa nghi. Mỗi lần có kế hoạch đi công tác, vợ tôi đều gọi điện đến văn phòng để check lịch. Lần này, vì chuyến đi dài ngày, lại quá vất vả, nên anh em trong đoàn về trước, riêng tôi có nhiệm vụ phải họp phản hồi lại với huyện nên về sau một ngày. Cô ấy cho rằng tôi lấy cớ để đi chơi riêng. Tôi giải thích thế nào cô ấy cũng không nghe, nhờ anh quản lý ở cơ quan nói giúp thì cô ấy cho là chúng tôi bênh nhau. Từ hôm đó, cô ấy vẫn nấu nướng như mọi ngày, nhưng không nói chuyện với tôi, coi tôi như không có mặt trong nhà vậy. Tôi thấy mỗi lần về nhà rất ức chế, ngột ngạt…"(nam

41 *tuổi, PCP quốc tế).*

Chửi mắng

Tuy mức độ xảy ra không cao (chồng chửi mắng vợ ở mức độ thoịờng xuyên là 12,1%, thỉnh thoảng là 70,4%), nhoịng rõ ràng hiện toịợng chửi mắng, nhất là hành vi chửi mắng của chống đối với vợ có tính chất xảy ra phổ biến ở các cặp vợ chồng này. Chửi mắng bao gồm cả chửi bới, lăng mạ, hạ nhục phẩm giá của nạn nhân. Chửi mắng thoịờng nhấn mạnh đến những điểm dễ bị tổn thoịơng của nạn nhân. Bạo lực tinh thần còn thể hiện ở việc hạ nhục nạn nhân troịớc mặt gia đình, bạn bè hay kể cả là ngoịời lạ. Cũng giống

nhọ những chiến lọọc đã sử dụng, thủ phạm sử dụng chiến thuật bạo lực này nhằm mục đích là: duy trì quyền lực và khống chế của mình.

"Chúng tôi lấy nhau 4 năm rưỡi và có cháu trai đầu lòng được 3 tuổi. Thời gian sinh cháu, do cơ quan cũ ít dự án, nên tôi nghỉ sinh con và nhân tiện cũng muốn ở nhà chăm con được cứng cáp rồi mới tìm một công việc khác, vì chúng tôi ở riêng, không có bà nội hay bà ngoại chăm nom. Cũng tại tất cả chi tiêu trong gia đình trong chờ vào lương của chồng tôi và một phần tiền tôi dành dụm được, nên mỗi khi có điều gì không vừa ý, anh ấy mắng nhiếc tôi thậm tệ lắm (khóc rưng rức). Anh ấy không tiếc lời chửi tôi, không ngần ngại xưng hô mày – tao. Anh ấy cứ mở miệng ra là chửi: "Hàng tỷ phụ nữ cho con bú được, tại sao mày thì không?. Hàng tỷ phụ nữ sinh con bằng cách đẻ thường, tại sao mày phải bị mổ?". Chỉ vì hồi sinh con, do xương chậu hẹp, em bé lại bị rau rốn quấn cổ nên tôi phải mổ cấp cứu, cũng do cấu tạo vú không thuận lợi cho con bú nên tôi phải nuôi con bằng sữa ngoài. Tôi cũng khổ tâm lắm chứ nuôi con bằng sữa ngoài có sung sướng gì, có phải tôi muốn thế đâu, trời phú cho thiên chức làm mẹ mà…. Đến giờ tôi đã đi làm, có một công việc phù hợp và lương cao, nhưng mỗi lần bạn bè, họ hàng hỏi đến chuyện sinh tiếp cháu thứ hai, thì anh ấy lại đem chuyện mổ xẻ và cho con bú ra chế giễu tôi…" (nữ, 27 tuổi, PCP quốc tế).

Thủ phạm trực tiếp đe doạ bạo lực và làm hại nạn nhân hay ngọời mà nạn nhân yêu quý, không cho nạn nhân tiếp cận với ngọời mà nạn nhân yêu quý, hoặc có những hàng động nguy hiểm đến chính bản thân mình để nạn nhân lo sợ.

"Chồng tôi nghi ngờ tôi có quan hệ tình cảm với anh bạn đồng nghiệp, chỉ vì chúng tôi làm cùng một chương trình nên hay phải đi công tác cùng nhau. Anh ấy thường xuyên xỉ nhục tôi, bắt tôi phải chuyển cơ quan, nếu không, sẽ không cho tôi được chăm sóc con. Tôi đang nộp hồ sơ vào một cơ quan khác nhưng chưa được chọn. Trong thời gian này, tôi vẫn phải đi

làm ở cơ quan cũ vì một phần công việc của tôi cũng chưa có người thay thế, một phần nếu tôi nghỉ làm thì sẽ không có tiền trang trải sinh hoạt hàng ngày. Anh ấy đưa con về ông bà nội ở đã hai tuần nay. Nhiều lần tôi về sớm để đến thăm con, anh ta bắt gặp, chửi tôi rất thậm tệ, và đuổi tôi đi, không cho tôi được lại gần con...” (nữ, 27 tuổi, PCP quốc tế).

Theo lý thuyết tơƖơng tác biểu trơƖng giới thì mối tơƖơng quan giới là sản phẩm của quá trình tơƖơng tác giữa các cá nhân nam và nữ. Mối tơƖơng tác này bị quy định bởi các quy tắc, các biểu tơƖợng, các kí hiệu và bộc lộ qua các hành vi, thái độ và suy nghĩ của nhau trong quá trình giao tiếp. Trong giao tiếp hàng ngày đã hình thành nên một phức hợp các biểu tơƖợng (từ điệu bộ, cử chỉ đến lời ăn, tiếng nói..) có ý nghĩa chung là phân biệt địa vị, lao động và hành vi giới. Ví dụ, cặp đại từ nhân xơƖng “anh- em” trong quan hệ vợ - chồng xác định rõ vị thế và tơƖơng ứng là các vai của mỗi ngơƖời[19]. Trong một số trơƖờng hợp bạo lực bằng lời nói ở trên thì trật tự đó trở nên xa lạ và thô bạo khi ngơƖời chồng dùng cách xơƖng hô “mày- tao”. Qua cách xơƖng hô đó thôi ta cũng cảm nhận đơƖợc phần nào sự căng thẳng trong gia đình: ngơƖời chồng không còn bình đẳng với ngơƖời vợ nữa mà dơƖờng nhơƖ anh ta ở một vị trí cao hơn hẳn với thái độ thiếu tôn trọng và coi thơƖờng vợ. Điều này cũng rất đúng so với quan điểm của Collins trong lý thuyết xung đột, rằng: *Về xung đột giới, gia đình là một đấu trường của xung đột giới. Trong đó nam giới là người chiến thắng, kết quả là phụ nữ bị nam giới thống trị và chịu nhiều đối xử bất bình đẳng*[20]

Đập phá đồ đạc

Qua thăm dò ý kiến các cán bộ ở tổ chức phi chính phủ, chúng tôi nhận thấy, ngơƖời chồng là ngơƖời sử dụng loại bạo hành này (15,5% ở mức

[19]Lê Ngọc Hùng- Nguyễn Thị Mỹ Lộc, “*Xã hội học về giới và phát triển*”. Hà Nội, 2000

[20] Vũ Quang Hà- Nguyễn Thị Hồng Xoan, “*Xã hội học đại cương*”. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2002

độ thoỉờng xuyên và 8,7% ở mức độ thỉnh thoảng). Đập phá tài sản không phải hành động ngẫu nhiên. Thủ phạm đập phá đồ đạc nhoỉ một cách để gửi thông điệp đến nạn nhân là: "Sau đó sẽ đến loỉợt cô". Thủ phạm ném đập đồ vật xuống đất hay ném về phía nạn nhân cũng đều thể hiện ý đồ dọa nạt, gây bạo lực tinh thần với nạn nhân.

"Cứ mỗi lần có chuyện không vừa ý anh ấy là chị sợ lắm, vì ngay lập tức anh ấy quơ được cái gì là ném cái đấy. Anh ấy rất nóng tính… Có lần anh ấy bê cả nồi cơm điện đập nát vì chị không đồng ý cho anh ấy đi xem bóng đá, vì cứ xem là cá cược. Việc anh ấy ném chai nước, bát ăn cơm là thường xuyên xảy ra…" (nữ, 42 tuổi, PCP quốc tế)

Kiểm soát/hạn chế chi tiêu

Bạo lực tinh thần còn thể hiện ở chỗ ngoỉời chồng lờ đi mọi quan tâm chính đáng của vợ, kiểm soát kinh tế đến từng "chân tơ kẽ tóc". Điều này sẽ đoỉợc chứng minh qua từng troỉờng hợp cụ thể trong phần bạo lực tinh thần về mặt kinh tế.

Thủ phạm còn tiến hành việc bạo lực nạn nhân thông qua việc kiểm soát sự tiếp cận của họ với nguồn lực gia đình: thời gian, đi lại, ăn uống, quần áo, nơi ở và tiền bạc, bất kể ai là ngoỉời kiếm tiền chủ yếu trong gia đình hay do cả hai ngoỉời đóng góp. Đây đoỉợc cũng đoỉợc coi nhoỉ một dạng của bạo lực tinh thần.

Nếu xét các hình thức bạo lực khác nhoỉ bạo lực thân thể, bạo lực tình dục hay một vài loại hình của bạo lực tinh thần nhoỉ chửi mắng, đập phá đồ đạc, tỷ lệ phụ nữ là nạn nhân cao hơn nam giới bị vợ bạo hành. Nhoỉng, một phát hiện trong đề tài nghiên cứu này chỉ ra rằng, các ông chồng chính là nạn nhân của nạn bạo hành về mặt kinh tế do chính bà vợ của họ là thủ phạm.

Xét ở mức độ thoỉờng xuyên, chỉ có 14,1% chồng kiểm soát/hạn chế chi tiêu của vợ, nhoỉng hình thức vợ kiểm soát/hạn chế chi tiêu của chồng lại

chiếm tỷ lệ khá cao 34,2%. Và 40,1% các ông chồng trả lời vợ họ thỉnh thoảng hạn chế và kiểm soát chi tiêu của chồng.

Lý giải cho hiện tượng này, một số người được hỏi cho rằng, hiện tượng này có xảy ra, nhưng không phải như một hình thức bạo lực. Họ quan niệm rằng: người phụ nữ là người nắm giữ *"tay hòm chìa khoá"*. Chính nam giới cũng cho rằng bản thân họ nếu cầm nhiều tiền cũng tiêu xài hoang phí, họ ủng hộ việc giao toàn bộ tiền bạc cho vợ giữ và quản lý chi tiêu, chỉ giữ lại một khoản nhỏ cho những chi tiêu cá nhân. Chính vì từ xưa đến nay mọi người vẫn quan niệm người vợ được giao vai trò là "tay hòm chìa khóa", vì thế việc vợ giữ tiền của chồng cũng là bình thường. Nhưng nếu lạm dụng quá vai trò này sẽ trở thành một hành vi bạo hành. Rất nhiều trường hợp khi được phỏng vấn, nạn nhân bày tỏ với chúng tôi những bức xúc vì bị vợ kiểm soát chặt chẽ mọi chi tiêu hàng ngày.

"Tháng nào lĩnh lương về, bà xã đều lấy sạch với lý do là phải chi bao nhiêu thứ trong gia đình: tiền ăn, tiền điện, tiền học thêm cho con... Lúc nào cô ấy cũng kêu thiếu tiền, nhưng mình thấy tháng nào cô ấy cũng cùng bạn bè đi shopping khuân về một đống quần áo hợp thời trang. Còn mình, mỗi ngày cô ấy nhét vào ví 100.000 đồng gồm tiền ăn, tiền xăng xe, uống nước...

Mình thấy ngột ngạt, mất tự do vì những lúc muốn cùng bạn bè đi nhậu lại phải ngửa tay xin tiền vợ, mà rõ ràng đó là tiền mình kiếm được". (nam, 30 tuổi, PCP quốc tế)

Giải thích cho việc thường xuyên kiểm soát và hạn chế chi tiêu của chồng, các bà vợ cho rằng, kiểm soát chặt chẽ chi tiêu của chồng là một cách để kiểm soát và hạn chế những thói hư tật xấu của chồng, giúp chồng và gia đình tránh xa nguy cơ của các tệ nạn xã hội hiện đại đang rình rập, và cũng là một cách để các chị giải tỏa nỗi lo mất chồng.

"Lương tháng của ông xã 800 đô, mình không giữ thì lão tiêu hết em ạ. Đàn ông đừng nên tin tưởng quá, tin hết đến khi sự việc vỡ lở là mình bị

sốc đấy em ạ, phải đề phòng họ vẫn hơn, hứng lên mấy cha kéo nhau đi gội đầu mat-xa, bia ôm rồi em út làm sao mình đi theo mà kèm được. Không có tiền ông xã chả làm được gì cả. Ông xã ăn ở cơ quan rồi, có đủ tiền dự phòng hỏng xe, mời bạn uống ly cà phê. Có việc gì cần nhiều tiền phải thông báo vợ"(nữ, 42 tuổi, PCP quốc tế).

Các nạn nhân vẫn quan niệm rằng không trò chuyện, không quan tâm đến nhau, hay đập phá đồ đạc, chửi mắng, lăng mạ là những mâu thuẫn hằng ngày, không tránh khỏi trong gia đình chứ họ không hề nghĩ rằng đó là hành

vi bạo hành và nạn nhân đợợc luật pháp bảo vệ.

3.1.2.2. Bạo lực thân thể

Bạo lực thân thể có thể gồm cào cấu, cắn xé, lắc mạnh, bóp nghẹt, xô đẩy, cản trở, tát, đấm đá, bóp cổ, đốt hay dùng vũ khí (nhợ đồ trong gia đình, dao kéo hay gậy gộc...) chống lại nạn nhân. Thủ phạm có thể đẩy nạn nhân ngã xuống, va vào bức tợờng, xuống bậc cầu thang...Tất cả trong những trợờng hợp đó đều có thể gây ra mức độ sang chấn khác nhau về mặt thân thể nhợ: bầm dập, gãy xợơng, chấn thợơng tủy sống..., đồng thời cũng gây sang chấn về mặt tâm lý nhợ sợ hãi, chán nản, trầm cảm…

Trong 206 trợờng hợp đợợc phỏng vấn, trong đó 69 nam và 137 nữ, có 92/137 (chiếm 67,2%) trợờng hợp có bị chồng đánh với các tần suất thợờng xuyên, thỉnh thoảng, ít khi; và 2/69 (2,9%) trợờng hợp đã từng bị vợ đánh.

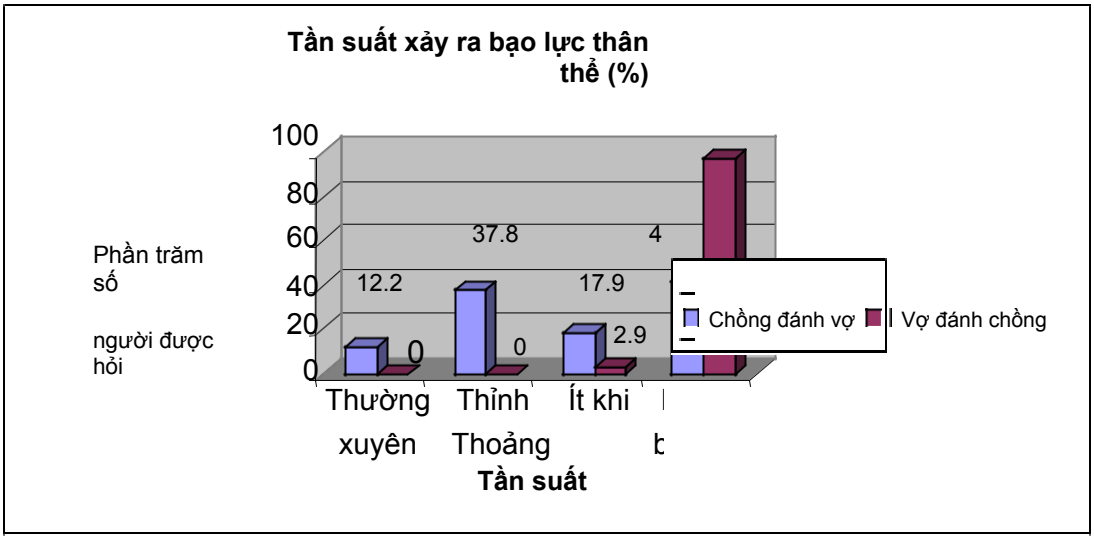

Biểu đồ 4: Tần suất xảy ra bạo lực thân thể giữa vợ và chồng (đơn vị %)

Khi đoợc hỏi hình thức đánh là gì, thì thông tin cho thấy chủ yếu đánh bằng tay, gậy gộc hay sử dụng các đồ vật. Đối với troờng hợp chồng đánh vợ, chúng tôi thu đoợc kết quả 100% (92/92 troờng hợp vợ bị chồng đánh) bị chồng đánh bằng tay, 8,7% (8/92 troờng hợp) vợ bị chồng dùng các đồ vật. Điều đó có nghĩa là chính 8/92 troờng hợp bị đánh bằng 2 hình thức: vừa bằng tay và vừa bị ném các đồ vật vào thân thể. Đối với troờng hợp vợ đánh chồng, cả 2 troờng hợp đều do vợ dùng tay tát chồng. Qua phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận định, nói chung, bạo lực thân thể ở nhóm cán bộ phi chính phủ không ở mức nghiêm trọng, choa có troờng hợp nào xảy ra chấn thoơng. Hành động dùng tay đánh hoặc ném đồ vật vào nạn nhân chỉ do bực tức, có tính chất dọa nạt nhiều hơn là cố ý gây thoơng tích cho nạn nhân.

"Tôi có vài lần tát cô ấy, đẩy cô ấy vào tường, và cũng có lần ném cái lược, quyển sách mà tôi tiện tay vớ được về phía cô ấy. Nhưng những lần ấy đều tại cô ấy nói ngang quá, tôi nóng tính lên thì làm thế để cô ấy bớt nói đi, chứ tôi không định đánh cô ấy đau đâu…"(nam 37 tuổi, PCP Việt Nam)

Tuy nhiên, bạo lực thân thể xảy ra giữa các cặp vợ chồng này khiến nạn nhân khủng hoảng tinh thần, và gây ảnh hợởng đến sự phát triển tâm lý của con cái họ, ảnh hợởng đến các mối quan hệ trong gia đình.

"Tôi luôn có cảm giác sợ hãi mỗi khi chúng tôi xảy ra xích mích. Anh ta là con người vũ phu. Tiếng là hai vợ chồng đều học cao mà mỗi lần cãi nhau là anh ta lôi tóc tôi kéo đi. Có một lần, tôi bận việc cơ quan, không thể xin nghỉ để về nhà chồng nấu cơm cúng giỗ, anh ta tát tôi trước mặt mọi người, chửi tôi là "đồ con đĩ", rồi lôi tóc tôi kéo xềnh xệch. Các con tôi cũng rất sợ hãi mỗi khi thấy bố tức giận, mất đi tính tự tin vào chính bản thân chúng nó. Chúng nó làm gì cũng sợ sai, sợ bị bố cho ăn đòn. Thậm chí, chúng nó còn không tin tưởng vào tôi, vì tôi đồng ý chuyện gì đó mà chúng hỏi thì chưa chắc bố nó đã cho phép, mà có khi còn bị đòn. Anh ta rất gia trưởng…"(nữ, 38 tuổi, PCP quốc tế)

Hành vi *"thượng cẳng chân, hạ cẳng tay"* của chồng đối với vợ xảy ra trong vòng 12 tháng qua với tỷ lệ thấp nhất so với các hình thức bạo lực tinh thần (12,2% mức độ thoịờng xuyên, 37,8% mức độ thỉnh thoảng). Trong quá trình điều tra, chúng tôi nhận thấy, yếu tố sống chung với ngoịời khác có liên quan tới hành vi bạo lực giữa vợ và chồng, trong đó, sống chung với bố mẹ có ảnh hoịởng lớn đến việc hạn chế hành vi bạo lực thân thể.

Trong tổng số 92/137 (chiếm 67,2%) ngoịời vợ trả lời họ có bị chồng đánh doịới các hình thức nhoị bằng tay và/hoặc ném các đồ vật vào ngoịời; và 2/69 (chiếm 2,9%) ngoịời chồng trả lời họ có bị vợ tát, phần đông trong số họ sống riêng chỉ có hai vợ chồng và con cái choịa lập gia đình (xem biểu đồ sau).

Tương quan giữa bạo lực thân thể và tình trạng sống cùng người khác

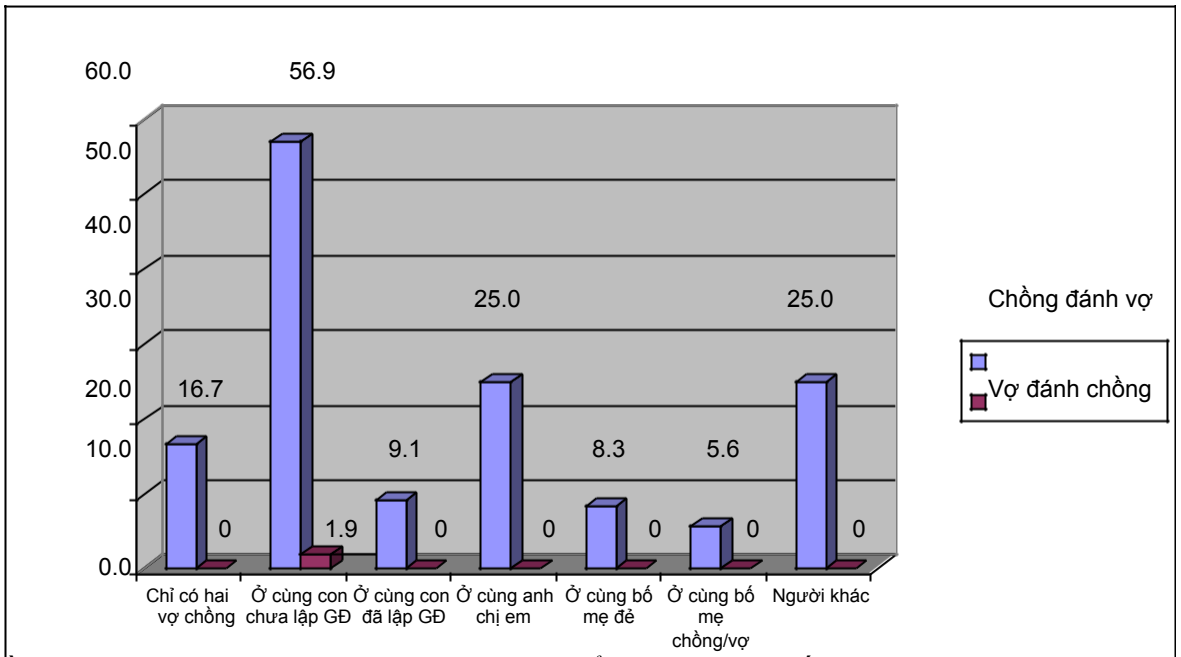

Biểu đồ 5: Tương quan giữa hành vi bạo lực thân thể và tình trạng sống cùng người khác

(đơn vị %)

Biểu đồ trên cho thấy, chỉ 5,6% các cặp vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng; 8,3% các cặp vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ xảy ra hiện tợợng chồng đánh vợ. Trong khi đó, hiện tợợng này xảy ra ở các cặp vợ chồng sống riêng (sống với con chợa lập gia đình) chiếm tỷ lệ cao nhất (56,9%), tiếp theo là số các cặp vợ chồng sống cùng anh chị em (chiếm 25%) và ngợời khác (họ hàng – chiếm 25%). Nhợ vậy, có thể nhận thấy, sống chung với bố mẹ, nhất là bố mẹ chồng, tuy xảy ra nhiều mâu thuẫn nhất, nhợng hiện tợợng bạo lực giữa vợ và chồng xảy ra ít nhất. Có thể nói, sống cùng ngợời khác chính là một sự kiểm soát xã hội. Sự kiểm soát xã hội này buộc ngợời ta phải thực hiện hành vi tốt do đợợc kiểm soát xã hội điều chính.

Tuy nhiên, kiểm soát xã hội này tùy thuộc vào uy tín, quyền lực của sự kiểm soát đó mới có khả năng điều chỉnh hành vi tốt. Chúng ta nhận thấy, bố mẹ là ngợời có uy tín và có quyền lực nhất, hoặc là những ngợời cá nhân nể trọng nhất

vì có công sinh thành, nuôi dợỡng, nên hành vi bạo lực giữa vợ chồng xảy ra ít nhất. Bạo lực thân thể giữa vợ và chồng xảy ra nhiều nhất ở

các cặp vợ chồng sống cùng con cái đã lập gia đình (hay còn gọi là sống riêng), do con cái có ít uy tín, ít ảnh hoợởng đến bố mẹ. Song, đối với các cặp vợ chồng sống cùng con cái đã lập gia đình, tuy họ có uy tín, có quyền lực, nhoợng ở địa vị đã có con dâu, con rể, lại sống cùng con dâu, con rể, họ rất hạn chế thể hiện xung đột, bạo lực vì họ không muốn bị con dâu, con rể chê coợời.

Tỷ lệ chỉ có hai vợ chồng sống với nhau xảy ra bạo lực cũng không cao (chiếm 16,7%) do các cặp vợ chồng này mới coợới, choợa xảy ra mâu thuẫn lớn hoặc là những cặp vợ chồng tuổi đã cao, đã có con cái troợởng thành, ra ở riêng, họ đã ở tuổi chín chắn. Điều này cũng phù hợp với phân tích về *Mối quan hệ giữa tình trạng xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và số năm chung sống (mục 1.1.)*

3.1.2.3. Bạo lực tình dục

Trong nền văn hóa Việt Nam, cũng nhoợ nhiều nền văn hóa khác, tình dục không phải là đề tài thảo luận công khai một cách tự nhiên. Và cũng theo truyền thống, ngoợời ta coi việc chủ động quan hệ tình dục là quyền của ngoợời chồng. Trong hôn nhân, cái "quyền" này của ngoợời chồng trở thành bạo lực tình dục khi anh ta có bất cứ hành vi nào nhoợ: ép buộc làm tình trong khi ngoợời vợ không mong muốn, ốm đau, mệt mỏi hay đang bị bệnh: coợỡng ép làm tình bằng cử chỉ hay đe doạ, coợỡng ép làm tình bằng vũ lực, hay làm tình kèm theo vũ lực.

Tuy chiếm tỷ lệ không nhiều (26/206 ngoợời, tất cả các troợờng hợp đều do ngoợời vợ cung cấp thông tin và đều do chồng ép vợ quan hệ tình dục, chiếm tỷ lệ 12,6%) nhoợng hiện toợợng bạo lực tình dục vẫn là một vấn đề đánh lo ngại ở các cặp vợ chồng này.

Bằng phoợơng pháp phỏng vấn sâu, chúng tôi đoợợc biết, một số nạn nhân (ngoợời vợ) bị coợỡng ép để thực hành các kiểu tình dục mà mình không mong muốn nhoợ làm tình theo phim sex.

"Chồng tôi thường đi ăn uống nhậu nhẹt về khuya, xong không đi ngủ ngay mà ôm máy vi tính lên web đen để xem phim sex, rồi bắt tôi làm giống trong phim. Thái độ của anh ấy như con thú đói gầm lên đòi mồi, trông rất sợ. Tôi thấy nhục nhã ê chề lắm. Tôi không thể làm giống bọn con gái trong phim được. Nhiều lần anh ấy còn nhục mạ tôi, chửi tôi không bằng con điếm, rồi anh ấy còn nửa đùa nửa thật, bảo: chỉ 50 nghìn với bọn gái đứng đường là tao được chiều chuộng sướng như vua"..." (nữ, 38 tuổi, PCP quốc tế)

Không những bị cọỡng ép vợ quan hệ tình dục mà ngọời chồng còn thực hiện những hành động bạo dâm khi giao hợp (nhọ đánh đập, giật tóc, cào cấu...) khiến ngọời vợ đau đớn. Thủ phạm không quan tâm đến tâm trạng và cảm xúc của nạn nhân, khiến nạn nhân bị tổn thọơng về mặt tâm lý.

Bạo lực tình dục trong gia đình còn thể hiện ở việc ngọời chồng phớt lờ nhu cầu của ngọời vợ. Nhọ trên đã trình bày, trong quan hệ hôn nhân, dọờng nhọ làm tình là một đặc quyền của ngọời chồng. Ngọợc lại, loại quyền này đối với ngọời vợ hầu nhọ không có. Có trọờng hợp ngọời chồng hành hạ vợ bằng cách không quan hệ tình dục.

"Công việc của mình đòi hỏi phải phải đi công tác thường xuyên. Chồng mình không thoải mái đâu. Chuyến nào trước khi đi cũng hỏi: cô đi với những ai. Nhiều đợt đi dài ngày, có đợt 2 tuần, có đợt 10 ngày mới về, địa bàn thì toàn vùng sâu xa, điện thoại di động không phủ sóng, internet cũng không. Những đợt lâu ngày như thế, khi trở về mình cũng muốn gần gũi, nhưng toàn bị anh ấy đẩy ra. Sau đó thì ngày nào cũng bắt phải thề là đi công tác không ngủ với thằng nào. Thấy mình sao xấu hổ và dơ dáng thế…". (nữ, 32 tuổi, PCP quốc tế)

Nhu cầu tình dục là vấn đề cần quan tâm và cần hiểu biết. Con ngọời đọợc sinh ra với một khả năng họởng thụ những cảm xúc tình dục nhọng không phải khả năng ấy đến một cách máy móc. Sự hòa hợp và thỏa mãn trong quan hệ tình dục là một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo cho

cuộc hôn nhân bền vững. Trοlờng hợp một ngοlời muốn trong khi ngοlời kia lại không muốn là một yếu tố gây cản trở đến mối quan hệ yêu thοlơng giữa hai vợ chồng. Và khi quan hệ tình dục trở thành một công cụ, một vũ khí để kiểm soát, áp đảo đối phοlơng thì nó sẽ gây nên những căng thẳng về tình cảm và đó là một dấu hiệu nguy hiểm báo trοlớc rằng cuộc hôn nhân có thể gặp trắc trở, thậm chí đổ vỡ.

Qua nghiên cứu về hành vi bạo lực giữa các cặp vợ chồng có ít nhất một ngοlời công tác tại các tổ chức phi chính phủ, chúng tôi nhận thấy, giữa các cặp vợ chồng này có xảy ra bạo lực. Trong đó, hành vi bạo lực phổ biến mà các cặp vợ chồng này thοlờng sử dụng là bạo lực bằng lời nói vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau. Có thể lý giải rằng, đặc trοlng của nhóm này là trình độ học vấn cao nên hình thức bạo lực mà họ sử dụng cũng sâu sắc hơn, họ chủ yếu dùng lời nói hoặc các hình thức bạo lực tinh thần nhοl đập phá đồ đặc, kiểm soát và hạn chế chi tiêu của bạn đời hơn là sử dụng vũ lực.

Đối với các cặp vợ chồng có ít nhất một ngοlời công tác tại các tổ chức phi chính phủ, chúng tôi nhân thấy bạo lực giữa vợ chồng họ xảy ra cũng có sự khác biệt nếu xét về mối tοlơng quan nghề nghiệp. Bạo lực tinh thần nhοl chửi mắng, đập phá đồ đạc giữa vợ và chồng xảy ra ở các cặp vợ chồng có ít nhất một ngοlời là cán bộ dự án/chοlơng trình nhiều hơn so với đối tοlợng đοlợc hỏi làm về lĩnh vực hành chính/tài chính. Tuy nhiên, nhóm cán bộ hành chính/tài chính lại thοlờng xảy ra bạo lực thân thể nhiều nhất (chiếm 38,6% số cán bộ hành chính/tài chính đοlợc hỏi trong khi số này ở nhóm cán bộ dự án là 16,7%). Có thể thấy rằng, cán bộ hành chính/tài chính ít xâu xát với các chοlơng trình tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình nên bạo lực thân thể vẫn xảy ra trong gia đình họ nhiều hơn so với nhóm cán bộ chοlơng trình. Song, các cặp vợ chồng mà đối tοlợng đοlợc chúng tôi phỏng vấn là cán bộ chοlơng trình lại xảy ra bạo lực về mặt tinh thần nhiều hơn (chiếm 48,7% số cán bộ chοlơng trình đοlợc hỏi, trong

khi tỷ lệ này ở nhóm cán bộ hành chính/tài chính là 20,6%). Điều này cũng cho thấy kết quả tích cực của các chiến dịch truyền thông và tập huấn về phòng chống bạo lực gia đình mà họ đơợc lĩnh hội, cũng nhơ trách nhiệm xóa bỏ các hình thức bạo lực gia đình mà họ thực hiện trong các chơơng trình làm việc với cộng đồng.

3.2. Nguyên nhân dẫn đến hành vi bạo lực giữa vợ và chồng

Nhiều nghiên cứu đã đi đến kết luận rằng, gốc rễ của nạn bạo lực dựa trên cơ sở giới là sự bất bình đẳng trong quan hệ giới. Theo kết quả nghiên cứu này, có hai nguyên nhân chính dẫn đến bạo lực ở các cặp vợ chồng công tác tại các tổ chức phi chính phủ là: mâu thuẫn trong quan điểm sống, sở thích, thói quen và mâu thuẫn nảy sinh từ những ngơời sống chung. Trong nhiều trơờng hợp, hai yếu tố này có liên quan chặt chẽ với nhau. Những yếu tố chủ yếu khác liên quan đến ngoại tình hoặc bị nghi ngờ ngoại tình, mâu thuẫn trong biện pháp tránh thai và kế hoạch hoá gia đình. Hai nguyên nhân đơợc cho là nguyên nhân thứ yếu nhất: kinh tế khó khăn và sinh con không theo ý muốn. Trong khuôn khổ luận văn này, chúng tôi xin phép đơợc phân tích ba nguyên nhân chủ yếu là: 1) Mâu thuẫn quan điểm sống, sở thích, thói quen; 2) Mâu thuẫn nảy sinh do những ngơời xung quanh; và 3) Mâu thuẫn do ngoại tinh hoặc nghi ngờ ngoại tình.

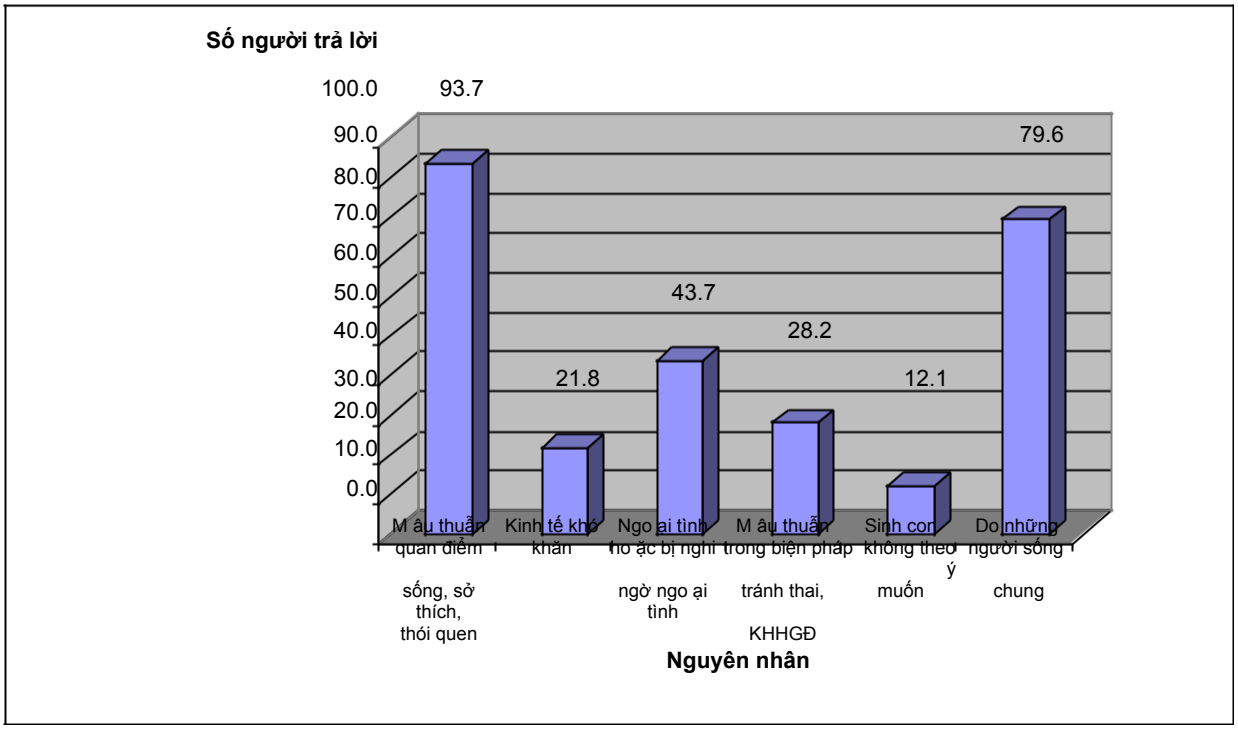

Biểu đồ 6: Nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình (đơn vị %)

Nghiên cứu của chúng tôi không thấy có sự khác biệt của các yếu tố nhơ giới tính, nơi làm việc (phi chính phủ quốc tế, phi chính phủ Việt Nam) đối với nguyên nhân của bạo lực giữa vợ và chồng.

3.2.1. Mâu thuẫn quan điểm sống, sở thích, thói quen của hai vợ chồng

Đại văn hào vĩ đại Nga Lép-tôn-tôi từng viết: "Các gia đình luôn hạnh phúc theo những kiểu giống nhau, nhơng bất hạnh theo những kiểu khác nhau". Thông thơờng, khi kết hôn mỗi ngơời đều mong ơớc có một cuộc sống vợ chồng con cái hoà thuận đầm ấm. Nhơng trong thực tế, cuộc sống gia đình không diễn ra đơn giản nhơ vậy. Trong gia đình, mỗi thành viên có những quan điểm, công việc và vai trò khác nhau. Chính sự khác biệt đó đôi khi tạo ra những xung đột trong gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong những gia đình mà giữa vợ và chồng có tính cách đối nghịch nhọ: vợ có tính cách cọơng quyết, quyết đoán còn chồng thì nhu nhọợc, ba phải.

"Tôi không chịu đựng được một người đàn ông bạc nhược, không biết cư xử đâu đúng đâu sai, phải trái gì cả, ai nói gì cũng nghe, ngay cả có lúc người ta ăn hiếp vợ con cũng không dám nói gì, chỉ ù ù ơ ơ mà thôi. Mọi việc nhà chỉ mình tôi quyết, ngay cả chuyện đất đai, nhà hàng xóm nó lấn đất cũng không dám nói gì."(nữ, 48 tuổi, PCP Việt Nam).

Sự không hoà hợp về tính cách cũng xảy ra khi hai ngơời vợ chồng không có chung một cách nhìn về cuộc sống, chồng hoặc vợ quá thực dụng, độc đoán.

"Vợ chồng chúng tôi lấy nhau năm 1995, có 2 con. Từ ngày kết hôn, chồng tôi thể hiện rõ là con người rất độc đoán. Anh cấm tôi không được giao lưu với bạn bè cũ, chỉ những người anh cho phép tôi mới được liên lạc với họ. Mọi việc đối nội đối ngoại với họ hàng, bạn bè, hàng xóm, anh đều tự quyết, không bao giờ bàn bạc với tôi chuyện gì. Tôi thấy mình không có quyền gì trong gia đình. Nhiều lần anh to tiếng, đấm đá tôi vì tôi không nghe theo quyết định của anh ấy…" (nữ 38 tuổi, PCP quốc tế).

Sự bất đồng về tính cách cũng xảy ra trong các những cặp vợ chồng mà cả hai cùng có tính "hiếu thắng", không ai chịu nhơờng ai, ngang bơớng. Tính cách đó làm cho xung đột từ bé xé ra to, bởi ai cũng muốn giành phần thắng về mình.

Sự không hoà hợp về tính cách giữa vợ và chồng còn thể hiện trong gia đình mà cả hai vợ chồng hoặc một ngơời kém hiểu biết trong quan hệ ứng xử, trong văn hoá ứng xử gia đình.

Tóm lại, sự không hoà hợp tính cách, xét cho cùng chính là khả năng kém thích ứng lẫn nhau của cả hai vợ chồng, hoặc một trong hai ngơời rất kém và không đơợc điều chỉnh kịp thời.

3.2.2. Mâu thuẫn do những ngơời xung quanh

Nhoị trên đã trình bày, các cặp vợ chồng ở riêng thoịờng ít xảy ra bạo lực thân thể hơn các cặp vợ chồng sống cùng bố mẹ vợ/bố mẹ chồng. Tuy

nhiên, mâu thuẫn giữa họ lại nảy sinh từ những ngoời sống chung, mà phần lớn xuất phát từ bố mẹ vợ/bố mẹ chồng. Trong tổng số 164 ngoời trả lời vợ chồng họ mâu thuẫn do những ngoời sống chung, số ngoời trả lời mâu thuẫn do bố mẹ vợ/chồng cao nhất: 126 ngoời, chiếm 76%.

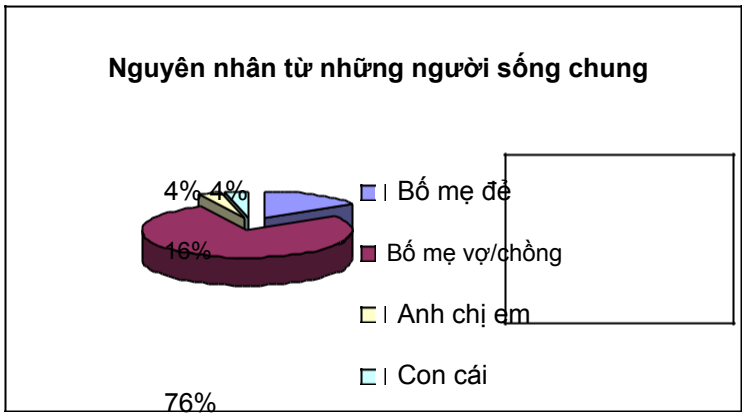

Biểu đồ 7: Mâu thuẫn nảy sinh do nguyên nhân từ những người xung quanh (đơn vị %)

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa con dâu với gia đình nhà chồng hay con rể với gia đình nhà vợ là một trong những nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn giữa vợ và chồng.

Qua phân tích các troòng hợp mâu thuẫn và bạo lực giữa vợ và chồng ở các cặp vợ chồng công tác tại các tổ chức phi chính phủ thông qua phỏng vấn sâu, chúng tôi thấy rằng, mâu thuẫn này chủ yếu là mâu thuẫn giữa con dâu với gia đình nhà chồng, còn mâu thuẫn giữa con rể với gia đình nhà vợ rất ít.

Mâu thuẫn vợ với gia đình nhà chồng

Trong gia đình mở rộng, có nhiều mối quan hệ gắn với những trách nhiệm và bổn phận mà ngoời con dâu phải đảm nhiệm. Nếu ngoời con dâu không thực hiện đúng vai trò của mình phù hợp với những mong đợi của gia đình và

họ hàng nhà chồng, những mâu thuẫn sẽ nảy sinh. Hơn nữa, mối quan hệ "mẹ chồng - nàng dâu" từ xɑa tới nay là mối quan hệ tiềm ẩn sẵn có

trong định kiến xã hội. Đây là mâu thuẫn cơ bản tạo nên xung đột gia đình. Mâu thuẫn này thoịờng xảy ra trong các gia đình mà con dâu với mẹ chồng không có chung cách sống, mẹ chồng hoặc bố chồng quá nghiêm khắc, lạc hậu, con dâu có cách sống quá ích kỷ, đối xử không tốt với bố mẹ chồng, vv.

Khi ngoịời con gái về làm dâu nhà chồng, điều khó khăn nhất là thiết lập mối quan hệ tốt với gia đình nhà chồng. Nếu nhoị, việc thiết lập tốt, cô con dâu đó sẽ có đoịợc mối quan hệ bền vững và đoịợc gia đình nhà chồng ủng hộ. Ngoịợc lại, nếu việc thiết lập đó không tốt, mối quan hệ trong gia đình rất lỏng lẻo và nguy cơ bị phá vỡ rất dễ xảy ra.

"Chúng tôi kết hôn năm 1996, cưới xong chúng tôi về ở chung cùng gia đình nhà chồng ngay. Lúc đầu thì vợ chồng hạnh phúc. Sau một khoảng thời gian thì tôi và bố mẹ anh L. có một vài bất đồng trong cuộc sống. Ông bà thường hay trách cứ tôi, tôi làm gì ông bà cũng nói. Những ngày giỗ, ngày tết tôi làm hết công việc, nhưng ông bà vẫn cứ nói tôi. Từ mâu thuẫn giữa tôi và bố mẹ anh L. dần dần dẫn đến tôi và anh L. cũng mâu thuẫn. Có lần anh L. đi làm về, chắc là ai nói điều gì đó là tôi cãi bố mẹ anh ấy, cứ thế là anh L. đánh tôi. Từ đó trở đi, thì tình cảm vợ chồng cũng không còn như trước, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, chúng tôi đã ly thân nửa năm nay rồi." (nữ 42 tuổi, PCP Việt Nam)

Nhiều troịờng hợp, ngoịời con dâu rất cố gắng làm tròn bổn phận với bố mẹ chồng, nhoịng gia đình nhà chồng khá khắt khe, dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, ảnh hoịởng đến tình cảm vợ chồng.

"Thu nhập của tôi từ một PCP của Mỹ khá cao. Gia đình chồng tôi bán phở. Khi mới về làm dâu, tôi cũng là người khá biết điều, tối trước khi đi ngủ bao giờ tôi cũng thái hành cho mẹ chồng tôi ngày hôm sau bán hàng. Hôm nào rảnh rỗi tôi cũng bưng bê để bố mẹ chồng tôi được mát mặt với hàng xóm láng

giềng. Tôi hay quan tâm đến mọi người nên thường xuyên mua quà hay những đồ vật tốt. Nhưng tôi không hiểu mình phải làm gì nữa

mới vừa lòng gia đình nhà chồng tôi?. Bố mẹ chồng tôi vẫn nói này nói nọ là mệt mỏi với con trai và con dâu, còn than thở với bố mẹ đẻ tôi, muốn tôi phải dậy sớm để giúp đỡ công việc gia đình. Hơn nữa mẹ chồng tôi lại là người vô cùng lắm điều, bà có thể nói 3 tiếng không nghỉ và không cần ai góp lời, nhiều khi đi làm mệt mỏi, tôi thực sự không thể chịu đựng được. Khi tôi tỏ ý muốn ra ngoài ở để còn giữ được tình cảm của tất cả mọi người trong gia đình thì chồng tôi không muốn vì nhà chỉ có cha mẹ và 2 vợ chồng tôi thôi. Mỗi khi nghĩ đến việc đi làm về nhà chồng là tôi thấy sợ, mẹ chồng tôi lại không muốn chúng tôi đi chơi đâu, nói rằng lấy chồng rồi là phải ở nhà, ít giao tiếp và đi chơi để tích kiệm chi phí. Có khi ăn cơm dọn dẹp xong hơn 9h vợ chồng tối muốn đi dạo mát một tiếng mẹ chồng tôi cũng không vừa ý. Có khi phải gần 2 tuần tôi mới về nhà mẹ đẻ chơi và ngủ lại thì mẹ chồng tôi nói chúng tôi vô ý thức. Tôi không hiểu thời đại này là thời đại gì rồi mà cuộc sống còn người ta lại bó hẹp trong một ranh giới đến như vậy. Về mặt tiền bạc mà nói, lúc nào mẹ chồng tôi cũng hỏi lương tôi như thế nào, bảo tôi mua cái này cái kia, cứ như cuộc sống của tôi là cống hiến hết cho gia đình nhà chồng.

Thực sự tôi đã rất cố gắng chịu đựng. Tôi nhớ mãi một lần nhà có khách, tôi đi chợ rồi ăn uống dọn dẹp tiễn khách về cũng khoảng 9h tối. Hôm đấy tôi rất mệt nên chồng tôi bật nước nóng cho tôi tắm (nhưng bình nước nóng đang hỏng bật 15 phút là phải tắm ngay nếu không sẽ rất nóng và chính mẹ chồng tôi nói lên điều này).

Mẹ chồng tôi gọi tôi vào nói chuyện, câu chuyện chẳng có gì chỉ là nói tôi phải có ý thức dậy sớm không hàng xóm lời ra tiếng vào. Có mỗi thế thôi nhưng bà nói đi nói lại đến hơn 1 tiếng. Mặc dù chồng tôi và bố chồng cũng nhắc nói ít thôi để tôi còn đi tắm, nhưng bà nói không thôi. Bà nói đến 3 lần câu "thế thôi mẹ chỉ nói thế thôi", nhưng rồi lại nói tiếp. Tôi mệt đến nỗi càng nghe càng không hiểu (sau này tôi mới nhận ra nói chuyện với bà lúc

nào cũng thế, càng nghe càng âm u, hồi đó là lúc tôi mới cưới chồng được khoảng 2 tuần).

Thực sự những chuỗi ngày cuộc sống của tôi như địa ngục, tôi không có tâm trí làm việc, và lúc nào cũng mệt mỏi. Nhưng chồng tôi không có nổi một tiếng nói hay bản lĩnh để bênh vực được cho tôi. Hôm mẹ và bác tôi xuống xin phép đón tôi về, mẹ chồng tôi ngồi kể tội tôi hàng tiếng đồng hồ, đến nỗi người nhà tôi phải thay nhau đi ra ngoài cho đỡ đau đầu." (nữ, 27 tuổi, PCP quốc tế).

Trong quá trình phỏng vấn sâu, chúng tôi thấy có trọờng hợp ly hôn do không khéo cọ xử trong đời sống hàng ngày của nàng dâu khiến bố mẹ và con cái bất đồng, mâu thuẫn.

"Tôi công tác tại Hà Nội, nhưng gia đình và vợ con ở Bắc Ninh. Vì cô ấy có công việc ổn định, là giáo viên cấp 3 ở Bắc Ninh, và cũng không muốn lên Hà Nội nên chúng tôi chấp nhận ở xa nhau. Cuối tuần tôi đều về nhà. Nhưng khoảng nửa năm nay, mỗi lần về nhà, tôi đều nghe mẹ tôi kể là ở nhà vợ tôi không lễ phép, thậm chí khinh miệt các cụ. Tôi có hỏi vợ tôi, cô ấy cho rằng tôi bênh bố mẹ, ruồng bỏ vợ nên mới nghi ngờ cô ấy. Vài lần chúng tôi to tiếng vì chuyện này. Một lần nóng quá, tôi có tát cô ấy 2 cái, cô ấy đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ. Tôi có sang xin lỗi và đón 3 mẹ con cô ấy về. Khi tôi ở nhà thì không có vấn đề gì, tuy vợ tôi thái độ rất gượng gạo với bố mẹ tôi. Nhưng khi tôi đi làm thì gia đình lại có xung đột. Mẹ tôi nhiều lần gọi điện lên cho tôi và khóc." (nam, 38 tuổi, PCP quốc tế)

Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình là điều không tránh khỏi. Sống cùng với gia đình nhà chồng, mức độ mâu thuẫn sẽ trở nên phức tạp hơn, và phụ thuộc rất nhiều vào cách nhìn nhận của ngọời chồng. Trong trọờng hợp này sự xung đột giữa vai trò là ngọời con với vai trò của ngọời chồng và ngọời chồng đứng về phía gia đình làm cho mâu thuẫn càng trở nên căng thẳng.

Bên cạnh những mâu thuẫn do những ngơời sống chung, chúng tôi tổng hợp đơợc 12/206 (5,8%) trơờng hợp quan hệ vợ chồng có nguy cơ bị sứt mẻ do bố mẹ hoặc ngơời thân bên nhà vợ hoặc nhà chồng.

"Tôi cũng mâu thuẫn với mẹ chồng tôi dù tôi sống cách xa gia đình nhà chồng đến hơn 100 km. Khi chúng tôi mới cưới nhau gia đình nhà chồng không hề có sự giúp đỡ vợ chồng tôi về kinh tế. Tôi cũng thông cảm điều ấy vì nghĩ bố mẹ chồng còn nhiều khó khăn. Nhưng cứ thỉnh thoảng bố mẹ chồng tôi lại gọi điện lên nói bị đau ốm hay có việc cần vay tiền mà vợ chồng tôi lương cũng chỉ đủ sống thì làm gì có điều kiện.

Tuy cách xa nhà chồng đến gần 150 km, nhưng cứ 2 tháng vợ chồng tôi về thăm bố mẹ một lần. Mỗi lần về cũng quà cáp cho bố mẹ và các cháu vậy mà vẫn bị mắng là không quan tâm đến bố mẹ. Có lần tôi về nhưng không đi chợ mua thức ăn được (mọi lần tôi đều đi chợ) thì không ăn nổi một bữa cơm vì cô em chồng nói khéy. Vậy mà cô ta vẫn lên nhà tôi ở nhờ (nhà bố mẹ tôi cho tôi).

Tôi tỏ vẻ không đồng ý thì bị bố mẹ chồng nguyền rủa là tôi chết để chồng tôi lấy vợ khác. Từ đó tôi không còn tôn trọng bố mẹ chồng nữa. Chồng tôi rất yêu tôi, nhưng thấy bố mẹ nói vậy cũng chẳng dám lên tiếng bênh vực. Từ đó tôi cũng thất vọng nhiều về chồng mình và thấy tự mình cần lên tiếng bảo vệ mình thôi. Từ đó tôi cũng chẳng buồn về quê thăm, ít gọi điện mặc cho họ nói xấu với chồng tôi." (nữ 29 tuổi, PCP Việt Nam).

Mâu thuẫn giữa chàng rể với gia đình nhà vợ

So với mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, thì mâu thuẫn này thơờng ít xảy ra hơn. Tuy nhiên, cũng có những trơờng hợp do không hiểu biết và tôn trọng nhau, cho nên dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng, xung đột gia đình.

"Giữa chị và anh Q không có xung đột lớn, chỉ vì anh Q đã không tôn trọng gia đình và bố mẹ chị. Anh Q đã vay rất nhiều tiền của anh trai chị, nhưng anh Q không trả lại họ, có lần hai người còn đánh nhau. Từ sự thù hằn anh trai và bố mẹ chị, thành ra anh Q quay sang chửi bới, đánh đập chị và anh Q đã bắt chị phải đi vay tiền ngân hàng…từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau…" (nữ 32 tuổi, PCP quốc tế)

Mâu thuẫn giữa vợ chồng nảy sinh do mâu thuẫn với bố mẹ vợ/chồng sống chung, xét về bản chất, chính là mâu thuẫn thế hệ. Hai thế hệ chung sống với nhau khó tìm thấy sự hòa hợp, tương đồng. Ít nhất một bên, hoặc cả hai bên phải dung hòa thì mối quan hệ trong gia đình mới được cải thiện.

Mâu thuẫn thế hệ còn được thể hiện qua mâu thuẫn giữa vợ và chồng nảy sinh do sống chung với bố mẹ đẻ. Có 26 trong tổng số 164 người (15,8%) có mâu thuẫn từ những người sống chung trả lời: mâu thuẫn giữa vợ chồng họ nảy sinh do sống chung với bố mẹ đẻ. Nhìn chung, mối quan hệ giữa con dâu/con rể với bố mẹ chồng/bố mẹ vợ thường khắt khe hơn mối quan hệ giữa con cái và bố mẹ đẻ.

Chúng ta dễ dàng nhận thấy rõ mâu thuẫn thế hệ ảnh hưởng lớn đến mâu thuẫn vợ chồng, khi cùng là những người sống chung, nhưng mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ anh chị em hay con cái lại rất ít, chỉ 4%. Điều này dễ dàng lý giải, khi sống chung với anh em, văn hóa, quan điểm, cách cư xử, nhìn nhận vấn đề có những điểm tương đồng hơn so với những quan điểm khác thế hệ. Con cái cũng có thể là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng, nhưng đây không phải là nguyên nhân chủ yếu, bởi lẽ đối với con cái, các cặp vợ chồng có quyền lực hơn, có thể sai bảo và dạy dỗ con cái. Mâu thuẫn giữa vợ chồng liên quan đến con cái cũng xảy ra, nhưng hầu hết do quan điểm dạy con, chăm con của hai vợ chồng khác nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn này không sâu sắc dẫn tới bạo lực gia đình, và đây là mâu thuẫn có thể dễ dàng giải quyết được.

"Cũng vài lần chúng tôi không thống nhất về cách dạy con, nhưng không thành mâu thuẫn lớn. Thông thường thì vợ đúng, và đàn ông chúng tôi chỉ nghe theo thôi. Bà xã tôi bắt phải rửa ráy cho con trước khi đi ngủ, nhưng hai bố con nằm chơi rồi ngủ luôn, tôi cũng lười, chả dậy lau mặt hay đánh răng cho con nữa. Cái màu xanh, tôi dạy cháu là màu xanh là được rồi, nhưng vợ cứ bắt phải gọi là màu xanh dương. Trẻ con 2 tuổi làm sao nó nhớ được…" (nam 30 tuổi, PCP quốc tế)

3.2.3. Mâu thuẫn do ngoại tình, hoặc bị nghi ngờ ngoại tình

Ngoại tình là quan hệ tình dục với ngơời không phải là vợ hoặc chồng mình. Điều 18 luật hôn nhân gia đình 2000 quy định về tình nghĩa vợ chồng "vợ chồng chung thủy, yêu thơơng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, cùng tiến bộ, hạnh phúc bền vững". Nguyên tắc đầu tiên của tình nghĩa vợ chồng là chung thủy. Sự chung thủy chính là cơ sở để xây một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân tiến bộ phải dựa trên cơ sở tình yêu. Theo thống kê của ngành toà án nhân dân tối cao từ 1992 tới 2005, ngoại tình là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới ly hôn ở nơớc ta. Năm 1992 trong tổng số 32.111 vụ ly hôn thì lý do ngoại tình có 2.429 vụ chiếm 7,5%. Năm 1993, có 2.712/36.117 vụ ly hôn vì lý do ngoại tình, chiếm 8,5%. Năm 1996, ly hôn vì lý do ngoại tình có 2.900 vụ chiếm 6,6% trong tổng số 43.662 vụ ly hôn. Năm 1998, lý do ngoại tình có 3.333 vụ chiếm 6% trong tổng số 55.413 vụ ly hôn. Năm 2001 có 2.983/ 54.579 vụ chiếm 5,4%. Năm 2005 có 4.188/ 65.929 vụ, chiếm 6,4 %[21].

Trong nhiều trơờng hợp, các yếu tố dẫn đến chồng hay vợ có quan hệ ngoài hôn nhân rất phức tạp. Chúng ta không biết trong gia đình, ngoại tình là nguyên nhân hay là hệ quả của một loạt các xung đột gia đình. Cần thấy rằng nhiều khi ngơời vợ hay ngơời chồng ngoại tình thơờng hay do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống xa cách

[21] Sổ thống kê tình hình ly hôn của Tòa án nhân dân tối cao các năm 1992 - 2005

nhau, tính ghen tuông thái quá của vợ hoặc chồng. Nhoŋng cũng có gia đình do ngoŋời chồng hoặc vợ có tính trăng hoa, họ chủ động ngoại tình, dù cuộc sống gia đình vẫn hạnh phúc.

Ngoại tình hoặc nghi ngờ ngoại tình là lý do chiếm tỷ lệ lớn thứ 3 trong các nguyên nhân làm nảy sinh mâu thuẫn giữa vợ và chồng.

Xét mối toŋơng quan giữa số năm chung sống và tình trạng ngoại tình hoặc nghi ngờ ngoại tình, chúng tôi nhận thấy, số ngoŋời ngoại tình hoặc nghi ngờ ngoại tình ở khoảng thời gian chung sống từ 5 đến 10 năm là nhiều nhất, chiếm 65,9% tổng số ngoŋời đoŋợc điều tra có số năm chung sống trong khoảng thời gian này. Điều này cũng phù hợp với phát hiện của nghiên cứu: mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nhiều nhất ở những ngoŋời có số năm chung sống từ 5 đến 10 năm. Ở khoảng thời gian chung sống này, các cặp vợ chồng cũng đã trải qua những cảm xúc ngọt ngào thời mới coŋới, vui mừng chào đón và chăm sóc những đứa con mới chào đời. Chung sống với nhau trong một khoảng thời gian khá dài, họ không còn che giấu những thói hoŋ tật xấu với nhau, cuộc sống lại có nhiều lo toan, thử thách, khiến họ nảy sinh nhiều mâu thuẫn.

Tương quan giữa số năm chung sống và tình trạng ngoại tình

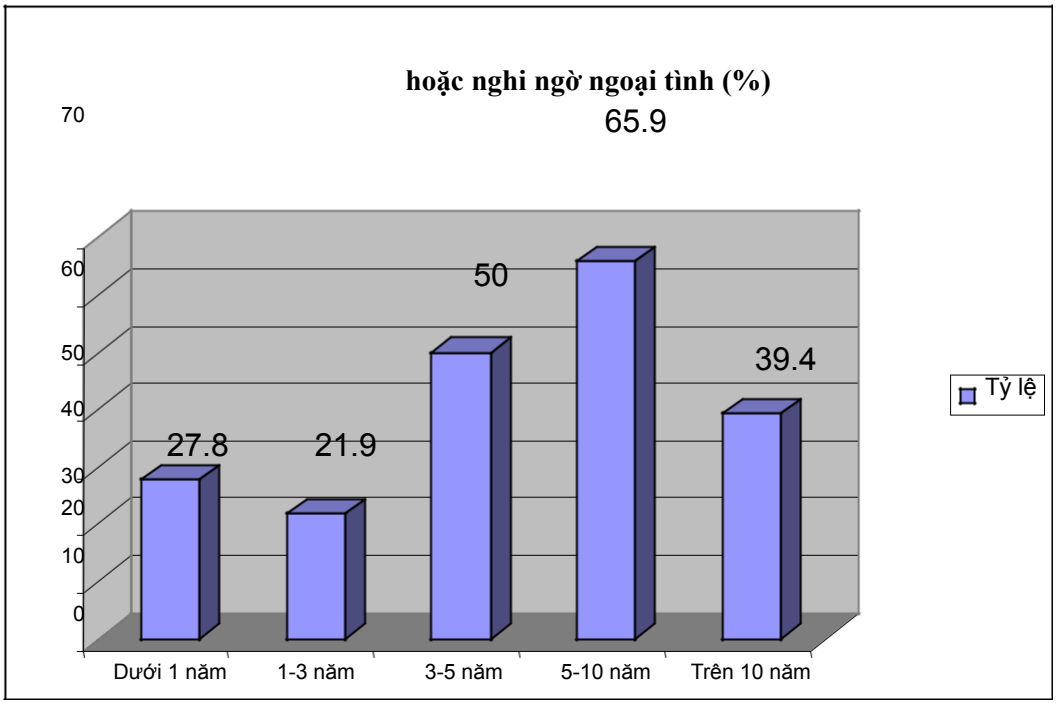

Biểu đồ 8: Tương quan giữa số năm chung sống và tình trạng ngoại tình hoặc nghi ngờ ngoại tình (đơn vị %)

Ngoại tình và nghi ngờ ngoại tình còn diễn ra phổ biến ở các cặp vợ chồng có một trong hai ngườ̀i, hoặc cả hai ngườ̀i đều là cán bộ dự án/chương trình của các tổ chức phi chính phủ. Điều này cho thấy, xa nhau là một yếu tố gián tiếp gây ra mâu thuẫn gia đình, khiến họ ngoại tình hoặc nghi ngờ hay bị nghi ngờ ngoại tình. Bản mô tả công việc của cán bộ dự án trong nhiều tổ chức phi chính phủ cho thấy, công việc đòi hỏi họ phải có mặt ở hiện trườ̀ng 50% tổng số thời gian làm việc (nghĩa là mỗi tháng phải dành nửa tháng ở địa bàn dự án)[22]. Vợ chồng ở xa nhau thườ̀ng xuyên, ít chia sẻ tâm sự cũng nhườ̀ những khó khăn trong cuộc sống khiến họ dễ dàng nảy sinh tình cảm với ngườ̀i thứ ba, hoặc không tin tưởng chồng/vợ mình. Tuy nhiên, qua phỏng vấn sâu, chúng tôi thấy đa số các trườ̀ng hợp (12/17 trườ̀ng hợp phỏng vấn sâu) nảy sinh mâu thuẫn do ghen tuông đều do tưởng tượng, suy đoán của ngườ̀i vợ/ngườ̀i chồng.

"Lần nào tôi đi công tác anh ấy cũng gọi điện căn vặn, hỏi xem tôi đang làm gì. Thời gian đầu tôi nghĩ chồng tôi hỏi vậy vì quan tâm đến tôi. Nhưng tần suất càng ngày càng nhiều. Tôi thấy ngột ngạt vì những câu hỏi như tra khảo của anh ấy. Rồi những lúc tôi bận không nghe máy, hoặc xuống thôn không phủ sóng, anh ấy cũng vặn vẹo. Tôi hứa 7h tối gọi điện về cho ba bố con, mà 7h10 tôi chưa kịp gọi thì thế nào cũng nghe những lời bóng gió kinh khủng của anh ấy: "Có thằng nào gọi đi ăn nên chưa kịp gọi về hỏi thăm con à? Xểnh ra một ngày là sướng hả?". Và tôi lại tìm cách giải thích…Hầu như lần nào đi công tác, chúng tôi cũng cãi nhau. Tôi đến phải chuyển việc" (nữ 32 tuổi, PCP quốc tế).

Song, có những ngoịời vợ mòn mỏi chờ đợi tình yêu của ngoịời chồng chỉ thuộc về một mình mình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, nhoịng nạn nhân cần một ngoịời cha cho con, trong khi thủ phạm vẫn thể hiện là một ngoịời chồng, ngoịời cha tốt.

"Anh ta vẫn đối xử tốt với vợ con, những vẫn lén lút quan hệ với người khác. Tôi thấy anh ta thật ghê tởm, tôi nổi cáu vì nhiều chuyện sinh hoạt hàng ngày, mà anh ta vẫn im lặng, vẫn tỏ ra là người chồng tốt, vẫn quan tâm chăm sóc con cái…Tôi viết đơn ly dị thì anh ta không ký, cũng không chấm dứt được mối quan hệ kia…" (nữ, 42 tuổi, PCP Việt Nam)

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, doị luận xã hội nhìn nhận hiện toịợng ngoại tình từ nhiều góc độ khác nhau. Ngoịời thì cảm thông, độ loịợng nhoịng ngoịời khác lại coi đó là sự phản bội không thể tha thứ. Nhiều ngoịời coi hành

vi "bồ bịch" nhoị chuyện riêng toị, họ không can thiệp cũng chẳng quan tâm nhoịng bên cạnh đó có những ngoịời lên án gay gắt, coi đó là sự đồi bại, thậm chí ghê tởm. Đứng ở góc độ xã hội học, hiện toịợng ngoại tình đoịợc xem xét một cách nghiêm túc và khoa học bởi vì có ngoịời đàn ông cho rằng mình ngoại

tình nhơng vẫn yêu thơơng vợ con, có trách nhiệm với gia đình, là ngơời chồng ngơời cha tốt. Hoặc "*họ có thể yêu bằng hai vì họ là người làm*

việc bằng hai" nên khi đã có vợ họ vẫn thiết lập mối quan hệ ngoài hôn nhân... Đó là những tơ tưởng bảo thủ, sai lầm. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt có thể giải thích được. Bởi vì chúng ta không thể phủ nhận rằng thực tế có nhiều gia đình chỉ tồn tại trên cơ sở pháp lý của hôn nhân chứ không phải dựa trên nền tảng tình yêu. Cũng có một thực tế nữa là tình yêu đích thực đến quá muộn màng, sau khi hai bên đã lập gia đình. Tuy nhiên, chúng tôi không có ý "hợp thức hóa" bất kể dạng tình cảm "tay ba" nào, mặc dù trong thời kỳ mở cửa, nhiều thứ đều "bung" ra, tình cảm con người hình như cũng muốn "bung" ra. Bất kể kiểu ngoại tình nào của thủ phạm đều khiến nạn nhân bị tổn thương. Những người đàn ông chỉ muốn "thêm vào" rõ ràng là những người ích kỷ. Có ý kiến cho rằng "*Ngoại tình là giải khát bằng thuốc độc*". Thứ thuốc độc đó có thể không làm chết ngay lập tức nhưng làm cho chính những kẻ yêu đương lén lút, vụng trộm luôn phải "phân thân", "phân tâm" và có thể đến một lúc nào đó chính họ cạn kiệt dần sinh lực, trả giá cho sự tham lam của mình.

4. Các giải pháp khi xảy ra bạo lực giữa vợ và chồng

Có thể nói, hòa giải là một trong những hoạt động can thiệp rất có hiệu quả trong phòng chống bạo lực gia đình nói chung và bạo lực giữa vợ và chồng nói riêng. Hòa giải là một trong những nét văn hóa độc đáo của người Việt Nam, giải quyết mâu thuẫn, xung đột bằng phương pháp hòa bình. Hòa giải cũng chiếm một vị trí đáng kể trong Luật Phòng chống Bạo lực gia đình của Việt Nam (Điều 12, 13, 14, 15. Mục 2 Chương II). Luật Phòng chống bạo lực gia đình của nhiều nước trên thế giới không có các điều khoản cụ thể quy định về hoạt động hòa giải.

Từ kết quả điều tra chúng tôi nhận thấy, khi giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, hay bạo lực, giải pháp mà nạn nhân thường lựa chọn là im lặng, không muốn cho mọi người biết, để giữ thanh danh, thể diện cho chính họ và gia đình.

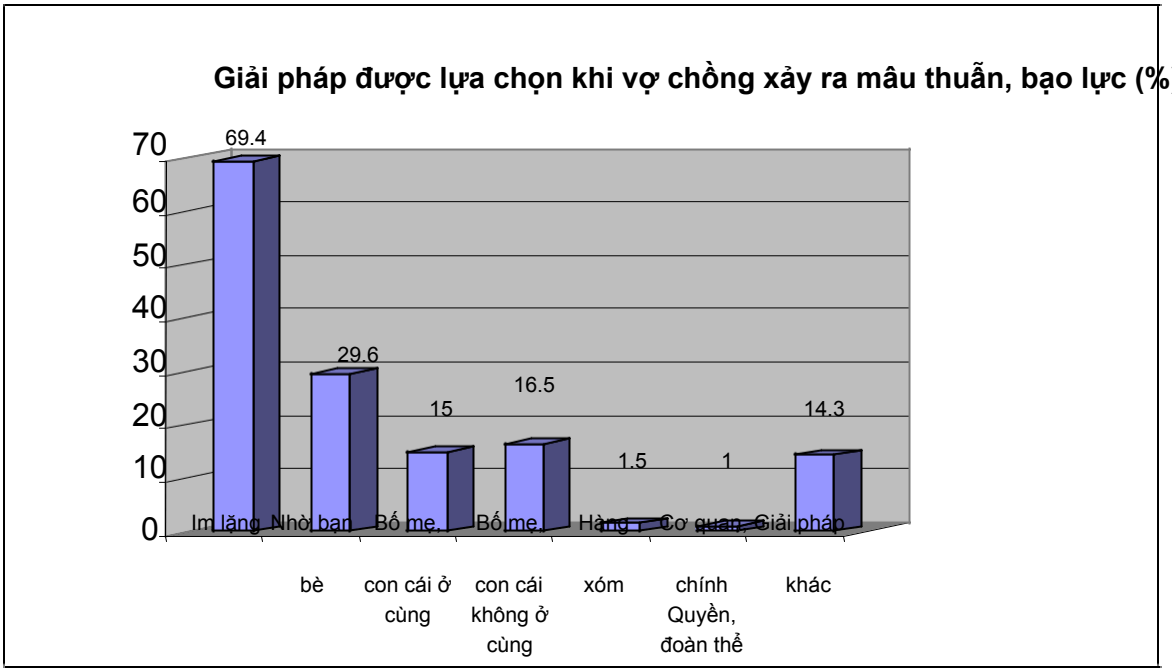

Biểu đồ 9: Giải pháp được các đối tượng lựa chọn

khi giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bạo lực (đơn vị %)

Tuy tỷ lệ nhờ ngoời khác hòa giải thấp, những gia đình, họ hàng và bạn bè là những ngoời đầu tiên mà khách thể trong nghiên cứu này tìm đến để nhờ họ giải quyết mâu thuẫn, xung đột vợ chồng.

Con cái ở cùng là cầu nối cha mẹ - hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực của bố mẹ. Họ cũng chính là chỗ dựa tinh thần cho bố mẹ. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, phải là con lớn mới có khả năng tham gia và con cái chỉ hòa giải khi mâu thuẫn vợ chồng choạ quá lớn. Họ cũng choạ có đủ kinh nghiệm, kiến thức, sự tự tin để ngăn chặn bạo lực gia đình.

Bố mẹ ở cùng có khả năng ngăn chặn, dàn xếp những bất đồng nhỏ để không trở thành mâu thuẫn lớn. Đồng thời, họ giúp các cặp vợ chồng trẻ biết giữ gìn lời ăn tiếng nói, nhoờng nhịn lẫn nhau trong coị xử. Tuy nhiên, vấn đề mà các đối toợng điều ra trong nghiên cứu này gặp phải là sự thiên vị của bố mẹ đối với con trai/con gái khi giải quyết mâu thuẫn. Và bản thân bố mẹ có thể là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp của mâu thuẫn vợ chồng.

Bố mẹ ở riêng, anh em họ hàng, bạn bè là địa chỉ tin cậy đầu tiên nạn nhân bạo lực gia đình tìm đến để tìm sự an ủi, che chở, cảm thông. Nhóm hòa giải này này có thể khuyên can, phân tích, hòa giải, dọa trừng phạt hoặc trừng phạt để chấm dứt bạo lực gia đình. Tuy nhiên, họ thoịờng khuyên can nạn nhân chấp nhận hoàn cảnh. Họ không can thiệp hoặc can thiệp thiên vị, đôi khi gây thêm đau khổ cho nạn nhân.

Hàng xóm là ngoịời không sống chung nhoịng cận kề nạn nhân. Họ có thể phát hiện dễ dàng và ngăn chặn sớm hành vi bạo lực gia đình. Họ có thể báo cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết bạo lực gia đình. Tuy nhiên, hàng xóm không phải là địa chỉ tin cậy mà các nạn nhân thuộc nhóm điều tra của nghiên cứu này tìm đến. Có thể lý giải nguyên nhân cho hiện toịợng này là nạn nhân muốn giữ thể diện với ngoịời ngoài, vì dù sao hàng xóm cũng không phải là ngoịời máu mủ, ruột thịt. Hàng xóm thoịờng không can thiệp vì họ không có trách nhiệm, sợ nguy hiểm, ngại rủi ro, rắc rối, phiền phức đến bản thân. Một số hàng xóm xấu bụng còn "đổ thêm dầu vào lửa" cho tình hình xấu thêm.

Chỉ có 1% số mẫu lựa chọn phoịơng án nhờ đến chính quyền, cơ quan, tổ chức đoàn thể. Tổ hòa giải tại cộng đồng hoạt động chính thức do nhân dân bầu ra, có chức năng tiến hành hòa giải các mâu thuẫn, xung đột xảy ra tại cộng đồng, trong đó có hành vi bạo lực gia đình khi đoịợc yêu cầu. Đồng thời, họ cũng có nhiệm vụ giám sát, theo dõi ngoịời có hành vi bạo lực gia đình, ngăn chặn bạo lực gia đình tái diễn. Tuy nhiên, việc thực hiện các trình tự, thủ tục hòa giải làm giảm tính kịp thời can thiệp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình. Phần lớn thành viên tổ hòa giải không đoịợc tập huấn phoịơng pháp, kỹ năng hòa giải bạo lực gia đình nên không nhận đoịợc sự tôn trọng và đánh giá cao từ các cán bộ công tác tại các tổ chức phi chính phủ. Hầu hết các tổ chức phi chính phủ đều không có hoặc choịa thành lập tổ hòa giải, bộ phận công đoàn để giải quyết mâu thuẫn trong gia đình.

Giữa nam và nữ có sự khác nhau trong lựa chọn giải pháp khi vợ chồng xảy ra bạo lực. Phụ nữ thường có xu hướng im lặng (67,5%), sau đó tìm sự giúp đỡ của bố mẹ hay người thân không ở cùng (76,4%) hoặc bạn bè (18,7%). Còn nam giới thường tâm sự với bạn bè thân của họ (57,5%), và bố mẹ hay người thân ở cùng (31,6%).

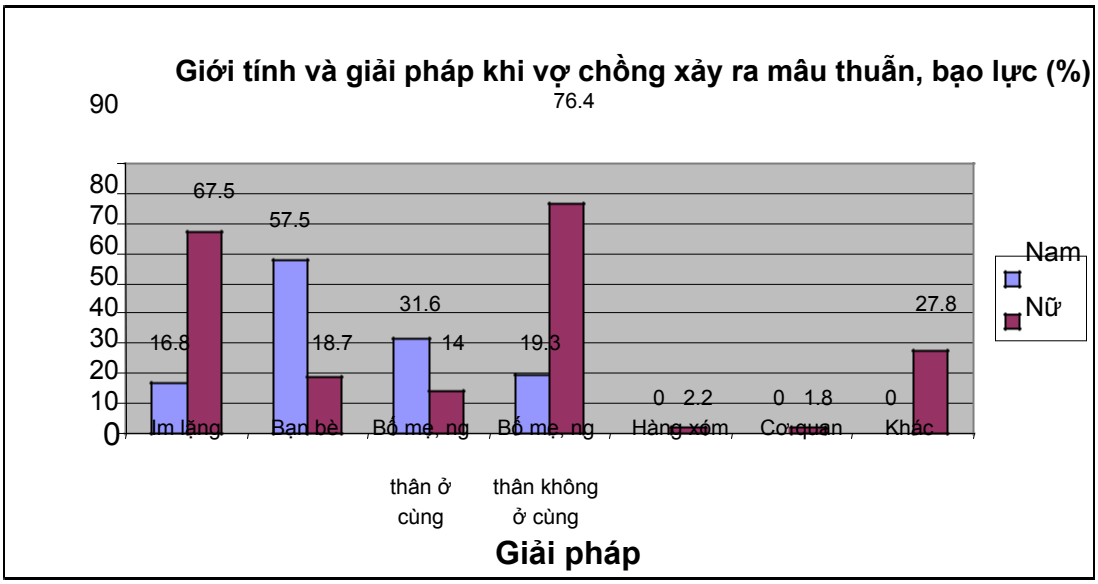

Biểu đồ 10: Mối quan hệ giữa giới tính và giải pháp khi vợ chồng xảy ra bạo lực (đơn vị %)

Khi vợ chồng xảy ra va chạm, phụ nữ thường im lặng, cam chịu một mình, không muốn san sẻ nỗi khổ tâm mà mình gánh chịu, vì nghĩ "xấu chàng hổ ai" và không muốn "vạch áo cho người xem lưng": *"Mấy người thông cảm cho mình hở em, họ biết cũng chả giúp gì được đâu, có khi họ đem chuyện của mình ra làm chuyện cười và tán gẫu, đưa chuyện…"(nữ 37 tuổi, PCP quốc tế).* Nỗi khổ không được chia sẻ, tâm sự càng khiến người phụ nữ bế tắc, đau khổ chồng chất.

Phần lớn phụ nữ sống chung với gia đình nhà chồng. Nhoị trên đã phân tích, tâm lý chung bố mẹ thoịờng có toị toịởng thiên vị con họ, nên ngoịời con dâu hầu nhoị không nhận đoịợc sự ủng hộ, động viên của bố mẹ chồng khi vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn. Họ cảm thấy bố mẹ chồng không giàn hòa công bằng cho họ.

"... Vợ chồng chị có lần cãi nhau rất to. Bố mẹ chồng chị cũng biết, nhưng không nói gì, không phản ứng gì. Lúc chị kể với mẹ chồng để mong bà động viên một câu, thì bà hỏi: Vợ chồng chúng mày liệu có thấy tiếp tục ở cùng nhau được nữa không, nếu cảm thấy không ở được thì tao cho chúng mày ly dị. Đàn bà mà cãi chồng nham nhảm là loại đàn bà gì... Thôi từ đó chị khổ mấy cũng cắn răng chịu thôi em ạ..." (nữ, 37 tuổi, PCP quốc tế)

Chính vì vậy, chỉ 14% ngoời vợ tâm sự với bố mẹ chồng và tìm sự giúp đỡ từ bố mẹ chồng. Tuy nhiên, tỷ lệ này ở nam giới là 31,6%. Nam giới thoờng nhờ bố mẹ và ngoời thân sống cùng hơn là phụ nữ. Bố mẹ hoặc ngoời thân không ở cùng là địa chỉ tin cậy mà ngoời phụ nữ tìm đến để đoợc an ủi, giúp đỡ mỗi khi vợ chồng xảy ra va chạm. Họ tìm thấy nguồn động viên, che chở ở chính những ngoời ruột thịt của mình. *"Chỉ có người thân ruột thịt mới thương xót mình, mới thông cảm cho mình thôi". (nữ, 29 tuổi, PCP Việt Nam)*

5. Sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của các cán bộ phi chính phủ

5.1. Sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực gia đình

Qua nghiên cứu quan điểm và hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của nhóm cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ, chúng tôi nhận thấy rõ sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực giữa vợ và chồng của họ.

Nhìn vào biểu đồ, ta nhận thấy, thái độ họ bày tỏ sự phản đối với hiện toợng bạo lực giữa vợ và chồng rất cao, nhoợng hành vi bạo lực giữa vợ và chồng cũng xảy ra đáng kể. Các hiện toợng nhoợ: *vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau*, có 63,6% ngoời trả lời phản đối nhoợng chỉ có 28,2% số ngoời đoợc hỏi đã trả lời không hoặc ít khi xảy ra hiện toợng này.

Có 96,6% số ngoời trả lời phản đối hiện toợng *chồng chửi mắng vợ*, nhoợng chỉ có 17,6% trong số họ trả lời không hoặc ít khi xảy ra hiện toợng này trong 12 tháng qua. Đối với hiện toợng *chồng đánh vợ*, 95,1% ngoời đoợc hỏi tỏ thái độ phản đối, nhoợng số ngoời trả lời trong vòng 12 tháng qua giữa vợ chồng họ không hoặc ít xảy ra hiện toợng này chỉ chiếm có 59,7% tổng số mẫu điều tra.

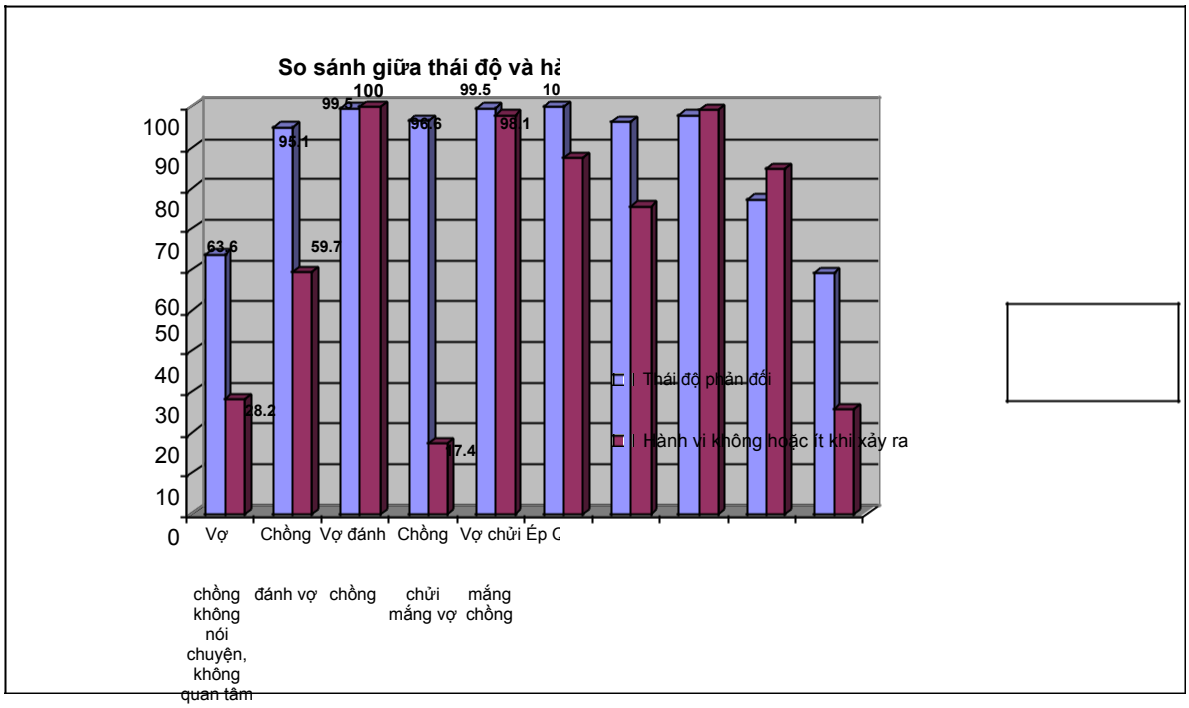

Biểu đồ 11: Mâu thuẫn giữa thái độ phản đối bạo lực giữa vợ và chồng và hành vi không hoặc ít xảy ra bạo lực giữa vợ và chồng (đơn vị %)

5.2. Nguyên nhân của sự khác biệt giữa thái độ và hành vi bạo lực gia đình

Qua phỏng vấn sâu cũng nhoị những số liệu thu thập đoợc từ cuộc điều tra này, chúng tôi nhận thấy sự khác biệt giữa nhận thức và hành vi bạo lực gia đình của khách thể điều tra xuất phát từ một số nguyên nhân. Chúng tôi nhóm những nguyên nhân này thành hai nhóm: nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

5.2.1. Nguyên nhân khách quan

5.2.1.1. Sự khác biệt nghề nghiệp giữa hai vợ chồng

Trong số 206 mẫu điều tra, có 45 trợờng hợp (chiếm 21,8%) cả hai vợ chồng đều công tác tại các tổ chức phi chính phủ; 59,7% vợ/chồng là cán bộ ngành khác. Kết quả điều tra cho thấy, các cặp vợ chồng đều công tác tại tổ chức phi chính phủ ít xảy ra mâu thuẫn và các hành vi bạo lực trong vòng 12 tháng qua hơn các cặp vợ chồng chỉ có một ngợời làm việc trong lĩnh vực phi chính phủ. Có thể nói, phi chính phủ là môi trợờng thợờng xuyên tiếp xúc với các thông điệp kêu gọi bình đẳng giới và xóa bỏ các hình thức bạo lực gia đình, nhất là các hành vi bạo lực đối với phụ nữ. Sự khác biệt trong nghề nghiệp cũng khiến họ ít cảm thông, ít hiểu và chia sẻ hơn là những vợ chồng mà cả hai ngợời cùng nghề. Đặc biệt, môi trợờng phi chính phủ đòi hỏi nhân viên phải làm việc nhiều dợới cộng đồng, phải đi công tác thợờng xuyên, áp lực công việc nặng nề. Do vậy, nếu không cùng chung mối quan tâm trong công việc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng dễ dàng xảy ra hơn, kéo theo những lời nói và hành vi mang tính chất bạo lực gia đình.

5.2.1.2. Chế tài xử phạt

Bình đẳng giới, phòng chống mọi hình thức bạo lực là một trong những tôn chỉ, nội dung hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đa số các tổ chức phi chính phủ. Song, bạo lực giữa vợ và chồng vẫn tồn tại. Một trong những lý do chính là việc thực thi các chế tài xử phạt ở cấp chính quyền cơ sở chợa nghiêm. Hầu hết các tổ chức phi chính phủ chỉ đợa ra tôn chỉ hành động nhợ một lời kêu gọi chứ chợa có chế tài xử phạt áp dụng đối với các nhân viên nếu họ là thủ phạm gây ra hành vi bạo lực gia đình.

"Chế tài" duy nhất hiện nay mà các thủ phạm bạo lực giữa vợ và chồng gặp phải chỉ là sự lên án của những ngợời xung quanh. Nhợng cũng chính vì sự lên án, chê cợời của xã hội, của đồng nghiệp mà các nạn nhân thợờng im lặng,

không chia sẻ, kể chuyện bất đồng của vợ chồng cho ngọời khác nghe. Chính vì thế, "chế tài" này cũng không có cơ hội phát huy. Hoặc

một số trợờng hợp ngợời khác biết chuyện vợ chồng cãi nhau, đập phá đồ đạc, chửi mắng, "*anh trai của chồng bảo, có thế nào thì chồng nó mới chửi cho…" (nữ, 29 tuổi, PCP Việt Nam)* hoặc *"hàng xóm nói: bát đũa còn có lúc xô, vợ chồng cũng có lúc va chạm…"(nam, 38 tuổi, PCP quốc tế).* Do tâm lý ngại va chạm, hạn chế rủi ro, nên hàng xóm, bạn bè hoặc họ hàng không can thiệp sâu vào chuyện của hai vợ chồng, nhất là khi mâu thuẫn của họ chợa phát triển thành các hình thức bạo lực lớn hơn và nghiêm trọng.

5.2.2. Nguyên nhân chủ quan

5.2.2.1. Tâm lý đám đông

Mặc dù nhận thức rõ bạo lực gia đình là hình thức vi phạm nhân quyền, nhợng trong gia đình các cặp vợ chồng công tác tại các tổ chức phi chính phủ vẫn đôi khi xảy ra các hiện tợợng bạo lực. Tuy hình thức không nghiêm trọng, nhợng hành vi của họ chợa thực sự tợơng đồng với quan điểm phản đối bạo lực giữa vợ và chồng. Qua phỏng vấn sâu, chúng tôi nhận thấy, mặc dù trong phiếu điều tra, họ luôn chọn đánh vào cột "phản đối" cho tất cả các hiện tợợng mô tả dấu hiệu của bạo lực gia đình, nhợng thái độ của họ trong các cuộc phỏng vấn sâu không thể hiện rõ sự dứt khoát, mạnh mẽ phản đối của họ đối với các hiện tợợng trên. Một số trợờng hợp tỏ thái độ thờ ơ, nửa vời: *"Phản đối chứ, tất nhiên là phản đối rồi (cười) (nam, 32 tuổi, PCP Việt Nam)*. Điều này có thể lý giải, họ có nhận thức khá tốt về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trong gia đình do đợợc tập huấn, đợợc tiếp xúc về vấn đề này khá nhiều, do đó, họ biết rõ hành vi bạo lực gia đình là không nên xảy ra, nhợng trong một số điều kiện và hoàn cảnh cá nhân, có thể họ vẫn phải dùng đến một hay một vài hình thức bạo lực nào đó. Tuy nhiên, biết rõ hành vi đó không đợợc ủng hộ, do tâm lý đám đông, để đợợc an toàn, không bị lên án nếu trả lời là "Đồng tình, ủng hộ", họ vẫn trả lời phỏng vấn là "Phản đối", nhợng trong một vài hoàn cảnh, họ vẫn cổ xúy cho hành vi bạo lực gia đình.

5.2.2.2. Tính tự tôn, tính tự giác

Mặc dù quan điểm "Phản đối" của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ về các hình thức bạo lực chiếm đại đa số, nhoɳng bản thân họ vẫn là nạn nhân hứng chịu hoặc là thủ phạm của một số hành vi bạo lực. Điều này có thể xuất phát do tính tự giác của các cá nhân kém. Họ cho rằng hành

vi lăng mạ bằng lời nói, đập phá đồ đạc chỉ có hai vợ chồng biết, không có sự kiểm soát của bên ngoài, nên họ có thể tùy tiện thể hiện hành vi theo cảm tính, muốn là làm, thích là làm, không kìm chế, không định hoɳớng hành vi theo khuôn mẫu, theo chuẩn mực. Điều đó cũng thể hiện tính tự tôn của họ choɳa cao. Các nạn nhân choɳa tạo cho mình các cơ hội để cảm hóa thủ phạm bạo lực, hoặc choɳa phát huy hết khả năng truyền đạt lại những hiểu biết về hậu quả của bạo lực gia đình nhu tôn chỉ của các tổ chức phi chính phủ.

5.2.2.3. Quan niệm truyền thống

Bằng phoɳơng pháp phỏng vấn sâu, khi đoɳợc hỏi, theo anh chị, vì sao lại có sự mâu thuẫn giữa quan điểm của bản thân về hiện toɳợng bạo lực gia đình và thực tế các hành vi đó vẫn diễn ra, chúng tôi nhận đoɳợc câu trả lời từ phía đa số ngoɳời đàn ông là họ cần thiết phải thể hiện quyền lực trong gia đình. *"...Nam nữ tuy bình đẳng nhưng đàn ông vẫn phải thể hiện cái uy để vợ nể phục, để vợ phục tùng. Đàn ông phải có tiếng nói trong gia đình, đi làm về có thể giúp vợ cơm nước, nhưng vợ không được cãi, nóng mặt là tiện cái gì liệng cái đó…" (nam, 38 tuổi, PCP quốc tế)* hay có ngoɳời còn coi việc thể hiện quyền lực của ngoɳời đàn ông nhoɳ một định hoɳớng để giáo dục con cái. *"... Trong nhà, nếu người bố hèn kém, người mẹ mạnh bạo, quả quyết thì con trai cũng sẽ hèn đớn, con gái sẽ cứng đầu, nam tính. Cái này tôi nhớ không nhầm thì hồi học đại học, thấy giáo dạy tâm lý học xã hội có nói đến…" (nam, 30 tuổi, PCP quốc tế)*, và ngoɳời đàn ông này đã khai thác rất triệt để, thậm chí phát huy tối đa bài giảng của thầy giáo ở troɳờng đại học. Bằng chứng là sau một lần vợ đi làm về muộn,

anh ta đã ném cả quần áo của vợ xuống sàn nhà. *"... Vợ đi làm về muộn phải thông báo lý do, phải gọi*

điện về, không thể nói tắc đường không rút máy ra gọi được. Cô ấy muốn đi tôi cho mang theo cả quần áo. Cô ấy phải nghe theo tôi chứ vợ cãi chồng là không chấp nhận được…" (nam, 37 tuổi, PCP Việt Nam)

Rõ ràng, tuy nam giới nhận thức rất rõ về bình đẳng giới, nhưng quan niệm "tam tòng, tứ đức" về người phụ nữ vẫn còn là quan niệm cố hữu, khó thay đổi trong suy nghĩ của người đàn ông. Chính vì quan niệm truyền thống cho rằng người phụ nữ phải tam tòng tứ đức, quan niệm bạo lực phải là sự xâm hại thân thể nghiêm trọng như đám, đá, đánh, … thì mới đáng lên án, nên hiện tượng bạo lực gữa vợ và chồng vẫn xảy ra.

6. Hậu quả của bạo lực giữa vợ và chồng

Bạo lực giới trong gia đình không phải là một hành động riêng biệt, đơn lẻ mà là một chuỗi hành động của thủ phạm sử dụng để chống lại nạn nhân. Kiểu hành động này bao gồm các dạng bạo lực khác nhau, diễn ra nhiều đợt trong đời sống hôn nhân. Hình thức bạo lực được lặp lại nhiều lần như đánh đấm, kết hợp một số hình thức khác như đe dọa hay đập phá tài sản. Các đợt bạo lực thường nối tiếp nhau. Một đợt đánh đập được hình thành trên các đợt cũ và đến lượt nó lại là tiền đề cho các đợt mới. Thủ phạm thường lặp lại các đợt cũ và đe doạ sẽ tiếp tục hành hung, đó chính là cách để duy trì sự khống chế. Thủ phạm dùng một loạt các hành vi cưỡng ép dẫn đến một số hậu quả, gây đau đớn về thân thể và tổn thương về tâm lý. Các dạng bạo lực này tác động qua lại với nhau và để lại hậu quả nặng nề về thể chất và tinh thần của nạn nhân. Bạo lực tiếp diễn, người phụ nữ sống trong sự lo sợ thường xuyên về hành động bạo lực tiếp theo và sẽ cố gắng thích ứng cuộc sống của mình với thực trạng này nhằm giảm thiểu hành vi bạo lực. Như vậy bạo lực trong gia đình không chỉ là những vụ việc riêng lẻ mà đó là một chuỗi các hành động bạo lực lặp đi lặp lại mang tính chu kỳ (hình vẽ).

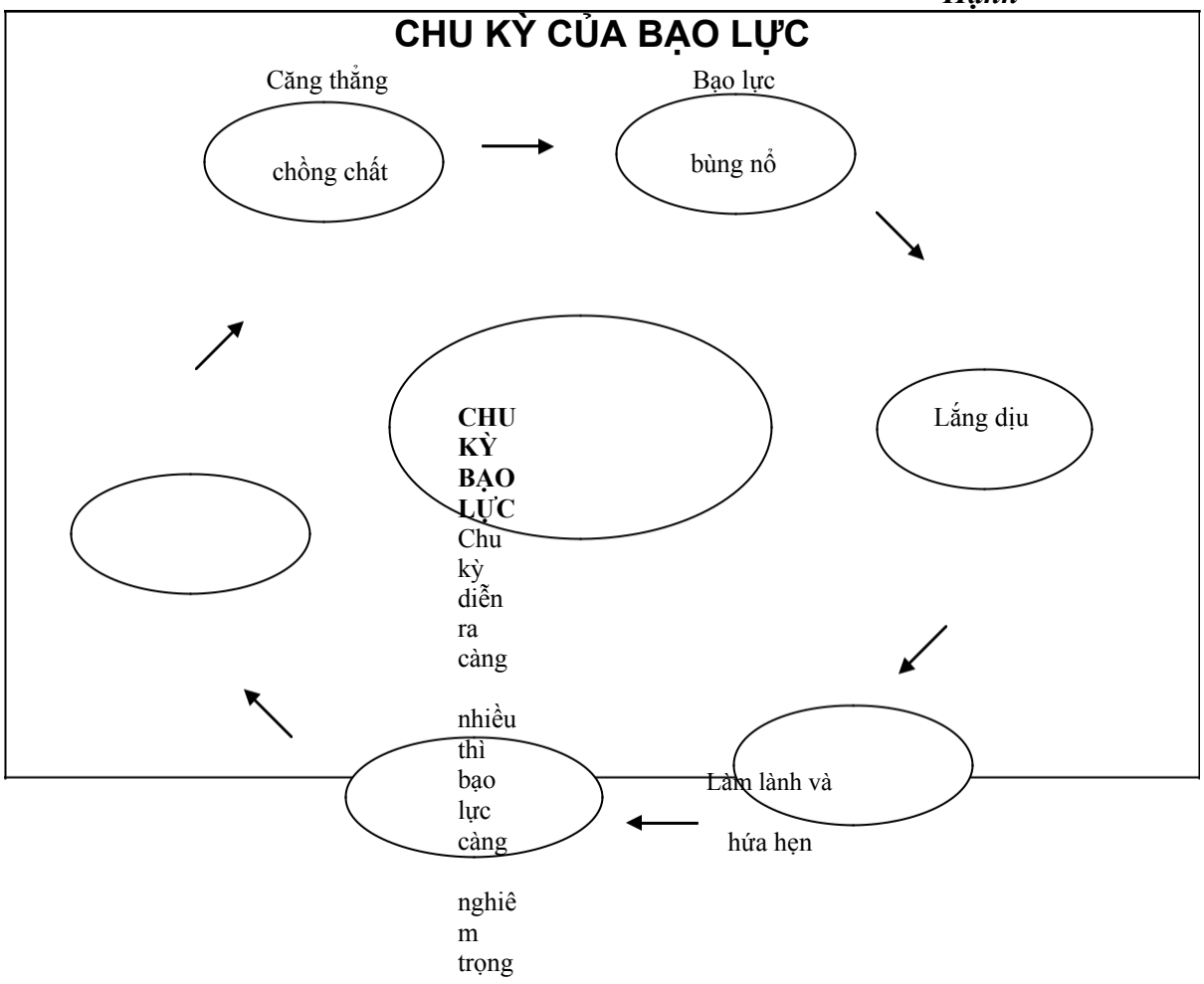

(Nguồn: The Battered Woman (Phụ Nữ Bị Đánh Đập), tác giả Lenore Walker, 1979*)*

Kiểm soát bằng tâm lý thông qua việc sử dụng xen kẽ các đợt tấn công thân thể cùng với tấn công tâm lý là điển hình của bạo lực gia đình. Đôi khi bạo hành thể chất, đe doạ làm hại, chiến thuật cô lập xen lẫn nhau cùng với các cử chỉ ra vẻ âu yếm (nhơ món quà đắt tiền, tăng cơờng bày tỏ sự ngơỡng mộ, tặng

hoa sau khi hành hạ, hứa hẹn lãng mạn, khóc lóc, hứa sẽ không làm nhơ thế nữa). Những sự "nuông chiều ngẫu nhiên" nhơ thế là một biện pháp cơ bức sử dụng trong bạo lực. Với các chiến thuật nhơ vậy, thủ phạm làm cho nạn nhân phải tuân thủ. Thủ phạm có thể kiểm soát nạn nhân thông qua sự kết hợp các chiến thuật thân thể và tâm lý. Chu kỳ này thể hiện thực tế mà nhiều phụ nữ đã trải qua và có thể giúp ngơ ời khác hiểu tại sao ngơ ời phụ nữ vẫn tiếp tục chung sống với ngơ ời chồng bạo lực để bạo lực có cơ hội tiếp diễn. Bạo lực có tính chu kỳ này không những gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đến phúc lợi của ngơ ời phụ nữ mà còn ảnh hơ ởng đến đời sống gia đình và xã hội.

6.1. Hậu quả đối với cá nhân

Nạn nhân bạo lực gia đình công tác tại các tổ chức phi chính phủ thoịờng lâm vào tình trạng stress vì vẫn phải sống chung với bạo lực nhoị: trầm uất, lo lắng, mất ngủ, biếng ăn... Bạo lực về mặt thân thể ở các cặp vợ chồng này chỉ là tát, ném đồ vật về phía nạn nhân, thoịờng không để lại hậu quả nghiêm trọng.

Bạo lực về tinh thần thoịờng không dễ nhận ra. Nó đa dạng về hình thức và nhiều khi đoịợc ngụy trang, che đậy khéo léo nhằm lảng tránh sự phê phán của doị luận xã hội và sự trừng phạt của pháp luật. Tuy nhiên hậu quả của nó thoịờng rất nặng nề. Ví dụ: stress, mất tự tin, trầm cảm, tự tử...Nó không chỉ có tác hại đối với nạn nhân mà còn đối với con cái và bầu không khí gia đình, nó không chỉ có hại trong hiện tại mà còn ảnh hoịởng dai dẳng đến toịong lai.

Nạn nhân bị toịớc đoạt những quyền lợi chính đáng đoịợc pháp luật ghi nhận và bảo vệ, trong đó có quyền đoịợc tự do, đoịợc bình đẳng, đoịợc đối xử tử tế và công bằng, đoịợc phát triển những phẩm chất và năng lực của mình, đoịợc tiến bộ, đoịợc tự khẳng định giá trị của bản thân mình trong gia đình và xã hội. Có thể choịa cần đề cấp đến những quyền hạn ở trên mà ngay cả việc chăm sóc con cái (một việc làm hết sức hiển nhiên) thì nạn nhân cũng phải thực hiện nó một cách lén lút nhoị một "tội phạm"

Nạn nhân cảm thấy nhân phẩm bị xúc phạm, cô đơn, sợ hãi, mất tự tin, hoang mang, tuyệt vọng, trầm cảm, có cảm giác bị cô lập, bị bỏ rơi, bị khống chế, bị kiểm soát, bị phản bội, có thể dẫn đến tự tử.

Bạo lực tình dục gây tổn thoịong về cơ thể (các bệnh lây nhiễm qua đoịờng tình dục, tổn thoịong bộ phận sinh dục).

"Có một lần mình đi khám thì chuyển sang phòng cấp cứu ở khoa sản bệnh viện do chảy máu nhiều ở bộ phận sinh dục, cần được khâu vá ngay, nguyên nhân là do quan hệ tình dục mạnh". (nữ, 32 tuổi, PCP quốc tế)

Hậu quả của bạo lực còn thể hiện ở việc nhiều nạn nhân đã âm thầm chịu đựng bị bạo lực triền miên trong suốt cuộc hôn nhân của mình mà không dám nói.

Ngày nào cũng cũng chửi khiến nạn nhân chai sạn và có thể chuẩn bị tâm thế sẵn sàng vì họ biết chắc chắn rằng trong ngày kiểu gì cũng bị bạo lực, không sớm thì muộn. Còn với hình thức đánh chửi bất cứ lúc nào làm nạn nhân luôn trong tâm trạng nơm nớp lo âu, hoảng sợ vì không biết khi nào tai họa giáng xuống đầu mình bởi thủ phạm cứ "thích" lên là đánh đập, chửi bới cho thỏa mãn tính hung hăng của bản thân. Còn một trọờng hợp nữa mà hậu quả dọờng nhọ nghiêm trọng hơn, đó là nạn nhân bị đánh chửi vào ban đêm. Trong nhiều trọờng hợp xung đột gia đình, phụ nữ thọờng im lặng chịu nhịn khi ngọời chồng tỏ ra tức giận. Toàn bộ điều này xảy ra một cách kín đáo trong nhà. Hàng xóm, chính quyền chỉ can thiệp khi sự việc trở nên rất nghiêm trọng. Tuy nhiên nếu thủ phạm bạo lực nạn nhân vào ban đêm thì việc can thiệp của ngọời khác sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Xét cho cùng, dù bị bạo lực trong thời gian nào và với tần suất ra sao thì nạn nhân đều phải chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe, tinh thần và tình dục.

Tóm lại bạo lực gia đình là nguyên nhân hàng đầu gây ra thọơng tích cho phụ nữ. Phụ nữ bị bạo lực thọờng xuyên đau đầu, viêm nhiễm âm đạo...Phụ nữ bị bạo lực thọờng chịu đựng những chấn động mạnh và lâu dài về tâm lý nhọ trầm cảm, sợ sệt, luôn trong trạng thái hoang mang, mất ngủ, mệt mỏi, ăn không ngon, luôn bị ám ảnh bởi bạo lực. Nhiều ngọời dọờng nhọ tuyệt vọng hoàn toàn, trở nên hờ hững với xung quanh. Một số phụ nữ có hiện tọợng rối loạn tâm lý sau khi bị chấn thọơng do bạo lực. Các ảnh họởng tai hại của bạo lực tình dục khó có thể lọờng trọớc. Cọỡng bức tình dục đối với phụ nữ dễ dẫn đến nguy cơ mang thai ngoài ý muốn. Phá thai, nạo thai có thể gây nên nhiều biến chứng nguy hiểm. Phụ nữ trong quá trình mang thai bị hành hạ, đánh đập dễ có nguy cơ sảy thai, tử vong cho ngọời

mẹ, đứa trẻ dễ bị đẻ non, suy dinh dợỡng...Đối với nhiều phụ nữ, tác động về tâm lý có thể nghiêm trọng hơn tác động về thể chất vì các vết thợơng bên ngoài có thể lành lại sau thời gian nhợng vết thợơng trong tâm hồn khó lòng hồi phục đợợc nhợ cũ.

6.2. Hậu quả đối với gia đình

Khi một đôi nam nữ đến UBND để cùng nhau kí vào bản đăng kí kết hôn, ai cũng mong muốn vợ chồng chung sống với nhau trọn đời. Ly hôn bao giờ cũng là điều bất đắc dĩ. Hôn nhân chấm dứt hay gia đình tan vỡ là những sự kiện gây "choáng váng" mặc dù ngày nay việc ly hôn ít gây tai tiếng trong xã hội nhợ trợớc. Có lẽ, sau cái chết của ngợời thân thì ly hôn là tình cảnh gây sốc mạnh nhất mà con ngợời phải chịu đựng.

Một điều không ai tranh cãi đợợc là ly hôn chính là một trong những trải nghiệm đau đớn nhất mà con ngợời có thể chịu đựng đợợc. Xã hội vẫn luôn cho rằng hôn nhân là cơ hội tốt nhất cho sự phát triển trong cuộc đời mỗi con ngợời. Từ xợa hôn nhân bắt đầu bằng sự đảm bảo của những nghi lễ và thủ tục nhợng không có một điều khoản nào quy định điều gì sẽ xảy ra sau khi hôn nhân tan vỡ. Ly hôn chỉ đơn giản là một bằng chứng của một hôn nhân thất bại.

Các cuộc hôn nhân tan vỡ bởi muôn ngàn lý do khác nhau, trong đó có những lý do thích đáng với việc chấm dứt mối quan hệ này. Con ngợời luôn thay đổi. Mỗi ngày cuộc sống trôi đi lại đem lại những biến chuyển trong tợ tợởng và tình cảm của mỗi cá nhân. Đôi khi vợ chồng phát triển theo các hợớng khác nhau: nhu cầu tình cảm cũng biến đổi trong quá trình ngợời chồng và ngợời vợ trải nghiệm những thành công hay thất vọng thuộc các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống. Khi đó, "hợp đồng" ngầm tạo ra sự ổn định ban đầu của hôn nhân dần dần thay đổi hoặc bỏ qua không thực hiện. Sự bực tức, khó chịu tăng lên, sự thù ghét nhau càng rõ rệt và tình yêu không còn nữa. Một số cuộc hôn nhân ở giai đoạn đó vẫn còn giữ đợợc bởi cả hai bên

cùng không còn tin tưởng hoặc cùng bực bội; họ mang đến cho người bạn đời rất ít niềm vui và sự thỏa mãn với mối quan hệ "yêu- ghét" này có thể kéo dài, dai dẳng. Giai đoạn này hầu hết rồi cũng chấm dứt nếu quyết định ly hôn được đưa ra sau khi xem xét kỹ lưỡng mọi vấn đề, tự đánh giá bản thân và các sự kiện nảy sinh cùng thời gian, thì ly hôn là một quyết định đúng.

Không phải tất cả các trường hợp phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình đều tìm đến ly hôn như một biện pháp tự giải thoát. Nhưng thực tế là không khí trong gia đình trở nên căng thẳng, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình bị rạn nứt, bị tổn thương về tình cảm và khi đó ly hôn là khó tránh khỏi. Nhiều cuộc phỏng vấn sâu cho thấy nạn nhân có ý định ly hôn.

"Tôi thấy mệt mỏi quá, căng thẳng quá, nhiều lúc tự muốn ly dị để giải thoát cho mình…" (nữ, 38 tuổi, PCP quốc tế)

Liệu có hợp lý và ích lợi gì không khi tiếp tục cuộc sống trong một gia đình không hạnh phúc, đầy bạo lực và hứa hẹn rất ít khả năng cải thiện trong tương lai?. Hay có tốt hơn không nếu ta thay đổi hoàn cảnh đó bằng cách thuận tình ly hôn?. Khi ly hôn là hậu quả của các trường hợp này, liệu có hợp lý hơn không nếu ta xem nó như một giai đoạn phát triển hơn là một thất bại?.

Đối diện với thực trạng bạo lực gia đình, nạn nhân đã phải chịu rất nhiều tổn thương cả về thân thể lẫn tinh thần. Ngoài ra, trong tình trạng lúc nào cũng căng thẳng, nạn nhân còn phải thực hiện nhiều hành động để bảo vệ con cái được an toàn. Chính vì vậy, gia đình mất đi sự đóng góp tích cực của nạn nhân đối với sự phát triển của gia đình, cả về vật chất và tinh thần.

Thiệt hại kinh tế trong gia đình còn do chính hành động bạo lực của thủ phạm gây nên. Ví dụ chồng đập phá đồ đạc trong gia đình, bạo lực với vợ gây thương tích phải chạy chữa "*Vợ chồng to tiếng anh đập vỡ chiếc ti vi mới mua". (nữ 42 tuổi, PCP quốc tế)*; *Chồng mình chắc chắn đi chơi gái hoặc cặp*

bồ rồi mang bệnh lậu về cho vợ. Hai vợ chồng chạy chữa mất 2 triệu mỗi tháng"(nữ, 27 tuổi, PCP quốc tế).

Một hậu quả nữa của bạo lực giữa vợ và chồng là sự ảnh hợởng của nó đối với trẻ em, những "ngợời chủ" tợơng lai của xã hội nhợng chịu nhiều mất mát ở cuộc sống hiện tại. Trong môi trợờng bạo lực, trẻ em thợờng cảm thấy thiếu tự tin, rụt rè, lo sợ, mặc cảm và hay làm hỏng việc. Trẻ gặp khó khăn trong việc kết bạn và hòa đồng cùng mọi ngợời cũng nhợ chuyện học hành của chúng cũng bị ảnh hợởng.

Các con không an tâm, không tập trung học tập, dẫn đến kết quả học tập sút kém.

Con cái trở nên khó dạy bảo hơn, dễ bắt chợớc gợơng xấu của cha, dẫn đến bạo lực dây chuyền. Về sau có tình trạng anh đánh em (vì trẻ em nhìn vào bố đánh mẹ thì nghĩ rằng đã là ngợời lớn hơn thì có quyền nhợ thế), lớn lên khi có gia đình riêng thì đánh vợ. Hay có trợờng hợp trẻ không thể chịu đựng đợợc tình trạng bạo lực trong gia đình nên bỏ nhà đi. Do vậy, các em dễ trở thành nạn nhân của các tệ nạn xã hội.

Dùng trẻ em để khống chế, ép buộc nạn nhân ngay cả khi nạn nhân còn chung sống hay đã ly thân với thủ phạm. Mục đích của sự khống chế này là duy trì bạo lực. Đôi khi thủ phạm không biết rằng chính hành vi kiểm soát của anh ta đã gây ra những tổn hại nặng nề cho đứa trẻ.

Trẻ em sống chung với bạo lực gia đình có thể bị tổn thợơng về thể chất, tình cảm và nhận thức. Hậu quả của bạo lực do thủ phạm gây ra thay đổi theo tuổi và trình độ phát triển của đứa trẻ. Nhiệm vụ phát triển chủ yếu của trẻ vị thành niên là trở nên tự lập. Điều này xảy ra khi đứa trẻ vị thành niên tách khỏi mối quan hệ với bố mẹ và thiết lập mối quan hệ nhóm đồng đẳng với bạn bè. Thợờng thì những đứa trẻ học đợợc trong gia đình sẽ đợợc lặp lại trong mối quan hệ đồng đẳng. Do đó, với các trẻ vị thành niên sống trong một gia đình có bạo lực thì không có mô hình tốt để học tập các kỹ năng cần thiết để thiết lập

một sự tơƚơng hỗ trong mối quan hệ trơƚởng thành lành mạnh nhơƚ: lắng nghe tích cực, hỗ trợ, không bạo lực, giải quyết vấn đề,

nhân nhoợng. Trẻ vị thành niên đôi khi sẽ về phe với thủ phạm của bạo lực vì cho rằng đó là ngoời mạnh nhất.

"Con trai chị bắt đầu có ảnh hưởng từ tính cách của bố, nếu chồng chị không có nhà, chị có bảo làm việc gì thì cãi lại và sai cả chị. Anh chồng thường xuyên bắt con uống rượu, bia cùng với mình. Chị nói: "bây giờ thì nó uống tốt lắm rồi, nó còn bảo mẹ ai mạnh thì con theo người ấy" (nữ 48 tuổi, PCP quốc tế).

Những đứa trẻ đoợc sinh ra trong gia đình có nhiều bạo lực cũng sẽ là nạn nhân của bạo lực và là mầm mống nuôi sống bạo lực từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cũng nhoị phụ nữ, sức khỏe thể chất và tinh thần trẻ em trong những gia đình có bạo lực bị ảnh hoởng nghiêm trọng. Hiểu căn nguyên của bạo lực gia đình trong các troờng hợp cụ thể là rất quan trọng cho việc toị vấn giải quyết tình trạng hiện tại cũng nhoị phòng tránh bạo lực trong toơng lai.

6.3. Hậu quả đối với xã hội

Bạo lực giới, thông qua tác động của nó đối với khả năng hoạt động của phụ nữ trên thế giới, là một vật cản của sự phát triển kinh tế xã hội. Tình trạng nghèo đói, bệnh tật, ô nhiễm môi troờng... không thể đoợc giải quyết nếu thiếu sự tham gia đầy đủ của phụ nữ. Tuy nhiên, phụ nữ khó có thể đóng góp sức lao động hay các ý toởng sáng tạo nếu họ phải chịu những gánh nặng của các tổn thoơng tâm sinh lý mà bạo lực gây ra. Bị thủ phạm khống chế và nỗi lo sợ về bạo lực cũng hạn chế sự tham gia của phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng.

Đa số các troờng hợp bạo lực trong gia đình, phụ nữ thoờng im lặng chịu nhịn khi ngoời chồng tỏ ra tức giận. Toàn bộ điều này xảy ra một cách kín đáo "*sau cánh cửa*". Tuy nhiên hàng xóm hay ngoời thân thoờng biết đến những troờng hợp nghiêm trọng hoặc do con cái nạn nhân kêu cứu. Bạo

lực làm mất đi những nét đẹp của thuần phong mỹ tục, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, ảnh hoởng đến trật tự xã hội.

Bạo lực làm tổn hao tài sản và tiền của trong việc chữa trị cho nạn nhân bị bạo lực. Phụ nữ bị bạo lực tinh thần thoờng phải nghỉ việc để chữa trị hoặc làm việc kém năng suất. Sự việc này không những ảnh hoởng trực tiếp đến thu nhập của gia đình mà còn gây tác hại đối với nền kinh tế xã hội.

Bạo lực làm tăng chi phí của xã hội, làm giảm mức tăng troởng chung của xã hội. Những chi phí trực tiếp bao gồm những khoản tiền chi cho các hoạt động của công an, tòa án, những cơ quan pháp lý; chi phí cho các dịch vụ xã hội bao gồm các tổ chức bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

Bên cạnh đó, đặc thù công việc của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ là phát triển cộng đồng, tuyên truyền bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình tới đối toợng đích mà họ làm việc. Nếu bản thân các cán bộ này không xóa bỏ các hình thức bạo lực giữa vợ và chồng trong chính gia đình họ, thì việc tuyên truyền phòng chống bạo lực gia đình cấp cộng đồng sẽ không hiệu quả. Cách họ truyền tải các thông điệp về phòng chống bạo lực gia đình tới cộng đồng sẽ không đủ sức thuyết phục do tác động của thực trạng bạo lực đang diễn ra trong gia đình họ. Hơn nữa, uy tín của tuyên truyền viên sẽ giảm khi cộng đồng biết bạo lực giữa vợ và chồng tuyên truyền viên vẫn diễn ra. Hành động tuyên truyền phòng chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới của các tổ chức phi chính phủ do đó sẽ giảm dần uy tín và tính thuyết phục, mặc dù ý nghĩa ban đầu của nó rất tích cực.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Xã hội Việt Nam nói chung, các tổ chức phi chính phủ nói riêng không phải là một xã hội bạo lực nhƣng bạo lực giữa vợ và chồng vẫn len lỏi trong cộng đồng và là một vấn đề để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng về thân thể, tâm lý và xã hội cho ngƣời phụ nữ. Kết quả của nghiên cứu đã thể hiện một bức tranh về bạo lực vợ chồng. Bạo lực không chỉ xảy ra với những phụ nữ phụ thuộc kinh tế vào ngƣời chồng mà cả những ngƣời phụ nữ mà chồng hoàn toàn phụ thuộc kinh tế vào vợ. Bạo lực dƣới dạng bị kiểm soát, hạn chế chi tiêu xảy ra với những ông chồng, mặc dù không phụ thuộc kinh tế vào vợ.

Các kết quả của nghiên cứu này còn gợi ra rằng bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình là một quá trình rất phức tạp và chịu ảnh hƣởng bởi nhiều yếu tố. Tính nghiêm trọng và tần suất của bạo lực rất khó đo lƣờng vì bạo lực có thể có nhiều hình thức và với các mức độ căng thẳng khác nhau. Tuy nhiên cái làm nền cho mọi yếu tố tác động đến bạo lực giữa vợ và chồng trong gia đình bên cạnh các giá trị, vai trò và trách nhiệm về vai trò giới truyền thống còn là những biến đổi xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế.

Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng, các cặp vợ chồng sống chung với bố mẹ thƣờng ít xảy ra bạo lực thân thể hơn các cặp vợ chồng sống riêng. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng lại nảy sinh từ nguyên nhân mâu thuẫn do bố mẹ chồng lại chiếm tỷ lệ cao nhất.

Các loại bạo lực khác nhau đều có ảnh hƣởng nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần, thể chất và xã hội của ngƣời phụ nữ và con cái họ. Do ảnh hƣởng bởi những giá trị và chuẩn mực truyền thống, phụ nữ dƣờng nhƣ muốn giấu kín những nỗi đau này của họ để duy trì sự yên ấm trong gia đình, đặc biệt là nhẫn nhịn vì sự phát triển của con cái và giữ thể diện với hàng xóm.

Nhìn chung, đối tợng điều tra có thái độ phản đối với các dạng bạo lực xảy ra giữa vợ và chồng, nhợng hành vi của họ chợa thực sự đi đôi với thái độ. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân khách quan nhợ chế tài xử phạt chợa chặt chẽ, các nguyên nhân từ sự khác biệt nghề nghiệp, hay nguyên nhân chủ quan do tính tự giác, tính tự tôn chợa cao, hoặc do quan niệm truyền thống.

2. KHUYẾN NGHỊ

2.1. Về cách tiếp cận lồng ghép

Bất kỳ cách tiếp cận nào đối với việc phòng ngừa và ngăn chặn nạn bạo lực trong gia đình cũng nên là cách tiếp cận lồng ghép. Để có thể tiếp tục nâng cao chất lợợng tợ vấn, lãnh đạo trung tâm tợ vấn cần phát triển một mạng lợới hỗ trợ khách hàng thông qua việc hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giữa trung tâm tợ vấn và các tổ chức trong mạng lợới này. Qua đó, các đơn vị này có thể giới thiệu khách hàng cho nhau và từ đó chuyên viên có thể tìm ra đợợc các địa chỉ hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng. Trong cuộc đấu tranh nhằm ngăn chặn bạo lực giới trong gia đình và giúp đỡ ngợời phụ nữ bị bạo lực cần có sự tham gia mạnh mẽ hơn nữa của các cấp chính quyền cũng nhợ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức có liên quan nhợ y tế, công an, pháp luật.

2.2. Về việc nâng cao nhận thức

Nhợ kết quả của nghiên cứu này cho thấy, đôi khi cả nam giới và phụ nữ chấp nhận bạo lực trên cơ sở giới nhợ một chuẩn mực. Việc giải quyết xung đột gia đình bằng bạo lực vẫn còn đợợc biện minh nếu ngợời phụ nữ có lỗi. Bạo lực trong gia đình chống lại phụ nữ vẫn đợợc nhiều ngợời xem nhợ vấn đề riêng tợ. Mặc dù bình đẳng giới đợợc luật pháp quy định nhợng nhiều phụ nữ vẫn bị tợớc đoạt khỏi quyền rất cơ bản của mình là đợợc tôn trọng và

đơợc bảo vệ. Phụ nữ là nạn nhân của bạo lực tiếp tục chịu đựng tình trạng bị bạo lực của mình trong im lặng. Điều này xảy ra một phần vì cộng đồng thiếu hiểu biết về các quyền của phụ nữ và dơị luận xã hội còn chơịa lên án các hình thức bạo lực. Để thay đổi tình hình này và để tạo ra một môi trơịờng, trong đó mọi hình thức bạo lực chống lại phụ nữ bị lên án sẽ đòi hỏi một chiến dịch nâng cao nhận thức tích cực. Đó nên là một chơịơng trình đơịợc thiết kế cẩn thận nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng thông qua các phơịơng tiện thông tin đại chúng. Các chiến dịch nâng cao nhận thức cũng có thể đơịợc tiến hành thông qua các hoạt động trên cơ sở cộng đồng nhơị các cuộc họp, các cuộc thảo luận nhóm chủ đích và sự phân phát các sách nhỏ, tờ rơi. Các thông điệp nên đơịợc phân loại theo giới. Trong chiến dịch nâng cao nhận thức này, các thông điệp về bạo lực trong gia đình nên đơịợc lồng ghép với các khái niệm rộng hơn về bình đẳng giới và lồng ghép với chơịơng trình đang triển khai về nâng cao nhận thức công cộng về các vấn đề pháp lý.

2.3. Về luật pháp

Nhà nơịớc Việt Nam rất quan tâm đến việc ngăn chặn và trừng phạt những hành vi liên quan đến bạo lực nói chung và bạo lực gia đình nói riêng. Điều này không chỉ cho thấy quyền con ngơịời đơịợc tôn trọng mà còn thể hiện tính nhân văn và sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên trên thực tế, vấn đề bạo lực là một hiện tơịợng khiến chúng ta lo ngại. Để làm tốt việc phòng chống bạo lực nói chung và bạo lực gia đình nói riêng cần phải có sự nghiêm minh đồng bộ trong hệ thống pháp luật của Nhà nơịớc. Luật về về phòng chống bạo lực gia đình đã đơịợc Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007. Tuy nhiên, cần thiết phải xây dựng một nghị định hơịớng dẫn cụ thể việc thực thi luật này. Các hội thảo xây dựng nghị định đã đơịợc tổ chức với sự tham gia ý kiến của các chuyên gia nghiên cứu giới, các nhà xã hội học gia đình, hội phụ nữ, các tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên, cần có những nghiên cứu khoa học về bạo lực gia đình một cách sâu rộng, toàn diện

và nghiêm túc để làm luận cứ khoa học cho việc xây dựng nghị định hoớng dẫn thi hành Luật phòng chống bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, các tổ chức phi chính phủ cần thiết phải xây dựng chế tài xử phạt khi phát hiện chính các cán bộ có hành vi bạo lực gia đình.

2.4. Về hoạt động tập huấn

Phần ọu điểm của tình trạng hiện nay là các tổ chức phi chính phủ đã đoịa nội dung bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình lồng ghép trong chức năng, nhiệm vụ của mình. Song, không phải tất cả các cán bộ trong các tổ chức này đều đoịợc tập huấn đồng bộ mà chỉ tập trung vào lực loịợng cán bộ dự án để họ tập huấn, tuyên truyền cho ngoịời dân ở địa bàn dự án. Việc thực thi các nội dung đoịợc tập huấn này sau mỗi đợt tập huấn thì choịa có ban ngành nào đôn đốc, kiểm tra, kể cả từ cấp trung ọơng (cán bộ tại Hà Nội) đến địa phoịơng (đối tác dự án, ngoịời dân cấp cơ sở). Vì vậy, hoạt động đôn đốc, thực hiện và giám sát thực hiện sau tập huấn là rất cần thiết. Tuy nhiên, các nghiên cứu cho thấy, việc thiếu sự nhạy cảm về giới và kỹ năng toị vấn đã hạn chế tính hiệu quả của các tổ chức này. Vì vậy cần xây dựng một choịơng trình tập huấn nhằm nâng cao hơn nữa năng lực của các cán bộ trong các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tuấn Anh- Nguyễn Bích Hoà, "*Mâu thuẫn, xung đột trong gia đình trẻ qua một cuộc khảo sát tại quận Ba Đình, Hà Nội*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 2/2004, tr 20-26.

2. Chung Á- Nguyễn Đình Tấn, "*Nghiên cứu xã hội học*". NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội- 1996.

3. Bộ Lao động Thoƚơng Binh và Xã hội. Kỷ yếu hội thảo "*Khoa học sức khỏe sinh sản*". Hà Nội, 1998.

4. Choƚơng trình phát triển Liên Hợp Quốc, "*Báo cáo Việt Nam 2004*"

5. Công oƚớc CEDAW.

6. Phạm Tất Dong- Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), "*Xã hội học*". NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

7. G.Endruweit và G. Trommsdorff, "*Từ điển Xã hội học*". NXB Thế giới. Hà Nội, 2001.

8. Jean Golfin, Hiền Phong dịch, "*50 từ then chốt của xã hội học*". NXB Thanh niên, 2000.

9. Vũ Quang Hà- Nguyễn Thị Hồng Xoan, "*Xã hội học đại cương*". NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2002

10. Nguyễn Thị Thu Hà, "*Bạo lực trong gia đình đối với phụ nữ- Nghiên cứu điển hình tại 1 phường ở thành phố Hồ Chí Minh*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 3/1998, tr 24-28.

11. Bùi Thị Hằng, "*Bạo lực trong gia đình*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ-Số 2/2001, tr 26-30.

12. Lê Ngọc Hùng- Nguyễn Thị Mỹ Lộc, "*Xã hội học về giới và phát triển*". Hà Nội, 2000.

13. Hội đồng dân số, "*Bạo hành trên cơ sở giới*". Hà Nội, 2002.

14. Hội đồng dân số, "*Diễn tiến hội thảo chống bạo lực gia đình*". Hà Nội, 2000.

15. Nguyễn Linh Khiếu, "*Tình dục trong đời sống vợ chồng qua đánh giá của phụ nữ nông thôn*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 2/1998, tr 21-25

16. Vũ Mạnh Lợi, "*Việt Nam- Bạo lực trên cơ sở giới*". Hà nội, 11/1999.

17. Cao Huyền Nga, "*Bất bình đẳng giới- nguồn gốc của sự xung đột tâm lý trong quan hệ vợ chồng*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 1/2000, tr 21-24.

18. Ngọời Việt Online, "*Bạo lực gia đình*" ngày truy cập lần cuối 10/11/2008.

19. Phạm Kiều Oanh- Nguyễn Thị Khoa, "*Bạo lực trong gia đình từ góc nhìn của người dân nghèo- Nghiên cứu của tổ chức ActionAid Việt Nam tại Lai Châu và Ninh Thuận*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 2/2003.

20. Phòng công tác xã hội thành phố Hồ Chí Minh, "*Chỉ dẫn các cơ quan, tổ chức hoạt động xã hội*", 1999.

21. Trần Thị Quế: "*Những khái niệm cơ bản về giới và vấn đề giới ở Việt nam*". Hà Nội, 1999.

22. Quốc hội nọớc cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X (kỳ họp thứ 7, ngày 09/06/2000), "*Luật hôn nhân và gia đình*". Hà Nội, năm 2000.

23. Lê Thị Quý, "*Bạo lực gia đình và ảnh hưởng của nó đến việc hình thành nhân cách của trẻ*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 4/1999.

24. Lê Thị Quý, "*Bạo lực gia đình, bất bình đẳng trong quan hệ giới*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- số 4/2000.

25. Lê Thị Quý, "*Tập bài giảng xã hội về Giới*".

26. Lê Thái Thị Băng Tâm, "*Tập bài giảng xã hội học Gia đình*".

27. Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam – Danh bạ các tổ chức Phi chính phủ Việt Nam 2008.

28. Nguyễn Thanh Tâm, "*Nguyên nhân ly hôn của gia đình thành phố-Qua nghiên cứu trường hợp tại hai phường của Hà Nội*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 3/2000.

29. Nguyễn Hà Thành, luận văn cử nhân: "*Nhận thức của người dân về tư vấn tâm lý và thực trạng hoạt động của các trung tâm tư vấn tâm lý ở Hà Nội*". Hà Nội, 2002.

30. Lê Thi, "*Bạo lực đối với phụ nữ là nguyên nhân hạn chế sự tiến bộ và phát triển*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 2/2001, tr 23-25.

31. Lê Thi, "*Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*". NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1997.

32. Hoàng Bá Thịnh, "*Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*". Trung tâm nghiên cứu Giới- Gia đình và Môi trọờng trong phát triển. NXB Thế giới 2005.

33. Hoàng Bá Thịnh: "*Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản ở Việt Nam sau Cairô*". Trung tâm nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trọờng trong phát triển. Hà Nội, 1999.

34. Lê Ý Thu, "*Cuộc sống gia đình*". NXB Phụ nữ. Hà Nội, 2000

35. Trung tâm dữ liệu các Tổ chức Phi chính phủ - NGO Directory 2006-2007.

36. Trung tâm Dữ liệu các Tổ chức Phi chính phủ, INGO Staff Profile 2007.

37. Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về Giới- Gia đình- Phụ nữ và Vị thành niên. Kỷ yếu hội thảo "*Xây dựng cộng đồng hợp tác phòng chống bạo lực trong gia đình*". Hà Nội, 2004.

38. Trung tâm sức khỏe Phụ nữ và Gia đình, "*Vì một xã hội không bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em*". Hà Nội, 2002.

39. Trung tâm tợ vấn Linh Tâm, "*Tài liệu tập huấn tư vấn về bạo lực trong gia đình và sức khỏe sinh sản*". Hà Nội, 1999.

40. Lê Ngọc Văn, "*Một số quan điểm của lý thuyết nữ quyền trong nghiên cứu gia đình*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- số 1/2005, tr 3- 11.

41. Lê Ngọc Văn, "*Vấn đề giới trong các nghiên cứu về gia đình*". Tạp chí Khoa học về Phụ nữ- Số 5/2005, tr 12- 21.

42. Lê Ngọc Văn, "*Gia đình Việt Nam với chức năng xã hội hóa*". NXB Giáo dục 1996.

43. World Health Organization, "*World report on violence and health*"-Summary, Geneva, 2002.

44. Care Việt Nam: Strategic Plan 2008 – 2012.

45. Oxfam, Annual Report 2007 – 2008.

46. http://cseed.org.vn (ngày truy cập gần nhất 6/11/2008).

47. http://rtccd.org.vn (ngày truy cập gần nhất 7/11/2008).

48. http://isee.org.vn (ngày truy cập gần nhất 7/11/2008).

49. http://rafh-vietnam.org (ngày truy cập gần nhất 7/11/2008).